

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



BÀI THỰC HÀNH
MÔN: NHẬP MÔN CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM

PHẦN MỀM
PHẦN MỀM TIK TOK

THÀNH VIÊN NHÓM

4551050113 – Nguyễn Thiên Phú

4551050072 – Đặng Lê Huy

4551050152 – Trần Yên Nhi

4551050164 – Nguyễn Thiên Phú

4551050168 – Nguyễn Võ Thế Phương

GVHD

VŨ SƠN LÂM

Năm 2024

MỤC LỤC

Bài thực hành 1

Câu 1: Xác định các loại người dùng 4

Câu 2: Phát biểu yêu cầu phần mềm ở cấp độ User requirement 4-6

Bài thực hành 2

Phát biểu yêu cầu phần mềm ở cấp độ Yêu cầu hệ thống 6-11

Bài thực hành 3

Thiết kế các màn hình cho các yêu cầu phần mềm đã xác định 12-38

Bài thực hành 4

Câu 1: Vẽ biểu đồ Use case 39-41

Câu 2: Viết chi tiết các Use case 41-68

Bài thực hành 5

Vẽ một số biểu đồ hoạt động (Activity diagram) cho hệ thống 68-81

Bài thực hành 6

Xây dựng các Test case cho các Yêu cầu phần mềm đã xác định. 72-99

Bảng đánh giá tổng hợp 100

LỜI MỞ ĐẦU

Trong thời đại công nghệ số phát triển mạnh mẽ, mạng xã hội đã và đang trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống con người, đóng vai trò kết nối, giải trí và truyền cảm hứng. Nổi bật giữa vô số nền tảng, **Tik Tok** đã vươn lên như một hiện tượng toàn cầu, chinh phục hàng tỷ người dùng chỉ trong một khoảng thời gian ngắn. Không đơn thuần là nơi chia sẻ video, TikTok đã định nghĩa lại cách con người sáng tạo và giao tiếp thông qua những khung hình ngắn gọn nhưng đầy cảm xúc.

Ra mắt vào năm 2016, **Tik Tok** nhanh chóng gây ấn tượng nhờ các tính năng đột phá, giao diện thân thiện và đặc biệt là khả năng cá nhân hóa nội dung dựa trên sở thích của từng người dùng. Điều này không chỉ mang lại trải nghiệm độc đáo mà còn giúp nền tảng trở thành một sân chơi sáng tạo không giới hạn, mở ra kỷ nguyên mới cho mạng xã hội dựa trên trí tuệ nhân tạo.

Bài báo cáo này sẽ tập trung phân tích toàn diện hệ thống của **Tik Tok**, từ kiến trúc công nghệ, các chức năng nổi bật, đến tác động xã hội và xu hướng mà nó thúc đẩy. Qua đó, bài viết làm rõ cách **Tik Tok** vươn lên trở thành một hiện tượng toàn cầu, đồng thời phản ánh vai trò của các nền tảng công nghệ trong việc định hình tương lai nội dung số và tương tác xã hội.

BÀI THỰC HÀNH SỐ 1

Câu 1. Xác định các loại người dùng

1. **Người xem** (Người dùng chưa đăng ký tài khoản nhưng có thể xem video).
2. **Người dùng** (Người dùng đã đăng ký tài khoản và có thể tạo, chia sẻ video và tương tác với nội dung)
3. **Người sáng tạo nội dung** (Người dùng có tài khoản và thường xuyên tạo và đăng tải video)
4. **Người quản lý** (Người dùng có quyền quản lý nội dung và người dùng trên nền tảng)
5. **Nhà quảng cáo và thương hiệu** (Cá nhân/Công ty/Thương hiệu muốn quảng bá sản phẩm/dịch vụ qua quảng cáo trên Tiktok)

Câu 2. Phát biểu yêu cầu phần mềm ở cấp độ Yêu cầu người dùng (User requirement) cho các loại người dùng trên.

1. Người xem (Visitor)

Mã yêu cầu	Nhóm chức năng	Chức năng	Mô tả
R1.1	Tìm kiếm và khám phá nội dung	Tìm kiếm	Người xem có thể tìm kiếm nội
		Xem video	Người xem có thể xem video bất kỳ
		Đăng ký	Người xem có thể đăng ký tài khoản

2. Người dùng(User)

Mã yêu cầu	Nhóm chức năng	Chức năng	Mô tả
R2.1	Quản lý tài khoản	Đăng nhập	Người dùng có thể tạo tài khoản mới hoặc đăng nhập vào tài khoản đã có.
		Quản lý cài đặt tài khoản	Người dùng có thể chỉnh sửa đổi mật khẩu, chế độ riêng tư (công khai hoặc riêng tư)
		Chỉnh sửa thông tin cá nhân	Người dùng có thể chỉnh sửa thông tin cá nhân: tên, ảnh đại diện, mô tả ngắn.
		Nhận thông báo	Nhận thông báo khi có lượt thích, bình luận, chia sẻ video, tin nhắn, người theo dõi mới, hoặc livestream từ tài khoản đã theo dõi.
R2.2	Tương tác và khám phá nội dung	Xem video	Người dùng có thể xem video bất kỳ
		Tương tác với video	Người dùng có tương tác với video bằng cách thả tim, bình luận, chia sẻ,...
		Tìm kiếm	Người dùng có thể tìm kiếm trên hệ thống.
		Tương tác với tài khoản khác	Người dùng có thể follow, nhắn tin, và nhiều chức năng khác

R2.3	Tạo nội dung	Tạo và đăng tải video	Người dùng có thể tạo và đăng tải video
------	--------------	-----------------------	---

3. Người sáng tạo nội dung (Content Creator)

Mã yêu cầu	Nhóm chức năng	Chức năng	Mô tả
R3.1	Tạo và quản lý nội dung	Tải lên video	Người sáng tạo nội dung có thể đăng tải video lên nền tảng
		Chỉnh sửa video	Người sáng tạo nội dung có thể chỉnh sửa tiêu đề, chú thích, hashtag...
		Tùy chỉnh trạng thái video	Người sáng tạo nội dung có thể đăng tải video ở trạng thái công khai/ bạn bè/ riêng tư.
R3.2	Quản lý tương tác cộng đồng	Quản lý bình luận	Người sáng tạo nội dung có thể xem, trả lời, xóa hoặc báo cáo bình luận.
		Theo dõi thông báo	Người sáng tạo nội dung có thể xem thông báo về lượt thích, bình luận hoặc chia sẻ của video mình đăng.
		Tương tác tài khoản	Người sáng tạo nội dung có thể xem danh sách người theo dõi, trả lời tin nhắn hoặc theo dõi lại người dùng
R3.3	Phân tích hiệu suất nội dung	Xem báo cáo hiệu suất video	Người sáng tạo nội dung có thể xem các chỉ số phân tích video như: số lượt xem, lượt thích, chia sẻ, tỉ lệ giữ chân khán giả,...
R3.4	Quản lý doanh thu	Xem thống kê doanh thu	Người sáng tạo nội dung có thể xem các số liệu về thu nhập của mình từ các nguồn: Quỹ sáng tạo, Livestream hoặc hợp tác với thương hiệu
		Yêu cầu rút tiền	Người sáng tạo nội dung có thể rút thu nhập của mình qua các phương thức thanh toán được hỗ trợ sau khi đạt ngưỡng tối thiểu.

4. Người quản lý

Mã yêu cầu	Nhóm chức năng	Chức năng	Mô tả
R4.1	Quản lý	Quản lý người dùng	Nhà quản lý kiểm soát và theo dõi hoạt động của người dùng
		Thiết lập và quản lý chính sách nội dung	Nhà quản lý giám sát và kiểm duyệt các video được đăng tải
R4.2	Tương tác người dùng	Xử lý khiếu nại, tố cáo	Hỗ trợ người quản lý trong việc tạo, chỉnh sửa, theo dõi và lưu trữ các báo cáo
R4.3	Quản lý dữ liệu	Quản lý báo cáo	Hỗ trợ người quản lý trong việc tạo, chỉnh sửa, theo dõi và lưu trữ các báo cáo
		Phân tích dữ liệu	Hiển thị các thông tin, dữ liệu sau khi được phân tích

5. Nhà quảng cáo và thương hiệu

Mã yêu cầu	Nhóm chức năng	Chức năng	Mô tả
R5.1	Quản lý chiến dịch	Tìm chiến dịch	-Nhà quảng cáo có thể tìm kiếm chiến dịch
		Tạo chiến dịch	Nhà quảng cáo có thể tạo mới chiến dịch
		Cập nhật chiến dịch	Nhà quảng cáo có thể cập nhật chiến dịch
		Xóa chiến dịch	Nhà quảng cáo có thể xóa chiến dịch.
R5.2	Phân tích và báo cáo	Báo cáo chiến dịch	Nhà quảng cáo có thể xem phân tích và báo cáo chiến dịch

BÀI THỰC HÀNH SỐ 2

1. Người xem (Visitor)

Mã yêu cầu	Nhóm chức năng	Chức năng	Mô tả
R1.1.1	Tìm kiếm và khám phá nội dung	Tìm kiếm	Hệ thống cung cấp công cụ tìm kiếm, cho phép người xem nhập từ khóa để tìm nội dung. Tính năng này hỗ trợ lọc kết quả theo các tiêu chí (như video, người dùng, âm thanh, hashtag...) giúp người xem dễ dàng tìm được nội dung phù hợp.
		Xem video	<ul style="list-style-type: none"> - Người xem có thể xem tất cả các video công khai trên hệ thống. - Hệ thống cho phép người xem tạm dừng, tua video, tùy chỉnh tốc độ, lưu video, báo cáo video, chia sẻ hoặc chuyển sang video tiếp theo. - Người xem có thể xem thông tin video như tên người đăng; số lượt thích, bình luận, chia sẻ; mô tả video, hashtag và nhạc nền sử dụng.
R2.1.1		Đăng ký	Người xem có thể đăng ký tài khoản mới để có thể sử dụng các chức năng của người dùng

2. Người dùng (User)

Mã yêu cầu	Nhóm chức năng	Chức năng	Mô tả
R2.1.1	Quản lý tài khoản	Đăng nhập	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cho phép người dùng đăng nhập bằng nền tảng mà người dùng đã đăng ký từ trước. Sau khi người dùng đã chọn nền tảng đăng nhập, hệ thống phải xác thực thông tin đăng nhập và chuyển hướng người dùng đến trang chính nếu thông tin chính xác. - Nếu thông tin đăng nhập không chính xác, hệ thống phải hiển thị

			<p>thông báo lỗi và yêu cầu người dùng thử lại.</p> <p>-Hệ thống cung cấp tùy chọn "Quên mật khẩu" để người dùng có thể khôi phục mật khẩu của mình khi đăng ký tài khoản bằng Email/ Số điện thoại.</p>
		Quản lý cài đặt tài khoản	<p>Tính năng Quản lý cài đặt tài khoản cho phép người dùng tùy chỉnh các thiết lập quan trọng như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đổi mật khẩu: <ul style="list-style-type: none"> Cập nhật mật khẩu mới sau khi xác nhận mật khẩu hiện tại. Yêu cầu mật khẩu mạnh (ít nhất 8 ký tự, có chữ hoa, chữ thường, số và ký tự đặc biệt). Hỗ trợ đặt lại mật khẩu qua email hoặc số điện thoại khi quên. Chế độ riêng tư: <ul style="list-style-type: none"> Công khai: Mọi người đều có thể xem hồ sơ và nội dung của bạn. Riêng tư: Chỉ những người bạn cho phép mới được xem thông tin và bài đăng. Dễ dàng chuyển đổi chế độ trong cài đặt. <p>Mục tiêu: Đảm bảo bảo mật và quyền riêng tư cá nhân. Tạo trải nghiệm linh hoạt, phù hợp với nhu cầu từng người dùng.</p>
R2.1.2		Chỉnh sửa thông tin cá nhân	<p>-Tính năng Chỉnh sửa thông tin cá nhân cho phép người dùng tùy chỉnh các thông tin cơ bản trong hồ sơ của mình:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên: <ul style="list-style-type: none"> Cập nhật tên hiển thị để phù hợp với nhu cầu cá nhân hoặc thương hiệu. Ảnh đại diện: <ul style="list-style-type: none"> Thay đổi hoặc cập nhật hình ảnh mới từ thư viện hoặc chụp trực tiếp. Hỗ trợ định dạng ảnh phổ biến (JPEG, PNG). Mô tả ngắn: <ul style="list-style-type: none"> Tùy chỉnh phần giới thiệu ngắn gọn về bản thân, tối ưu hóa để tạo ấn tượng với người xem. <p>Mục tiêu: Giúp cá nhân hóa hồ sơ người dùng. Đảm bảo dễ dàng thay đổi và làm mới thông tin.</p>

R2.1.3		Nhận thông báo	<ul style="list-style-type: none"> - Khi người dùng đăng tải một video, họ sẽ nhận được thông báo khi có ai đó thích, bình luận, hoặc chia sẻ video của họ. - Khi có người mới theo dõi, hệ thống sẽ gửi thông báo để người dùng biết, từ đó có thể theo dõi lại hoặc tương tác với người theo dõi mới nếu muốn. - Người dùng sẽ nhận thông báo khi có tin nhắn mới từ bạn bè hoặc lời mời tham gia trò chuyện. - Khi tài khoản mà người dùng theo dõi bắt đầu live stream, Tik Tok sẽ gửi thông báo để mời họ tham gia xem trực tiếp. - Khi người dùng khác theo dõi tài khoản của người dùng hiện tại, thì hệ thống sẽ gửi thông báo cho người dùng.
R2.2.1	Tương tác, Tìm kiếm và khám phá nội dung	Xem video	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống tự động phát video khi người dùng cuộn xuống trang. - Hệ thống cho phép người dùng tạm dừng, phát lại, hoặc chuyển sang video tiếp theo. - Hệ thống hiển thị thông tin về video đang xem bao gồm ảnh của người sáng tạo, số lượt thích, số bình luận,..
R2.2.2		Tương tác với video	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng có thể nhấn nút "Thích" để thể hiện sự yêu thích với video. - Người dùng để lại bình luận dưới video và xem các bình luận của người khác. - Người dùng chia sẻ video qua các tài khoản người dùng khác và các nền tảng mạng xã hội khác hoặc sao chép liên kết.
R2.2.3		Tương tác với tài khoản khác	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng có thể bấm nút theo dõi để theo dõi người dùng khác. - Người dùng có thể trò chuyện (nhắn tin) với các tài khoản người dùng khác. Người dùng có thể gửi tin nhắn như văn bản, hình ảnh video,... - Người dùng có thể gửi video trực tiếp đến bạn bè qua tính năng tin nhắn, giúp chia sẻ nội dung dễ dàng hơn. - Người dùng có thể gắn thẻ tài khoản của bạn bè hoặc người dùng có liên quan khi bình luận video hay đăng tải video. - Người dùng có thể mua coin và gửi các quà tặng ảo cho người sáng tạo trong các buổi livestream.
R2.2.4		Tìm kiếm	<p>Hệ thống cung cấp công cụ tìm kiếm, cho phép người xem nhập từ khóa để tìm nội dung. Tính năng này hỗ trợ lọc kết quả theo các tiêu chí (như video, người dùng, âm thanh, hashtag...) giúp người xem dễ dàng tìm được nội dung phù hợp.</p>

3. Người sáng tạo nội dung (Content Creator)

Mã yêu cầu	Nhóm chức năng	Chức năng	Mô tả
R3.1.1		Tải lên video	<ul style="list-style-type: none"> - Khi Người sáng tạo chọn tải lên video, hệ thống hiển thị giao diện chọn file video từ thiết bị hoặc tùy chọn quay video trực tiếp. - Người sáng tạo có thể thêm các thông tin bổ sung như tiêu đề, mô tả, hashtag, và ảnh thumbnail. Hệ thống sẽ xác thực các thông tin này trước khi đăng tải. - Hệ thống xử lý tải lên và lưu trữ video. Khi tải lên thành công, hệ thống sẽ thông báo và hiển thị video trong danh sách đăng tải của Người sáng tạo.
R3.1.2	Tạo và Quản lý nội dung	Chỉnh sửa video	<ul style="list-style-type: none"> - Người sáng tạo có thể cắt và ghép các đoạn video để tạo ra một video hoàn chỉnh. - Người sáng tạo có thể thêm văn bản vào video với các tùy chọn định dạng như phông chữ, màu sắc và kích thước. - Người sáng tạo có thể chọn và chèn nhãn dán từ thư viện của hệ thống vào video. - Người sáng tạo có thể thêm nhạc nền từ thư viện TikTok hoặc từ thiết bị cá nhân. - Người sáng tạo có thể điều chỉnh âm lượng nhạc nền và âm thanh gốc của video một cách độc lập. - Người sáng tạo có thể xem các thông tin chi tiết về video như thời lượng, dung lượng, và tỷ lệ khung hình trong quá trình chỉnh sửa. - Người sáng tạo có thể hoàn tất các thao tác chỉnh sửa gần nhất hoặc làm lại các thao tác đã hoàn tất trước đó. - Người sáng tạo có thể lưu video đang chỉnh sửa dưới dạng bản nháp để tiếp tục chỉnh sửa sau.
R3.2.1	Quản lý tương tác cộng đồng	Quản lý bình luận	<ul style="list-style-type: none"> - Người sáng tạo có thể xem danh sách các bình luận trên video của mình. - Người sáng tạo có thể trả lời trực tiếp từng bình luận để tương tác với khán giả. - Người sáng tạo có thể nhấn thích (tym) các bình luận để bày tỏ sự đồng tình hoặc yêu thích và ngược lại nhấn dislike. - Người sáng tạo có thể xóa hoặc báo cáo các bình luận không phù hợp hoặc vi phạm chính sách cộng đồng. - Người sáng tạo có thể ghim một bình luận quan trọng để nó luôn hiển thị đầu tiên trong danh sách bình luận. - Người sáng tạo có thể tắt hoàn toàn tính năng bình luận cho một hoặc nhiều video cụ thể.

R3.3.1	Phân tích hiệu suất nội dung	Xem báo cáo hiệu suất video	<ul style="list-style-type: none"> -Người sáng tạo có thể xem số lượt xem, tổng thời gian phát, thời gian xem trung bình, đã xem hết video của từng video. -Người sáng tạo có thể xem các chỉ số tương tác như số lượt thích, bình luận, chia sẻ và lưu video. -Người sáng tạo có thể xem thông tin về khán giả, bao gồm độ tuổi, giới tính, khu vực. -Người sáng tạo có thể xem nguồn gốc lưu lượng truy cập đến video, chẳng hạn như từ trang "Dành cho bạn" (For You), hồ sơ cá nhân, hoặc tìm kiếm. -Người sáng tạo có thể xem thời gian xem trung bình của mỗi video (tỷ lệ duy trì) để đánh giá mức độ giữ chân khán giả. -Người sáng tạo có thể so sánh hiệu suất giữa các video khác nhau để xác định xu hướng và nội dung được yêu thích nhất.
R3.4.2	Quản lý doanh thu	Yêu cầu rút tiền	<ul style="list-style-type: none"> -Người sáng tạo xác minh danh tính trước khi rút. -Người sáng tạo có thể yêu cầu rút tiền dựa trên các ngưỡng cụ thể, chẳng hạn như thu nhập từ Quỹ Người sáng tạo, quà tặng trực tiếp hoặc hợp tác với thương hiệu. -Người sáng tạo có thể chọn phương thức rút tiền (Tài khoản ngân hàng/ PayPal/Zalopay) -Sau khi yêu cầu rút tiền được thực hiện, người sáng tạo có thể xem trạng thái giao dịch, bao gồm "thành công" hoặc "thất bại" thông qua trang giao dịch trong ứng dụng.

4. Nhà quản lý

Mã yêu cầu	Nhóm chức năng	Chức năng	Mô tả
R4.1.1	Quản lý	Quản lý người dùng	<ul style="list-style-type: none"> -Nhà quản lý có thể kiểm soát và theo dõi hoạt động của người dùng trên hệ thống. Có thể xem thông tin chi tiết về người dùng, như số lượng người theo dõi, số video đã đăng, và hành vi người dùng. -Nhà quản lý có thể chấp nhận, chặn hoặc có quyền xử lý các hành vi vi phạm, chẳng hạn như khóa tài khoản hoặc hạn chế hoạt động của những người dùng vi phạm quy tắc cộng đồng hay có dấu hiệu lạm dụng.
R4.1.2		Thiết lập và quản lý chính sách nội dung	<ul style="list-style-type: none"> -Nhà quản lý có thể kiểm duyệt, xóa hoặc ẩn các nội dung đăng tải, bao gồm video, bình luận và âm nhạc, đảm bảo chúng tuân thủ các quy tắc cộng đồng. -Nhà quản lý có thể điều chỉnh và định hướng nội dung xu hướng trên hệ thống để đảm bảo rằng các video nổi bật phù hợp với các giá trị và tiêu chí của nền tảng. -Quản lý các yếu tố bản quyền đối với các nội dung tải lên như âm nhạc, hình ảnh và nội dung có thể vi phạm bản quyền.
R4.2.1	Tương tác người dùng	Xử lý tố cáo, khiếu nại	<ul style="list-style-type: none"> -Nhà quản lý có thể dễ dàng kiểm tra các khiếu nại của người dùng về bản quyền, về các chính sách xử phạt nhằm lẩn của người quản lý -Nhà quản lý có thể dễ dàng tìm được các video vi phạm chính sách khi được người dùng tố cáo

R4.3.1	Quản lý dữ liệu	Quản lý báo cáo	-Nhà quản lý có thể tạo lập các báo cáo theo định dạng có sẵn -Nhà quản lý có thể phân phối báo cáo qua email hoặc excel và lưu trữ được các báo cáo
R4.3.2		Phân tích dữ liệu	-Nhà quản lý có thể khám phá và tổng hợp dữ liệu -Hệ thống phân tích chẩn đoán, dự đoán và trực quan hóa dữ liệu giúp người quản lý dễ dàng nắm bắt

5. Nhà quảng cáo và thương hiệu

Mã yêu cầu	Nhóm chức năng	Chức năng	Mô tả
R5.1.1	Quản lý chiến dịch	Tìm chiến dịch	-Tìm kiếm chiến dịch theo:Mã chiến dịch ,tên chiến dịch,loại chiến dịch ,mô tả chiến dịch. -Nếu không thấy chiến dịch nào hệ thống thông báo “không tìm thấy chiến dịch nào”
R5.1.2		Tạo chiến dịch	-Tạo mới chiến dịch -Nhập các thông tin bao gồm:Mã chiến dịch,tên chiến dịch,loại,mô tả -Mã chiến dịch được hệ thống phát sinh tự động. -Hệ thống hiển thị hệ thống tạo chiến dịch thành công
R5.1.3		Cập nhật chiến dịch	-Từ màn hình xem các chiến dịch, nhà quảng cáo có thể cập nhật chiến dịch . -Cập nhật chiến dịch các thông tin bao gồm:Mã chiến dịch,tên chiến dịch,loại,mô tả -Hệ thống hiện hộp thoại xác nhận lưu trước khi cập nhật
R5.1.4		Xóa chiến dịch	-Từ màn hình xem các chiến dịch, nhà quảng cáo có thể xóa chiến dịch -Hệ thống hiển thị hộp thoại xác nhận xóa trước khi xóa
R5.2.1	Phân tích và báo cáo	Báo cáo chiến dịch	-Nhà quảng cáo có thể xem chi tiết thông tin chiến dịch - báo cáo chiến dịch các chỉ số dựa trên dữ liệu thu thập được(số lượt xem,số lượt thích,...).

BÀI THỰC HÀNH SỐ 3

*Người vẽ: Nguyễn Diệu Linh

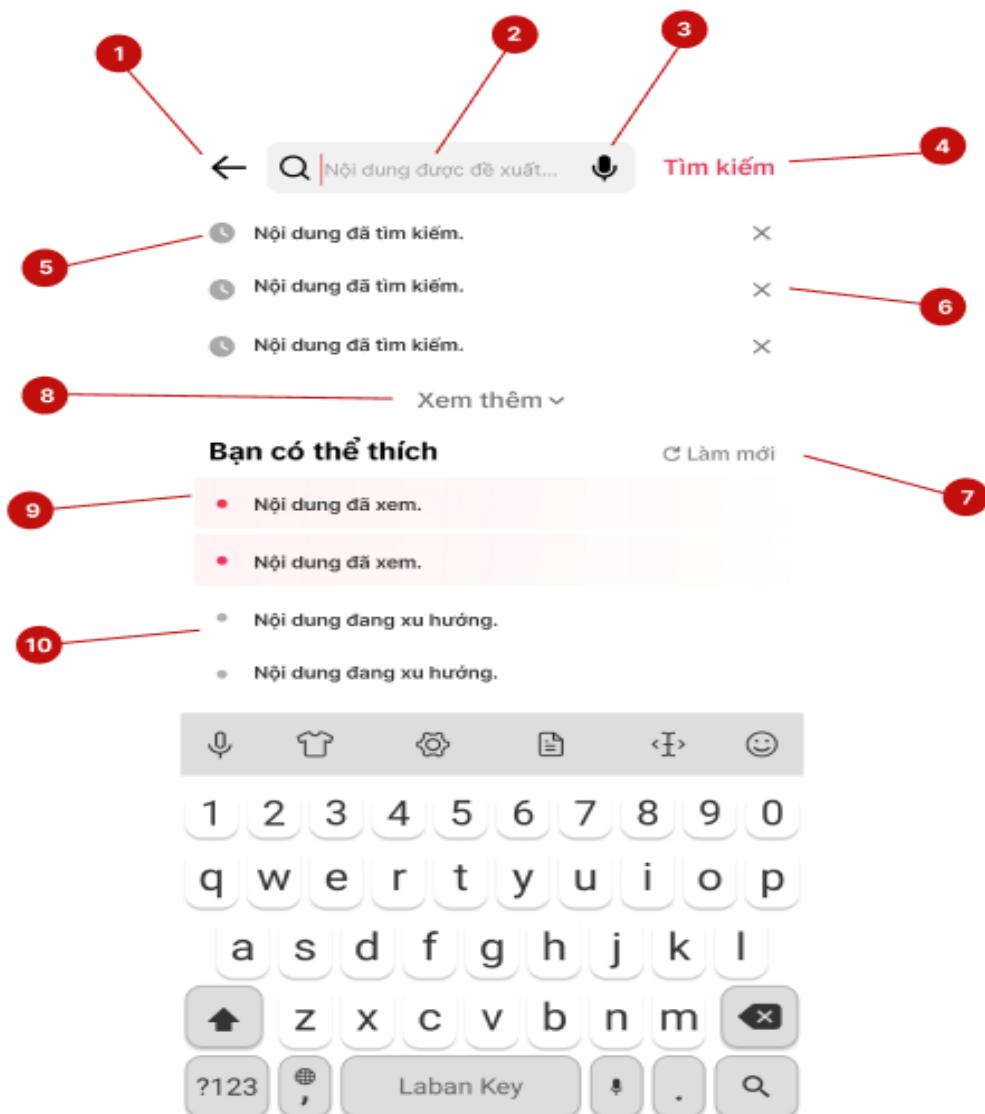
Mã màn hình	SCR - 001	Tên chức năng	Tìm kiếm	Ngày tạo	11/11/2024
				Người tạo	Diệu Linh

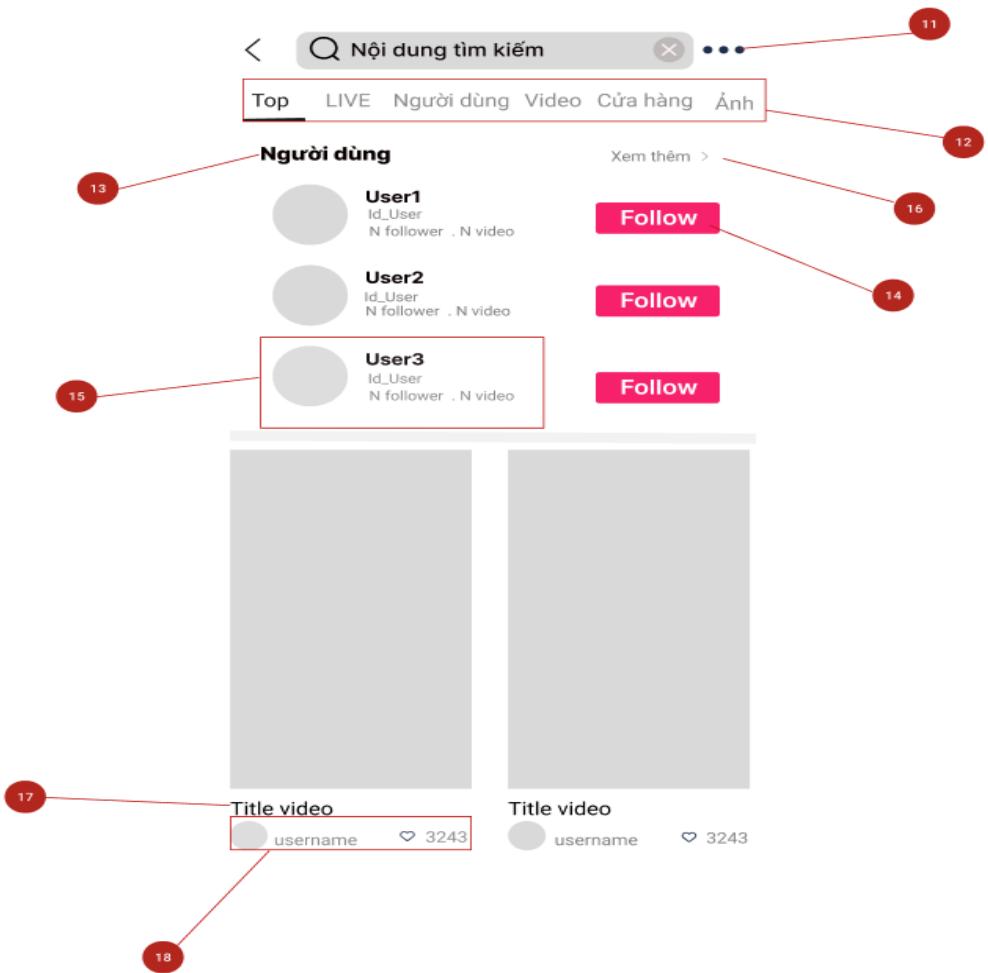
1.Tổng quan

- Màn hình được mở lên khi người xem ấn vào biểu tượng kính lúp.
- Người xem có thể nhập từ khóa liên quan để tìm kiếm nội dung.
- Màn hình hiển thị kết quả liên quan bên dưới thanh tìm kiếm.

2.Thiết kế màn hình

2.1. Giao diện màn hình





2.2. Các thành phần trong màn hình thẻ loại

SST	Tên	Kiểu	Mô tả
1	Quay lại	Button	Quay lại trang trước đó (Trang chủ)
2	Ô tìm kiếm	Textbox	Để nhập nội dung tìm kiếm
3	Voice	Button	Tìm kiếm bằng giọng nói thay vì nhập
4	Nút Tìm kiếm	Button	Dùng để tìm kiếm kết quả sau khi nhập thông tin
5	Nội dung đã tìm	Label	Nội dung mà người nhập đã nhập tìm kiếm trước
6	Xóa (X)	Button	Để xóa những nội dung đã tìm kiếm trước đó
7	Làm mới	Button	Làm mới các nội dung mà hệ thống đề xuất
8	Xem thêm	Button	Hiển thị thêm những nội dung đã tìm trước đó

9	Nội dung đã xem	Label	Nội dung mà người xem đã xem trước đó
10	Nội dung được đề xuất	Label	Nội dung mà hệ thống đề xuất cho người xem (Xu hướng, Được yêu thích,...)
11	Tùy chọn hỗ trợ	Button	Giúp người xem có thể tùy chọn lọc nội dung theo các tiêu chí: Sắp xếp theo, Danh mục video, Ngày đăng,...
12	Thanh danh mục	Label	Hiển thị các danh mục tìm kiếm
13	Tags danh mục	Label	Tên tags của nội dung được hiển thị bên dưới.
14	Follow	Button	Nút theo dõi người dùng đó.
15	Thông tin tài khoản	Label	Hiển thị tóm tắt thông tin tài khoản đó gồm: Ảnh đại diện, Tên hiển thị, id tài khoản, số người follow, số video
16	Xem thêm	Button	Xem thêm các tài khoản khác
17	Mô tả video	Label	Nội dung mô tả của video
18	Thông tin hiển thị	Label	Hiển thị ảnh, tên hiển thị tài khoản và số lượt thích video.

2..3 Nhữnng tương tác chính với màn hình

1.Tìm kiếm nội dung

- Người dùng nhập từ khóa vào ô tìm kiếm ở phía trên màn hình.
- Tùy chọn bổ sung: Người dùng có thể nhấn vào biểu tượng micro để kích hoạt tìm kiếm bằng giọng nói.
- Kết quả hiển thị:
 - Nội dung tìm kiếm sẽ được trả về dưới dạng danh sách video, tài khoản, hoặc hashtag liên quan.
 - Các kết quả được phân loại theo mức độ liên quan hoặc theo xu hướng.

2. Xem lịch sử tìm kiếm

- Danh sách gợi ý: Ở phần bên dưới, người dùng sẽ thấy các nội dung đã tìm kiếm trước đó hoặc gợi ý từ hệ thống dựa trên sở thích.
- Tùy chỉnh: Có thể nhấn vào nút Xóa (dấu “X”) để xóa từng mục lịch sử hoặc làm mới toàn bộ gợi ý.

3.Khám phá nội dung chi tiết

- Khi nhấn vào bất kỳ nội dung nào trong danh sách kết quả hoặc gợi ý, người dùng sẽ được chuyển đến trang chi tiết:
 - Với video: Xem video và các bình luận.
 - Với hashtag hoặc tài khoản: Xem chi tiết liên quan như bài đăng nổi bật hoặc thông tin tài khoản.

4.Tương tác thêm với gợi ý

- Hệ thống hiển thị các mục như "Bạn có thể thích" hoặc "Nội dung đang xu hướng" để giúp người dùng khám phá nội dung mới.
- Người dùng có thể bấm "Xem thêm" để mở rộng danh sách.

5.Phân loại kết quả tìm kiếm

- Người dùng có thể lọc kết quả thông qua các **danh mục** :
 - **Top**: Hiển thị các nội dung phổ biến nhất liên quan đến từ khóa.
 - **LIVE**: Hiển thị danh sách các video trực tiếp phù hợp.
 - **Người dùng**: Hiển thị danh sách tài khoản TikTok liên quan đến từ khóa.
 - **Video**: Hiển thị danh sách các video phù hợp.
 - **Cửa hàng**: Kết quả liên quan đến các sản phẩm trong TikTok Shop.
 - **Ảnh**: Hiển thị hình ảnh liên quan đến từ khóa.

6.Xem chi tiết người dùng

- Tại danh mục **Người dùng**, hệ thống hiển thị danh sách các tài khoản TikTok phù hợp với từ khóa
- **Thông tin chi tiết**: Bao gồm tên tài khoản, ID người dùng, số lượng người theo dõi, và số lượng video đã đăng tải.
- Người dùng có thể nhấp vào nút "**Follow**" để theo dõi tài khoản hoặc nhấp vào tài khoản để xem chi tiết hồ sơ.

7.Xem chi tiết video

- Danh sách các video liên quan sẽ hiển thị ở phía dưới thanh tìm kiếm.
- **Thông tin video**: Bao gồm tiêu đề video, tên người đăng, và số lượt thích.
- Người dùng có thể nhấp vào video để xem chi tiết hoặc tương tác (thích, bình luận, chia sẻ).

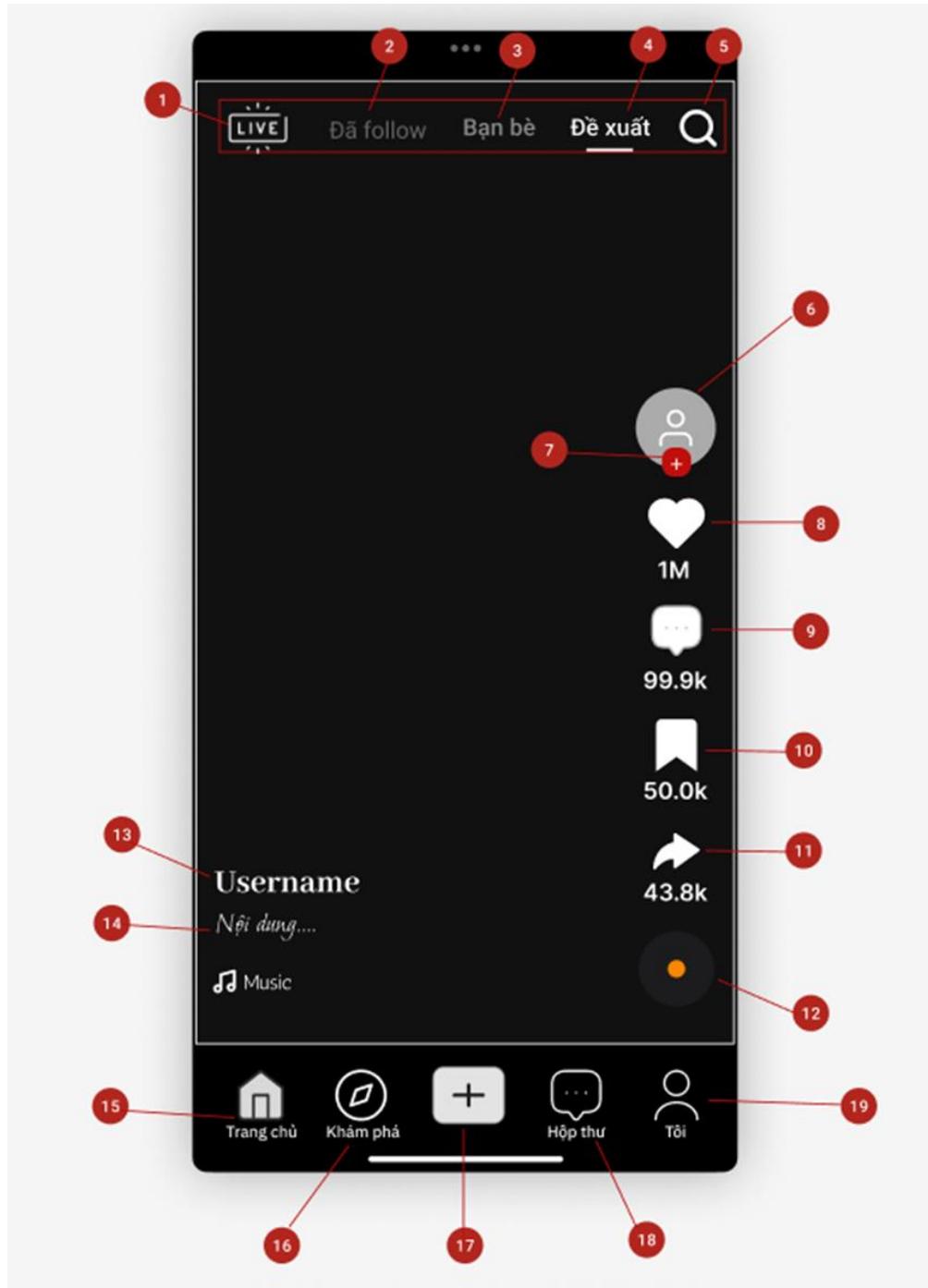
Mã màn hình	SCR - 002	Tên chức năng	Xem video (Trang chủ)	Ngày tạo	11/11/2024
				Người tạo	Điệu Linh

1.Tổng quan

- Màn hình được mở lên khi người xem/người dùng truy cập vào hệ thống
- Màn hình cho phép người xem/dùng xem các video công khai.
- Người dùng (đã có tài khoản) có thể tương tác với video.

2.Thiết kế màn hình

2.1. Giao diện màn hình



2.2 Các thành phần trong màn hình

STT	Tên	Kiểu	Mô tả
1	Live	Button	Xem live(trực tiếp) của các nhà sáng tạo
2	Đã follow	Button	Xem các video của người mà tài khoản đã follow
3	Bạn bè	Button	Xem các video của bạn bè (đã follow chéo)
4	Đề xuất	Button	Xem các video được hệ thống đề xuất (video xu hướng, video liên quan,...)
5	Tìm kiếm	Button	Tìm kiếm video/tài khoản
6	Ảnh đại diện	Button	Khi ấn vào sẽ hiển thị thông tin tài khoản nhà sáng tạo của video đó.

7	Nút follow	Button	Để follow tài khoản
8	Nút thích (tym)	Button	Tương tác thích hoặc bỏ thích video đang xem
9	Bình luận	Button	Hiển thị các bình luận của video
10	Yêu thích	Button	Thêm video vào bộ sưu tập
11	Chia sẻ	Button	Chia sẻ video trên đa nền tảng
12	Âm nhạc	Button	Khi ấn vào sẽ hiển thị tên nhạc, chủ của nhạc và các video đã sử dụng nhạc đó
13	Tên hiển thị	Label	Xem tên hiển thị của tài khoản
14	Nội dung	Label	Hiển thị nội dung mà nhà sáng tạo đăng(content, hashtag, gắn thẻ,...)
15	Trang chủ	Button	Quay trở lại trang chủ
16	Khám phá	Button	Khám phá các nội dung, video khác
17	Thêm	Button	Dùng để quay video, đăng tải video
18	Hộp thư	Button	Xem các thông báo
19	Tôi	Button	Xem hồ sơ (thông tin cá nhân)

2.3. Những tương tác chính với màn hình

1. Xem video

- Người dùng có thể vuốt lên hoặc xuống trên màn hình để chuyển sang video tiếp theo hoặc quay lại video trước.
- Video sẽ tự động phát khi hiển thị trên màn hình, âm thanh được bật mặc định hoặc tùy chỉnh theo cài đặt người dùng.

2. Thả tim (Like)

- Nhấn vào biểu tượng trái tim để thể hiện sự yêu thích với video.
- Số lượt thích sẽ được cập nhật ngay lập tức sau khi nhấn.

3. Bình luận

- Nhấn vào biểu tượng bong bóng thoại để mở phần bình luận của video.
- Người dùng có thể đọc hoặc thêm bình luận tại đây.

4. Lưu video

- Nhấn vào biểu tượng dấu trang để lưu video vào danh sách yêu thích hoặc xem lại sau.

5. Chia sẻ video

- Nhấn vào biểu tượng mũi tên để chia sẻ video qua mạng xã hội, tin nhắn, hoặc các nền tảng khác.
- Có thể sao chép liên kết hoặc tải xuống (nếu người đăng cho phép).

6. Theo dõi tài khoản

- Nhấn vào biểu tượng dấu "+" gần avatar người đăng video để theo dõi tài khoản của họ.
- Khi theo dõi, nội dung từ tài khoản này sẽ xuất hiện trong mục "Đã follow".

7. Xem chi tiết tài khoản

- Nhấn vào avatar hoặc tên tài khoản để truy cập trang cá nhân.
- Tại đây, người dùng có thể xem danh sách video đã đăng, thông tin cá nhân hoặc nhẫn tin.

8. Tương tác với nhạc nền

- Nhấn vào biểu tượng nhạc ở góc dưới để xem thông tin bài hát sử dụng trong video.
- Có thể lưu hoặc sử dụng bài hát này để tạo video mới.

9. Tìm kiếm video hoặc nội dung mới

- Nhấn vào biểu tượng kính lúp (ở thanh trên cùng) để truy cập màn hình tìm kiếm.
- Người dùng nhập từ khóa để tìm kiếm nội dung, tài khoản, hoặc bài hát.

10. Khám phá xu hướng

- Chuyển sang tab "Khám phá" để duyệt các video đang thịnh hành.

11. Quay lại trang chủ

- Nhấn vào biểu tượng "Trang chủ" để quay về màn hình chính, nơi hiển thị các video đề xuất hoặc từ tài khoản đã theo dõi.

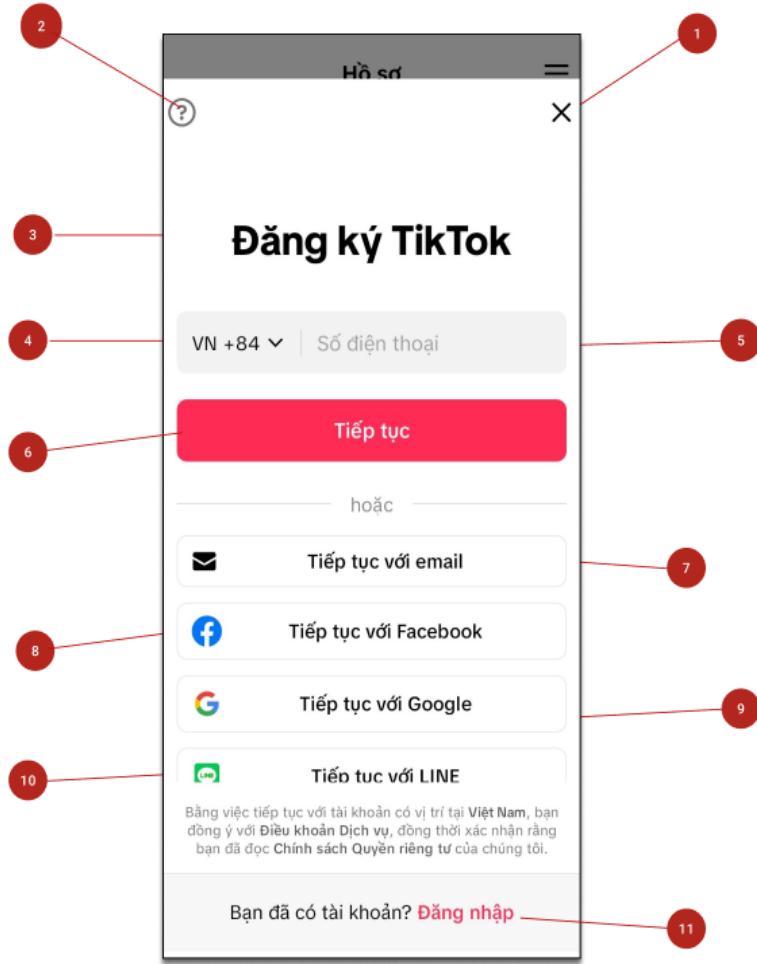
Mã màn hình	SCR - 003	Tên chức năng	Đăng ký	Ngày tạo	11/11/2024
				Người tạo	Diệu Linh

1.Tổng quan

- Màn hình được mở lên khi người xem ấn thả thích, theo dõi, bình luận video bất kì,..
- Màn hình được mở lên khi người xem ấn vào đăng ký.

2.Thiết kế màn hình

2.1. Giao diện màn hình



2.2 Các thành phần trong màn hình

STT	Tên	Kiểu	Mô tả
1	Nút đóng (X)	Button	Dùng để đóng form đăng ký.
2	Báo cáo vân đê	Button	Hệ thống sẽ hỗ trợ người xem về một số vân đê gặp phải với tài khoản.
3	Tiêu đề	Label	Tiêu đề form đăng ký
4	Chọn vùng	Button	Chọn vùng quốc gia
5	Nhập số điện thoại	Textbox	Dùng để nhập số điện thoại muốn đăng ký.
6	Tiếp tục	Button	Chuyển hướng sau khi nhập số điện thoại
7	Đăng ký bằng Email	Label	Đăng ký tài khoản bằng email
8	Đăng ký bằng Facebook	Label	Đăng ký tài khoản nhanh bằng liên kết tài khoản Facebook
9	Đăng ký bằng Google	Label	Đăng ký tài khoản nhanh bằng liên kết tài khoản Google
10	Đăng ký bằng Line	Label	Đăng ký tài khoản nhanh bằng qua Line
11	Đăng nhập	Button	Dùng để chuyển hướng qua form đăng nhập.

2.3. Những tương tác chính với màn hình

1. Đóng giao diện đăng ký

- Nhấn vào biểu tượng dấu "X" ở góc phải trên cùng của màn hình.
- Khi nhấn, hệ thống sẽ đóng màn hình đăng ký và đưa người dùng trở lại giao diện trước đó, chẳng hạn như màn hình chính hoặc trang cá nhân.

2.Hỗ trợ thông tin

- Nhấn vào biểu tượng dấu "?" ở góc trái trên cùng.
- Hệ thống sẽ hiển thị một cửa sổ hoặc trang hỗ trợ, cung cấp các câu hỏi thường gặp hoặc hướng dẫn chi tiết về cách hoàn thành việc đăng ký tài khoản.

3.Chọn hình thức đăng ký chính

- Phần tiêu đề "**Đăng ký TikTok**" được hiển thị rõ ràng, cho phép người dùng chọn cách đăng ký tài khoản phù hợp nhất với mình:
 - Sử dụng số điện thoại.
 - Sử dụng email.
 - Sử dụng tài khoản liên kết như Facebook, Google, LINE.

4.Nhập số điện thoại

- Trường nhập liệu cho phép người dùng điền số điện thoại cá nhân.
- Trước khi nhập, cần kiểm tra và chọn đúng mã quốc gia (mặc định là **VN +84**).
- Người dùng nhập chính xác số điện thoại (bao gồm 9 hoặc 10 chữ số, không bao gồm số 0 đầu tiên).

5.Chọn mã quốc gia

- Nhấn vào mã quốc gia (**VN +84**) để mở danh sách các mã vùng quốc tế.
- Cuộn và chọn mã vùng của quốc gia mà số điện thoại của bạn thuộc về, đảm bảo rằng mã này khớp với thông tin thực tế.

6.Tiếp tục với số điện thoại

- Sau khi nhập đầy đủ số điện thoại, nhấn vào nút "**Tiếp tục**".
- Hệ thống sẽ gửi mã OTP (One-Time Password) qua tin nhắn SMS đến số điện thoại vừa nhập.
- Người dùng cần nhập mã OTP chính xác để xác nhận và hoàn tất bước này.

7.Đăng ký qua email

- Nhấn vào mục "**Tiếp tục với email**" để chọn phương thức đăng ký bằng địa chỉ email.
- Một trường nhập liệu sẽ xuất hiện, yêu cầu người dùng nhập địa chỉ email hợp lệ.
- Sau khi nhập email, nhấn "**Tiếp tục**", hệ thống sẽ gửi một email xác minh kèm mã hoặc liên kết để xác thực.

8.Đăng ký qua Facebook

- Nhấn vào nút "**Tiếp tục với Facebook**" để kết nối với tài khoản Facebook của bạn.
- Hệ thống sẽ mở một cửa sổ yêu cầu đăng nhập vào Facebook nếu bạn chưa đăng nhập.
- Sau khi xác thực, tài khoản TikTok sẽ được liên kết với Facebook.

9.Đăng ký qua Google

- Nhấn vào nút "**Tiếp tục với Google**" để sử dụng tài khoản Google.
- Một cửa sổ hoặc danh sách các tài khoản Google đang đăng nhập sẽ xuất hiện.
- Chọn tài khoản Google phù hợp để hoàn tất đăng ký.

10.Đăng ký qua LINE

- Nhấn vào nút "**Tiếp tục với LINE**" nếu bạn muốn sử dụng tài khoản LINE để đăng ký TikTok.
- Hệ thống sẽ yêu cầu bạn đăng nhập vào LINE hoặc xác nhận tài khoản đã kết nối.

11.Chuyển sang màn hình đăng nhập

- Nếu người dùng đã có tài khoản, nhấn vào dòng chữ "**Đăng nhập**" ở cuối màn hình.
 - TikTok sẽ chuyển đến giao diện đăng nhập, nơi bạn có thể sử dụng số điện thoại, email hoặc tài khoản liên kết để đăng nhập.
-

*Người vẽ: **Đặng Lê Huy**

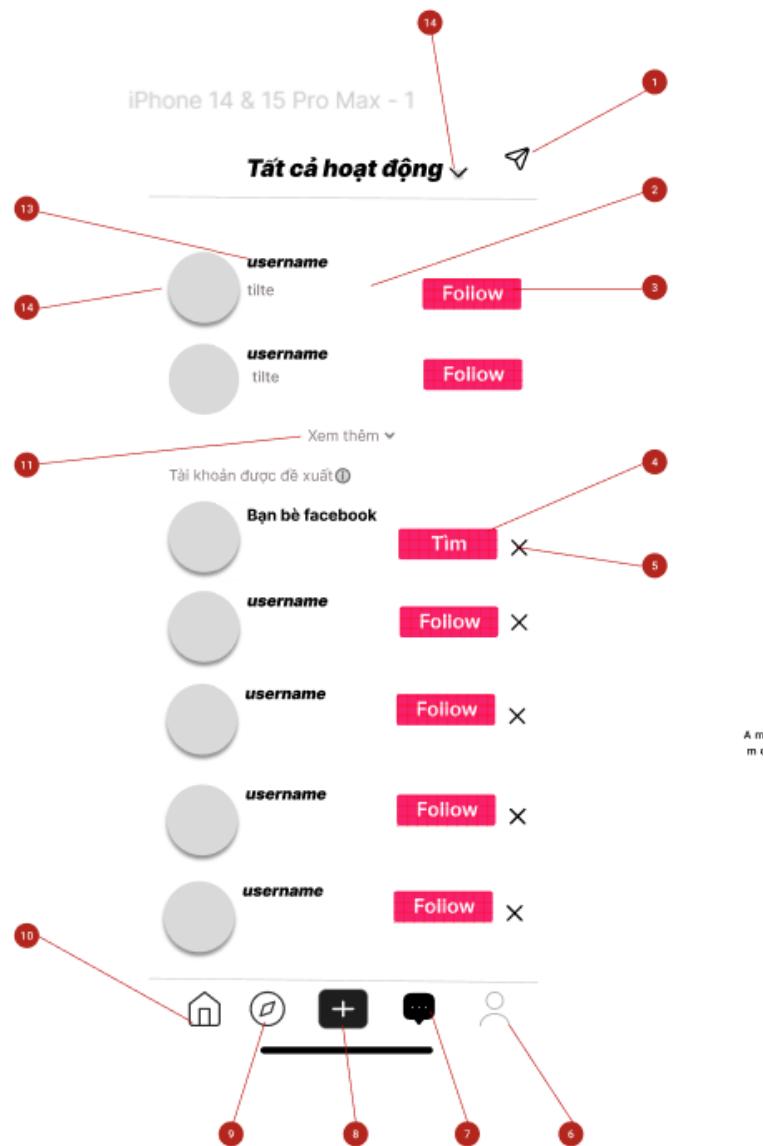
Mã màn hình	SCR – 004	Tên chức năng	Hộp thư	Ngày tạo	11/11/2024
				Người tạo	Lê Huy

1.Tổng quan

- **Kết nối và tương tác:** Các chức năng được thiết kế để tăng cường kết nối giữa người dùng, khuyến khích việc theo dõi và tương tác lẫn nhau.
- **Tùy chỉnh trải nghiệm người dùng:** TikTok đề xuất những tài khoản phù hợp với sở thích và kết nối bạn bè, giúp người dùng dễ dàng khám phá các nội dung mới.
- **Tính tiện lợi:** Giao diện hoạt động được sắp xếp rõ ràng, cho phép người dùng kiểm tra và tương tác với các thông báo một cách nhanh chóng.

2.Thiết kế màn hình

2.1. Giao diện màn hình hộp thư:



2.2 Các thành phần trong màn hình

STT	Tên	Kiểu	Mô tả
1	Biểu tượng máy bay giấy	Button	Mở tin nhắn riêng tư.
2	Mô tả người dùng	Label	Hệ thống mô tả người dùng bạn có thể biết
3	Nút "Follow"	Button	Theo dõi người dùng.
4	Nút "Tim"	Button	Tìm bạn bè Facebook.
5	Nút "X"	Button	Ân gọi ý theo dõi.
6	Hồ sơ cá nhân (Profile)	Button	Dùng để vào giao diện hồ sơ cá nhân
7	Hộp thư (Inbox)	Button	Dùng để vào giao diện hộp thư
8	Tạo video (Plus)	Button	Vào giao diện tạo video

9	Khám phá (Search)	Button	Vào giao diện khám phá nhiều chủ đề hay hơn
10	Trang chủ (Home)	Button	Về trang chủ
11	Nút "Xem thêm"	Button	Mở rộng danh sách thông báo,
12	Avatar	Hình ảnh	Ảnh đại diện người dùng.
13	Username	Label	Tên người dùng TikTok.
14	Tiêu đề "Tất cả hoạt động"	Button	Xem thông báo và lọc theo loại hoạt động

2.3.Những tương tác với màn hình:

1.Mở tin nhắn riêng tư

- Người dùng nhấn vào biểu tượng máy bay giấy trên giao diện để truy cập tin nhắn riêng tư với bạn bè hoặc người theo dõi.
- Màn hình tin nhắn riêng tư sẽ hiển thị danh sách các cuộc hội thoại trước đó.

2.Theo dõi người dùng mới

- Khi nhận được gợi ý hoặc thông báo về người dùng mới, người dùng có thể nhấn nút "Follow" để theo dõi họ.
- Sau khi theo dõi, nút "Follow" sẽ chuyển sang trạng thái "Đang theo dõi".

3.Tìm bạn bè Facebook

- Nhấn vào nút "Tìm" để mở giao diện tìm kiếm bạn bè qua Facebook.
- Hệ thống sẽ gợi ý các tài khoản từ danh sách bạn bè Facebook của người dùng.

4.Ấn gợi ý theo dõi

- Khi không muốn thấy một gợi ý theo dõi, người dùng có thể nhấn vào nút "X" để ẩn gợi ý này.
- Gợi ý sẽ không còn xuất hiện lại trong danh sách.

5.Xem thông báo hoạt động

- Nhấn vào tiêu đề "Tất cả hoạt động" để xem chi tiết danh sách các thông báo như lượt thích, bình luận, hoặc người theo dõi mới.
- Người dùng cũng có thể lọc thông báo theo từng loại hoạt động.

6.Xem hồ sơ cá nhân

- Nhấn vào mục "Hồ sơ cá nhân" hoặc avatar để vào giao diện hồ sơ cá nhân.
- Tại đây, người dùng có thể xem hoặc chỉnh sửa thông tin, video đã đăng tải.

Người vẽ: Nguyễn Thiên Phú

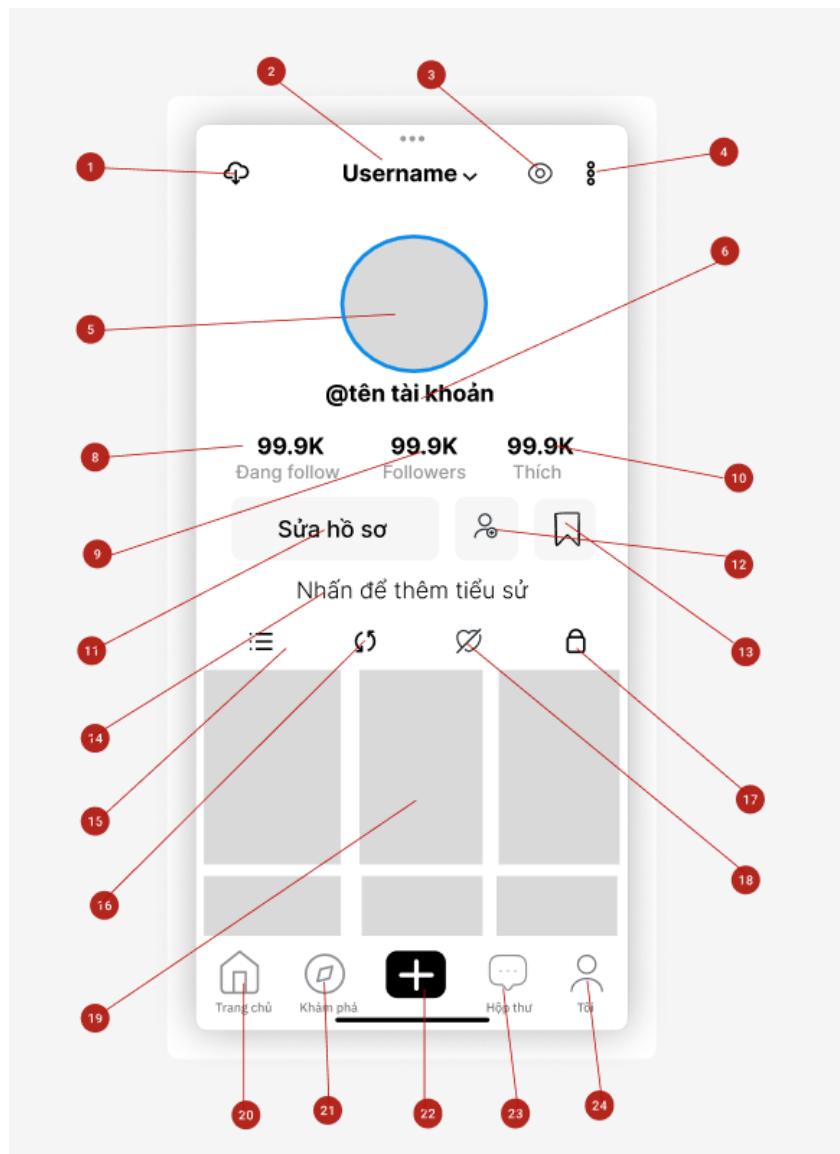
Mã màn hình	SCR – 005	Tên chức năng	Hồ sơ	Ngày tạo	11/11/2024
				Người tạo	Thiên Phú

1.Tổng quan

- Màn hình được mở lên khi người dùng ấn vào icon hồ sơ trên thanh công cụ
- Màn hình cho phép người dùng xem các video của tài khoản đã đăng tải.
- Người dùng có thể xem và chỉnh sửa hồ sơ.
- Người dùng có thể truy cập nhiều chức năng, tính năng khác của tiktok

2.Thiết kế màn hình

2.1. Giao diện màn hình:



2.2 Các thành phần trong màn hình

STT	Tên	Kiểu	Mô tả
1	Video lưu trữ	Button	Xem lại danh sách các video mà người dùng đã từng xem
2	Chuyển đổi tài khoản	Label	Chuyển đổi tài khoản khác một cách nhanh chóng
3	Lượt xem hồ sơ	Icon	Xem những tài khoản khác đã xem hồ sơ của mình
4	Tùy chọn	Icon	Bao gồm cài đặt và một số chức năng khác
5	Ảnh đại diện	Hình ảnh	Cho phép người dùng cập nhật ảnh đại diện
6	Tên tài khoản	Label	Người dùng sẽ sao chép được tên tài khoản
7	Lượt đang theo dõi	Label	Xem người mà tài khoản người dùng đang theo dõi
8	Người theo dõi	Label	Xem người đang theo dõi tài khoản của người dùng
9	Thích	Label	Xem lượt thích của tài khoản
10	Sửa hồ sơ	Button	Chỉnh sửa hồ sơ chi tiết
11	Chia sẻ hồ sơ	Button	Chia sẻ tài khoản người dùng một cách nhanh chóng
12	Yêu thích	Button	Xem các video mà người dùng yêu thích
13	Tiêu sứ	Label	Chỉnh sửa và hiển thị tiêu sứ
14	Video của người dùng	Icon	Hiển thị danh sách các video mà người dùng đăng tải
15	Video đăng lại	Icon	Hiển thị danh sách các video mà người dùng đăng lại
16	Video riêng tư	Icon	Hiển thị danh sách các video mà người dùng để chế độ riêng tư
17	Video thích	Icon	Hiển thị danh sách các video mà người dùng đã thả tim
18	Video	Hình ảnh	Xem video
19	Trang chủ	Button	Quay trở lại trang chủ
20	Khám phá	Button	Khám phá các nội dung, video khác
21	Thêm	Button	Dùng để quay video, đăng tải video
22	Hộp thư	Button	Xem các thông báo
23	Tôi	Button	Xem hồ sơ (thông tin cá nhân) của tài khoản

2.3. Những tương tác chính với màn hình.

1.Xem Video

- Người dùng chọn các video mà do người dùng đăng tải
- Người dùng xem các video do người dùng lưu lại, đăng lại hoặc thả tim với video

2.Cập nhật thông tin tài khoản

- Người dùng cập nhật các thông tin cá nhân như tiêu sứ, ảnh đại diện, tên hiển thị, ...

3.Xem thông tin cá nhân

- Người dùng xem các thông tin cá nhân như xem các video do người dùng đăng tải hoặc tương tác
- Người dùng xem được các thông tin như người theo dõi, lượt theo dõi hay số lượt like,...

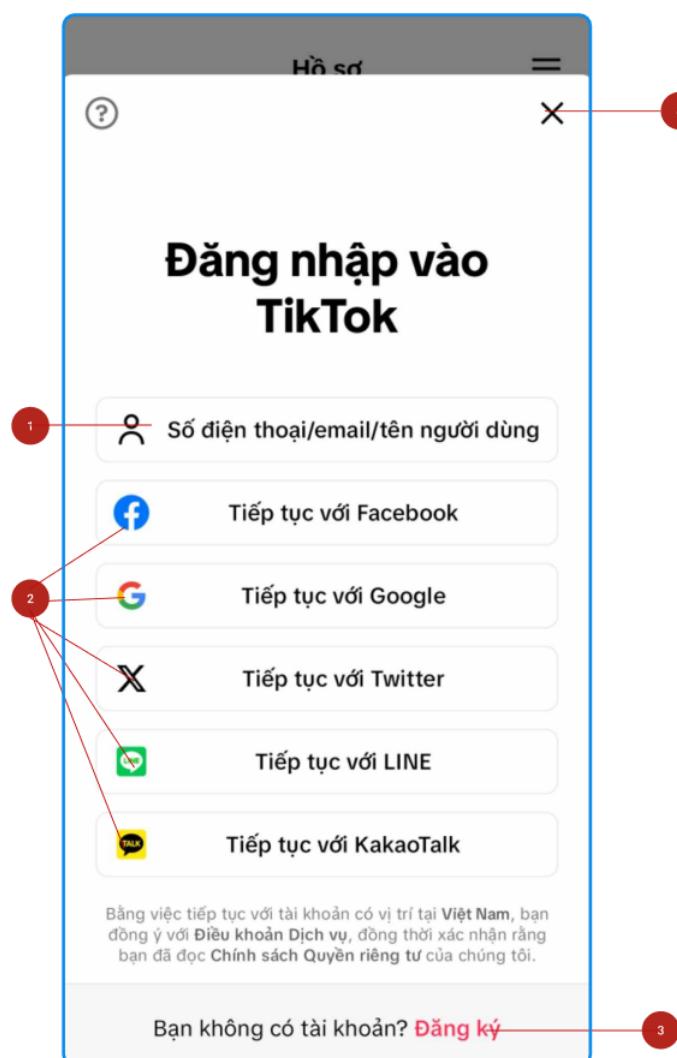
Mã màn hình	SCR - 006	Tên chức năng	Đăng nhập	Ngày tạo	11/11/2024
				Người tạo	Thiên Phú

1.Tổng quan

- Người dùng khi đã đăng ký tài khoản sẽ đăng nhập tại giao diện này
- Người dùng có thể đăng nhập bằng nền tảng khác

2.Thiết kế màn hình

2.1. Giao diện màn hình



2.2 Các thành phần trong màn hình

STT	Tên	Kiểu	Mô tả
1	Đăng nhập bằng số điện thoại hoặc gmail	Label	Người dùng đăng nhập bằng số điện thoại cá nhân hoặc gmail cá nhân
2	Đăng nhập bằng nền tảng MXH khác	Label	Người dùng đăng nhập bằng nhiều nền tảng MXH khác như facebook, Google
3	Đăng ký	Label	Nếu như người dùng không thể đăng nhập bằng các phương thức trên thì có thể đăng ký tại đây
4	Thoát	Icon	Người dùng ấn vào để thoát khỏi giao diện đăng nhập

2.3. Những tương tác chính với màn hình.

1. Đăng nhập

- Người dùng đăng nhập bằng các nền tảng mạng xã hội khác nhau
-

Người vẽ: Nguyễn Võ Thé Phương

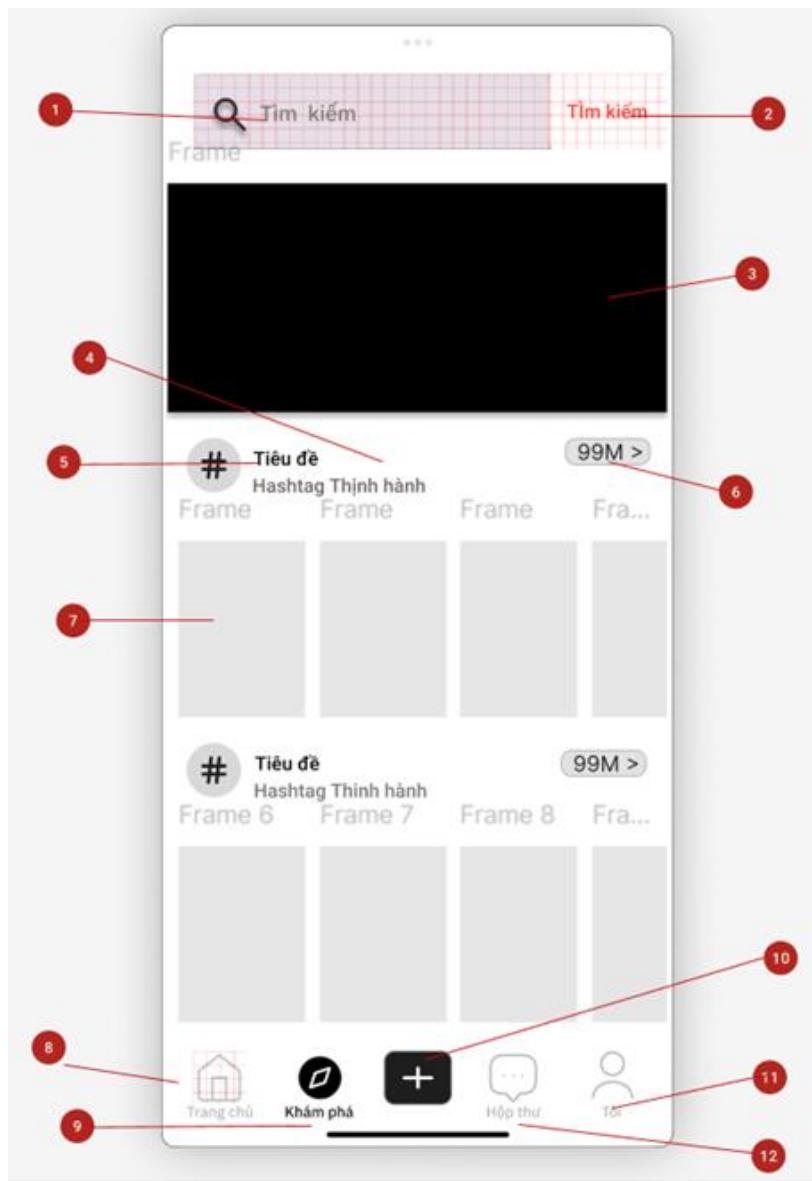
Mã màn hình	SCR – 007	Tên chức năng	Khám phá	Ngày tạo	11/11/2024
				Người tạo	Thé Phương

1.Tổng quan

- Tìm kiếm :Màn hình này cho phép người dùng tìm kiếm các video
- khám phá: Khám phá các video có thể loại mà nhiều người xem
- Lượt xem: Số lượt xem video của các thể loại

2.Thiết kế màn hình

2.1. Giao diện màn hình khám phá



2.2. Các thành phần trong màn hình khám phá

STT	Tên	Kiểu	Mô tả
1	Ô tìm kiếm	Text	Ghi nội dung hoặc thẻ loại mà người dùng muốn tìm
2	Nút tìm kiếm	Button	Tìm kiếm video
3	Hình ảnh sản phẩm	Image	Hiển thị hình ảnh sản phẩm của các nhà quảng cáo
4	Nút tìm kiếm	Button	Tìm kiếm các video có cùng thẻ loại

5	Tiêu đề	Label	Tiêu đề nội dung đang thịnh hành
6	Lượt xem	Label	Hiện số lượt xem của tiêu đề nội dung đang thịnh hành
7	Hình ảnh video	Video	Truy cập vào video
8	Trang chủ	Button	Quay trở lại trang chủ
9	Khám phá	Button	Khám phá các nội dung, video khác
10	Thêm	Button	Dùng để quay video, đăng tải video
11	Hộp thư	Button	Xem các thông báo
12	Tôi	Button	Xem hồ sơ (thông tin cá nhân) của tài khoản

2.3. Những tương tác chính với màn hình.

1.xem video:

- Người dùng có thể xem các video cùng thể loại

2.Tìm kiếm video:

- Người dùng có thể tìm kiếm các video

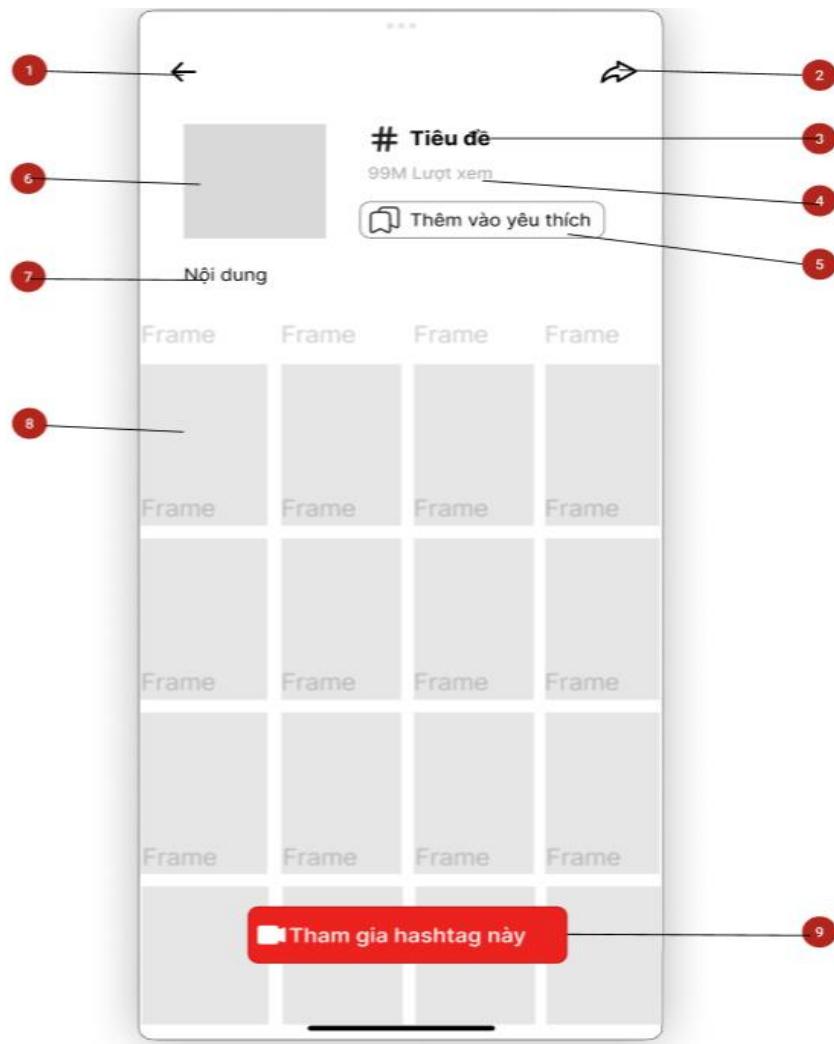
Mã màn hình	SCR – 008	Tên chức năng	Thể loại	Ngày tạo	11/11/2024
				Người tạo	Thế Phương

1.Tổng quan

- Khám phá:** Khám phá các video có cùng thể loại
- Chia sẻ:** chia sẻ thể loại qua các nền tảng khác
- Lưu:** Thêm vào danh sách yêu thích
- Quay video:** Quay video có thể loại

2.Thiết kế màn hình

2.1. Giao diện màn hình thẻ loại



2.2. Các thành phần trong màn hình thẻ loại

SST	Tên	Kiểu	Mô tả
1	Quay lại	Button	Quay lại trang khám phá
2	Chia sẻ	Button	Chia sẻ các nền tảng khác
3	Tiêu đề	Label	Tiêu đề thẻ loại
4	lượt xem	Label	Lượt xem thẻ loại

5	Yêu thích	Button	Thêm vào danh sách yêu thích
6	Hình ảnh	Label	Hình ảnh thẻ loại
7	Nội dung	Label	Nội dung thẻ loại
8	Video	Video	Video có nội dung thẻ loại
9	Quay	Button	Quay video có nội dung thẻ loại

2.3. Những tương tác chính với màn hình

1.Xem video:

- Người dùng có thể xem các video cùng thẻ loại

2.Tạo nội dung:

- Người dùng có thể vào trang tạo nội dung có cùng thẻ loại

3.Thêm vào yêu thích

- Người dùng có thể lưu thẻ loại

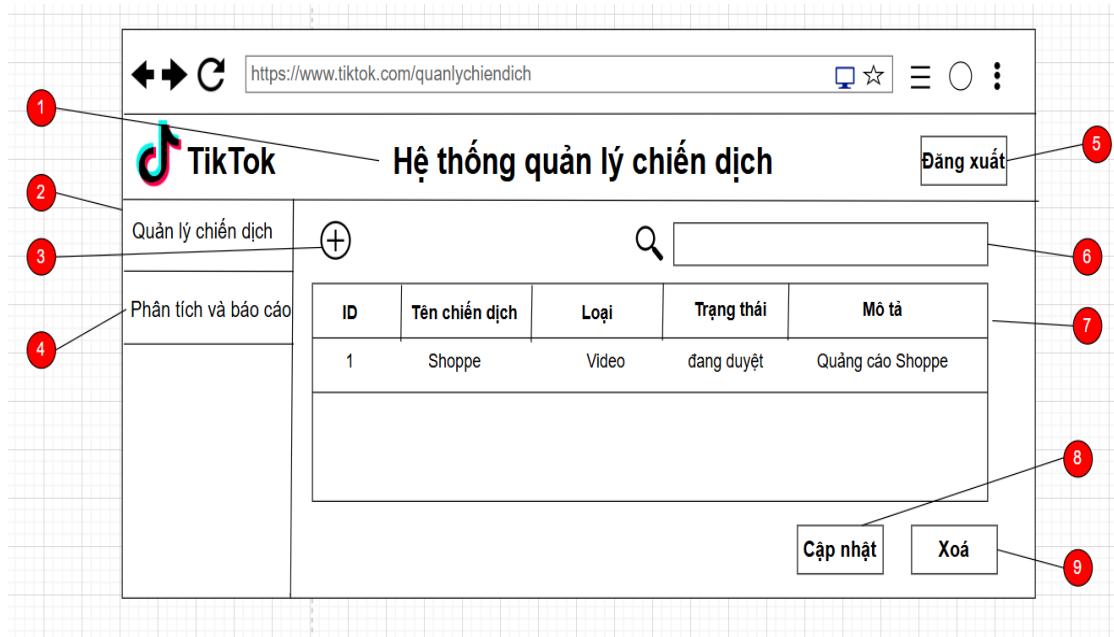
Mã màn hình	SCR – 009	Tên chức năng	Tìm kiếm chiến dịch	Ngày tạo	11/11/2024
				Người tạo	Thé Phương

1.Tổng quan

- Màn hình được mở lên khi nhà quảng cáo đăng nhập vào web hệ thống quản lý chiến dịch hoặc ấn vào nút quản lý chiến dịch.
- Nhà quảng cáo có thể nhập từ khóa liên quan để tìm kiếm chiến dịch.
- Màn hình hiển thị kết quả trong bảng quản lý chiến dịch.

2.Thiết kế màn hình

2.1. Giao diện màn hình



2.2 Các thành phần trong màn hình

STT	Tên	Kiểu	Mô tả
1	Tên trang	label	Tên trang quản lý chiến dịch
2	Nút quản lý chiến dịch	button	Nút vào trang quản lý chiến dịch
3	Nút tạo mới chiến dịch	button	Nút tạo mới chiến dịch
4	Nút phân tích và báo cáo	button	Nút vào trang phân tích và báo cáo
5	Nút đăng xuất	button	Nút đăng xuất khỏi trang quản lý chiến dịch
6	Ô tìm kiếm	text box	Tìm kiếm chiến dịch
7	Bảng chiến dịch	table	Bảng hiển thị chiến dịch
8	Nút cập nhật	button	Nút cập nhật chiến dịch
9	Nút xóa	button	Nút xóa chiến dịch

2.3. Những tương tác chính với màn hình.

1.Tìm kiếm chiến dịch:

- Người dùng có thể tìm kiếm theo loại

2.Tạo chiến dịch

- Người dùng có thể tạo chiến dịch

3.Cập nhật chiến dịch

- Người dùng có thể chỉnh sửa chiến dịch

4.Xóa chiến dịch

- Người dùng có thể xóa chiến dịch

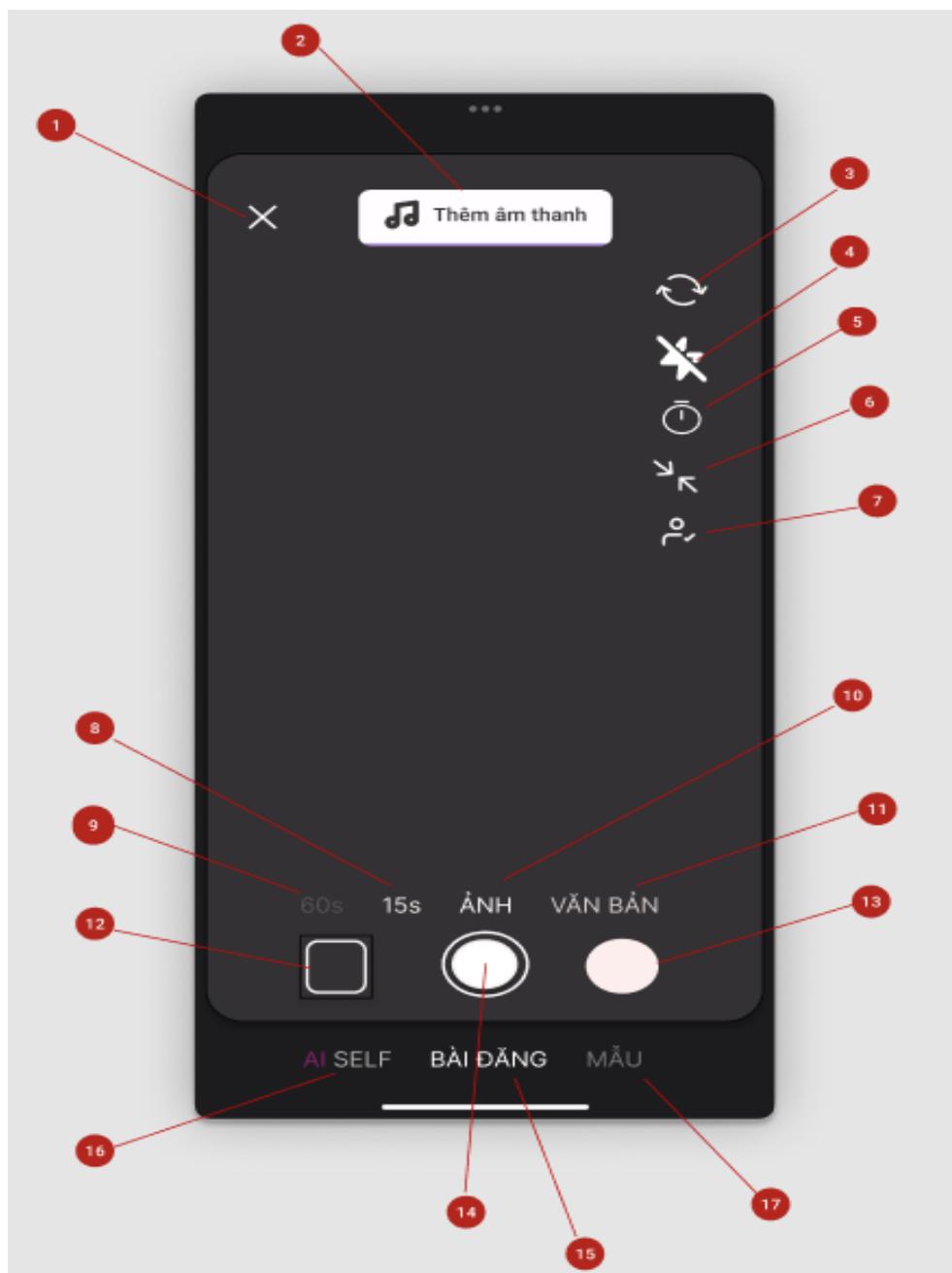
Mã màn hình	SCR – 010	Tên chức năng	Tạo ảnh/video	Ngày tạo	11/11/2024
				Người tạo	Yến Nhi

1.Tổng quan

- Màn hình cho phép người dùng tạo ảnh/video.

2.Thiết kế màn hình

2.1 Giao diện màn hình



2.2 Các thành phần trong màn hình

STT	Tên	Kiểu	Mô tả
1	Hủy bỏ	Button	Tắt màn hình chụp ảnh, quay video/ upload ảnh, video
2	Thêm âm thanh	Button	Thêm âm thanh ghép vào video
3	Xoay camera	Button	Điều chỉnh dùng camera trước hoặc sau
4	Tắt chế độ đèn	Button	Có thể bật chế độ đèn khi chụp quay ở nơi thiếu ánh sáng
5	Hẹn giờ	Button	Chọn đếm ngược thời gian để bắt đầu chụp/quay & Chọn giới hạn quay.
6	Tỷ lệ	Button	Thu hẹp/ Mở rộng màn hình camera
7	Làm đẹp	Button	Chọn điều chỉnh filter/ nhãn làm đẹp
8	Thời gian quay(15s)	Button	Thời gian quay video tối đa 15s
9	Thời gian quay(60s)	Button	Thời gian quay video tối đa 60s
10	Chế độ chụp ảnh	Button	Hiển thị chế độ chụp ảnh
11	Chế độ văn bản	Button	Hiển thị chế độ văn bản
12	Nút chọn video/ ảnh lưu trong điện thoại	Button	Hiển thị tất cả ảnh/ video trong máy
13	Nút chọn hiệu ứng có sẵn kèm nhạc	Button	Chọn các hiệu ứng có sẵn kèm nhạc
14	Nút chụp ảnh	Button	Chụp ảnh
15	Chế độ bài đăng	Button	Đăng tải ảnh/ video
16	Chế độ AI SELF	Button	Tạo ảnh AI
17	Chế độ mẫu	Button	Chọn mẫu nhạc có sẵn để ghép ảnh/ video

2.3. Những tương tác chính với màn hình

1. Hình thức chọn nội dung

- Người dùng có thể trực tiếp tạo nội dung(ảnh/video/văn bản) hoặc tải từ album trong máy.

2. Chính sửa nội dung

- Người dùng có thể các hiệu ứng sẵn có, thêm âm thanh để nội dung thêm sinh động.

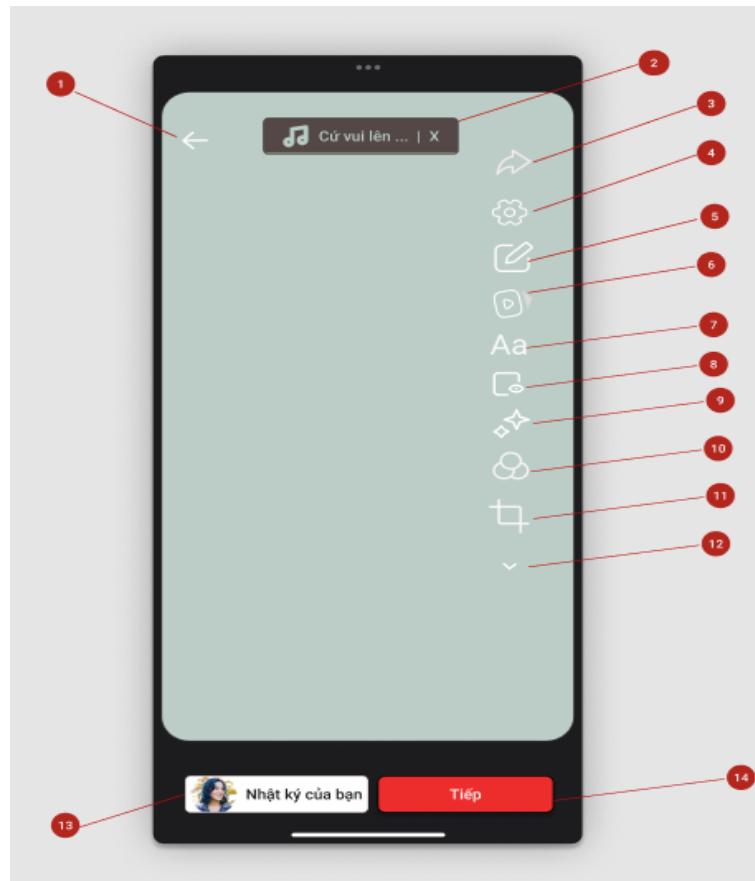
Mã màn hình	SCR – 011	Tên chức năng	Chỉnh sửa video	Ngày tạo	11/11/2024
				Người tạo	Yến Nhi

1.Tổng quan

- Màn hình cho phép người dùng chỉnh sửa chi tiết video.

2.Thiết kế màn hình

2.1 Giao diện màn hình chỉnh sửa video.



2.2 Các thành phần trong màn hình

STT	Tên	Kiểu	Mô tả
1	Quay lại	Button	Quay lại chế độ trước để chọn ảnh, quay video/ upload ảnh, video
2	Nút âm thanh	Button	Hiển thị âm thanh đã chọn, có thể chỉnh sửa
3	Chia sẻ	Button	Chia sẻ cho mọi người trên nền tảng khác
4	Cài đặt	Button	Cài người xem cho bài đăng này, quyền riêng tư cho video
5	Chỉnh sửa	Button	Chỉnh sửa chi tiết ảnh/ video
6	Mẫu video	Button	Hiện các mẫu dành cho ảnh/ video
7	Văn bản	Button	Thêm nội dung văn bản
8	Nhãn dán	Button	Thêm nhãn dán

9	Hiệu ứng	Button	Thêm hiệu ứng
10	Bộ lọc	Button	Bộ lọc màu
11	Cắt	Button	Chia tỷ lệ ảnh/video
12	Nút thu gọn	Button	Thu gọn/ Hiển thị tên các icon
13	Nút nhật ký của bạn	Button	Đăng tải ảnh/video lên dưới dạng xem tin chỉ hiển thị trong 24h
14	Nút tiếp	Button	Chuyển sang chế độ tiếp theo

2.3. Những tương tác chính với màn hình

1.Chỉnh sửa chi tiết nội dung

- Người dùng có thể chỉnh sửa chi tiết nội dung(ảnh/video/văn bản) như thêm hiệu ứng, nhãn dán, bộ lọc,...

2.Đăng tải nội dung trong 24h

- Người dùng có thể chọn nút “Nhật ký của bạn” để đăng tải nội dung dưới dạng tin hiển thị trong 24h.

3.Thêm thông tin nội dung

- Người dùng chọn nút “Tiếp” để chuyển sang thêm thông tin chi tiết về nội dung đăng tải.

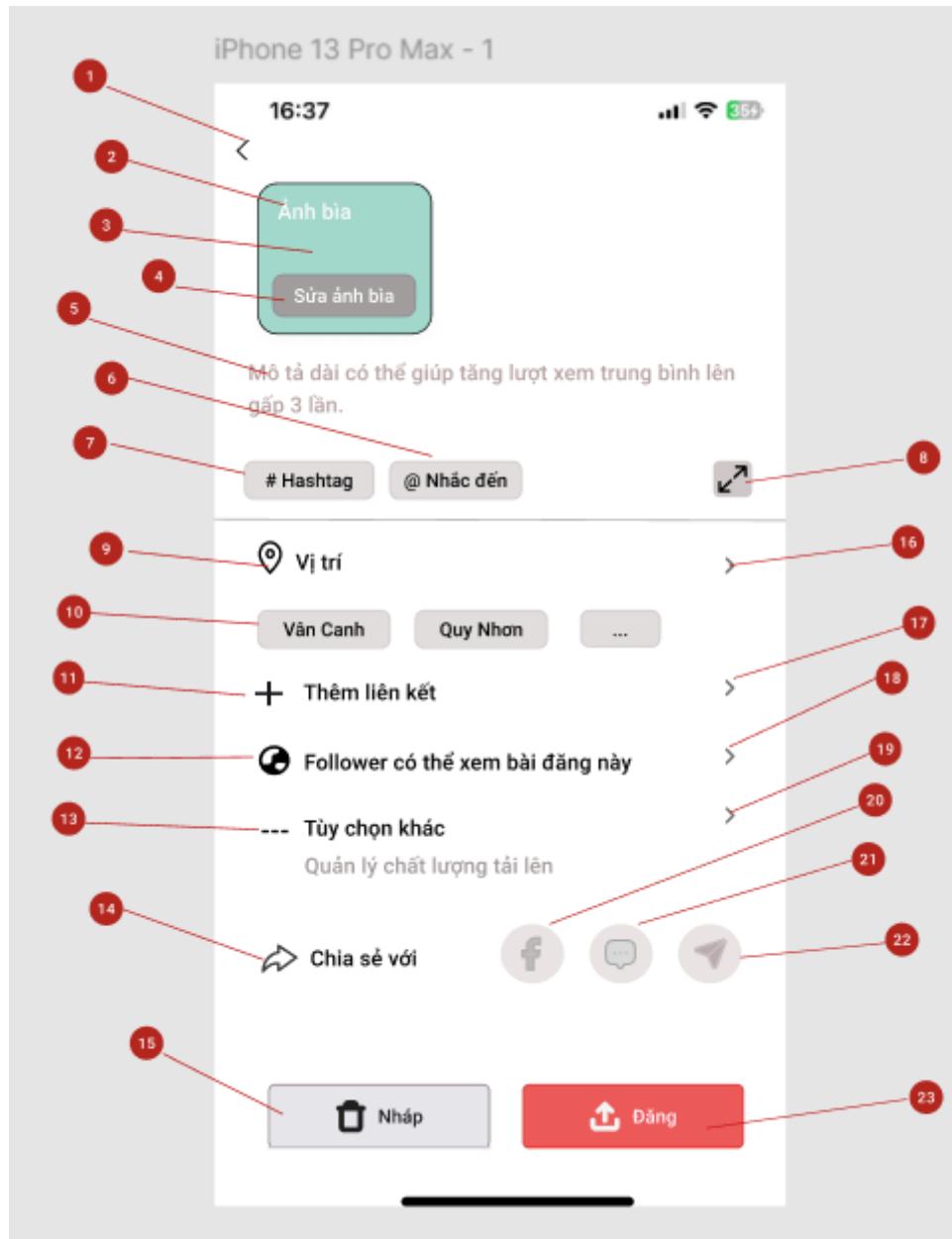
Mã màn hình	SCR – 012	Tên chức năng	Tải lên video	Ngày tạo	11/11/2024
				Người tạo	Yến Nhi

1.Tổng quan

- Màn hình cho phép người dùng thêm thông tin rồi đăng tải video.

2.Thiết kế màn hình

2.1 Giao diện màn hình



2.2 Các thành phần trong màn hình

STT	Tên	Kiểu	Mô tả
1	Quay lại	Button	Quay lại chế độ trước để edit ảnh/video
2	Ánh bìa	Label	Phần ảnh bìa
3	Hình ảnh bìa	Image	Ảnh
4	Sửa ảnh bìa	Button	Chỉnh sửa ảnh bìa
5	Viết mô tả	Text box	Viết mô tả về bài đăng
6	Nhắc đến	Button	Gắn tên người bạn muốn nhắc

7	Hashtag	Button	Gắn hashtag để dễ tìm kiếm/ lên xu hướng
8	Mở rộng/ Thu hẹp mô tả	Button	Mở rộng/ Thu hẹp mô tả và thêm tiêu đề
9,16	Vị trí	Label, Button	Chọn vị trí, địa điểm
10	Vị trí gợi ý	Button	Chọn địa điểm gợi ý sẵn đăng tải ảnh/video
11,17	Thêm liên kết	Label, Button	Liên kết vé sự kiện với video của bạn
12,18	Follower có thể xem bài đăng	Label, Button	Cài đặt quyền riêng tư ai có thể xem bài đăng này
13,19	Tùy chọn khác	Label, Button	Cài đặt riêng tư, cài đặt nâng cao
14,20, 21,22	Chia sẻ với	Label, Button, Button, Button	Chọn chia sẻ qua Facebook, Tin nhắn, Telegram
15	Nháp	Button	Không lưu trữ ảnh/video nháp chỉ bạn được xem và có thể chọn đăng tải
23	Đăng	Button	Đăng tải ảnh/video

2.3. Những tương tác chính với màn hình

1.Thêm thông tin chi tiết cho nội dung

- Người dùng có thể chọn ảnh bìa cho nội dung của mình.
- Người dùng có thể thêm hashtag để nội dung của mình dễ lên xu hướng, có thể gắn thẻ mọi người.
- Người dùng có thể thêm thông tin về vị trí, các liên kết, chỉnh sửa những ai có thể bài đăng này.

2.Lưu trữ nội dung

- Người dùng có thể chọn nút “Nháp” để lưu trữ nội dung mà không đăng tải.

3.Đăng nội dung lên hệ thống

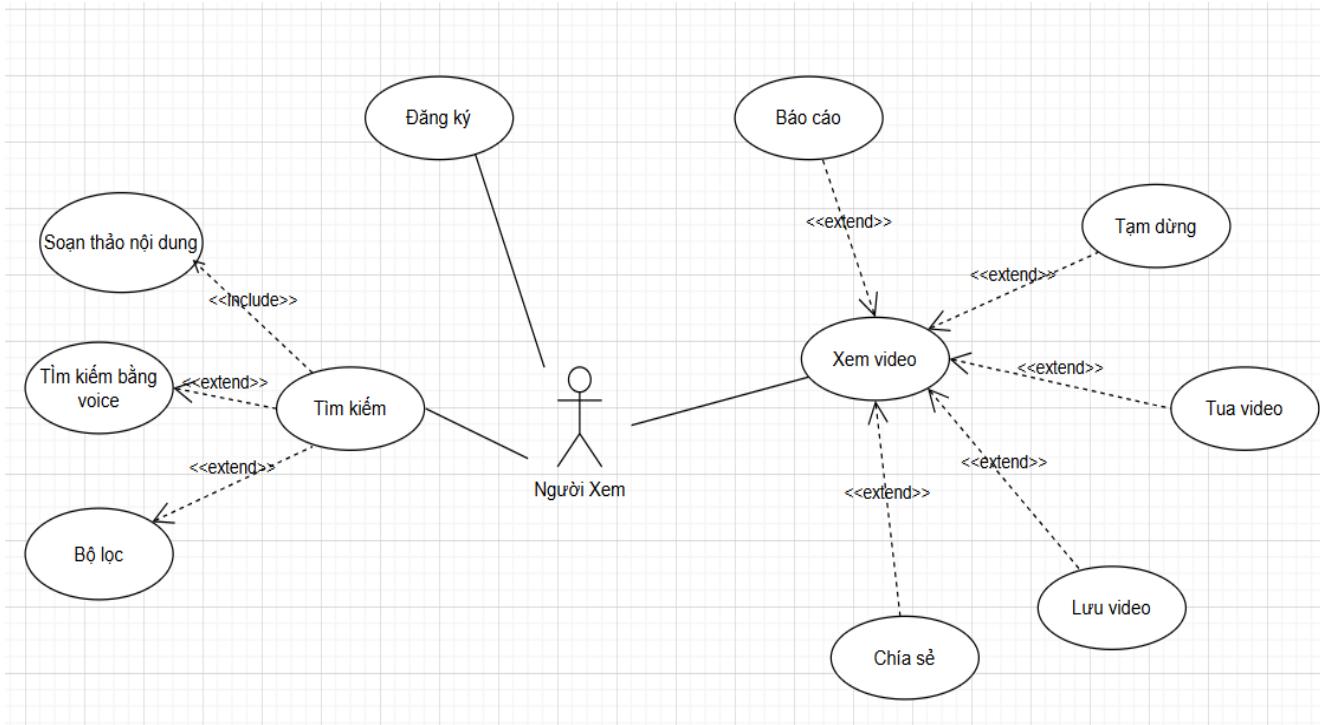
- Người dùng chọn nút “Đăng” để đăng tải nội dung lên hệ thống TikTok.

BÀI THỰC HÀNH SỐ 4

Câu 1. Vẽ biểu đồ Use case.

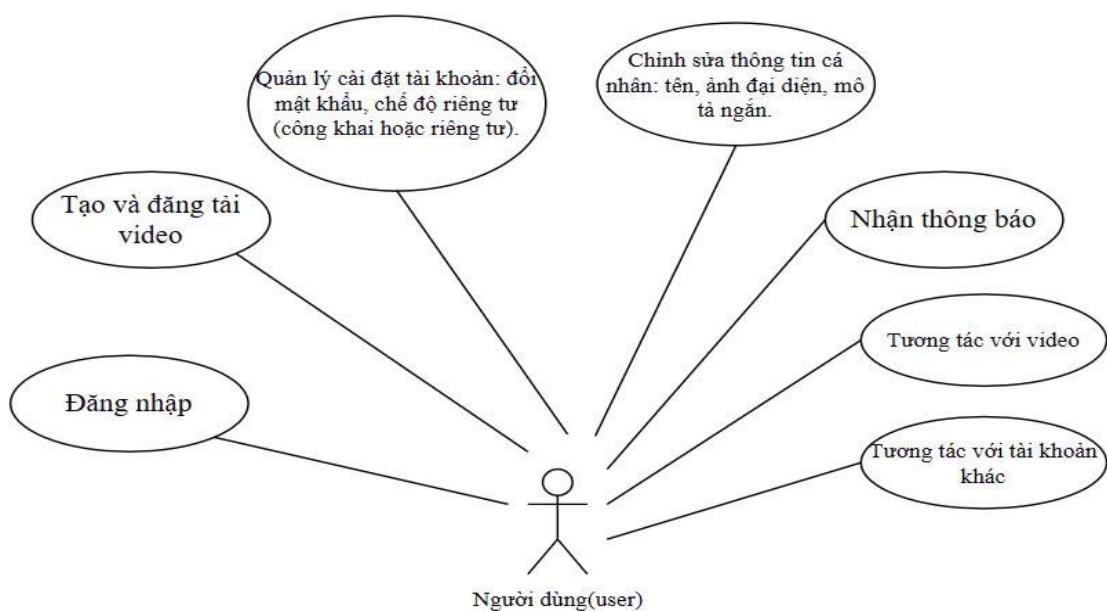
Người vẽ: Nguyễn Diệu Linh

Mã: R1



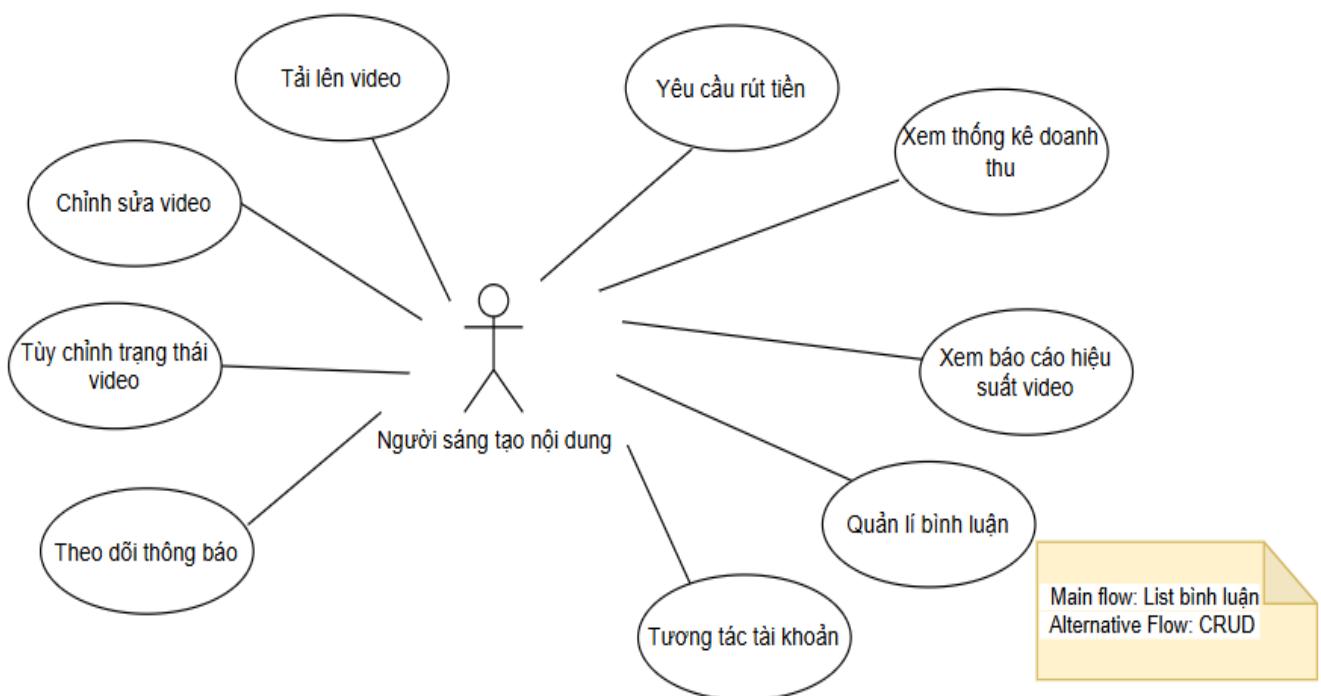
Người vẽ: Đăng Lê Huy

Mã: R2



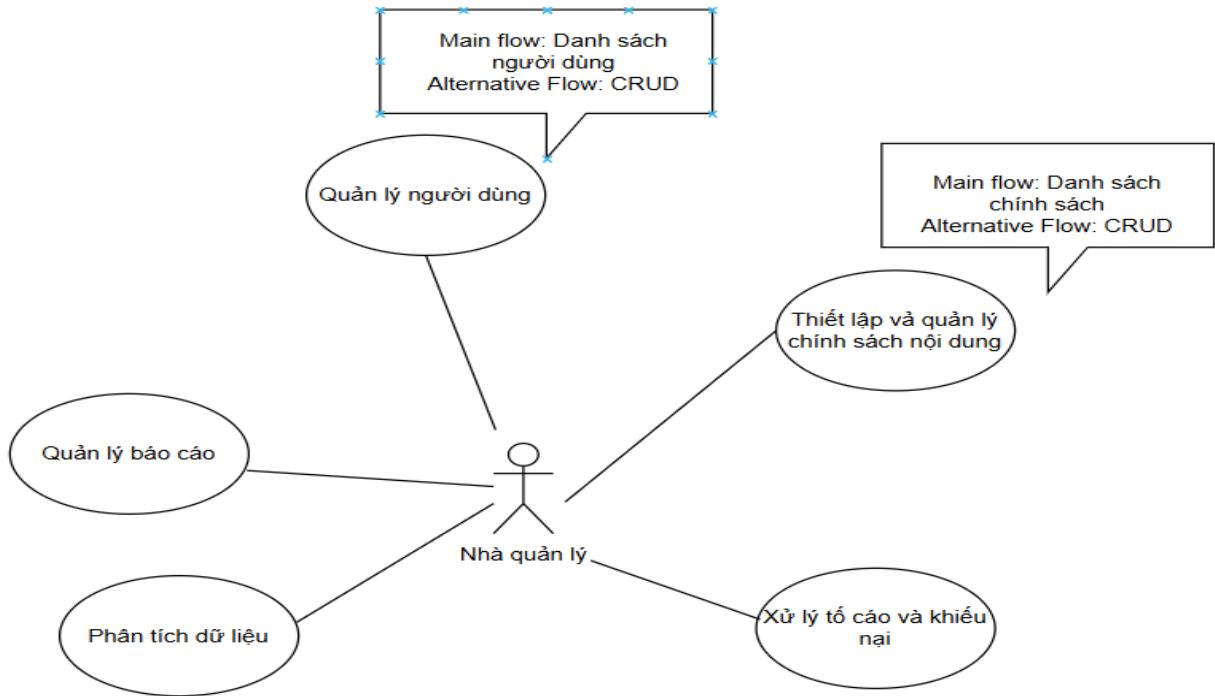
Người vẽ: Trần Yên Nhi

Mã: R3



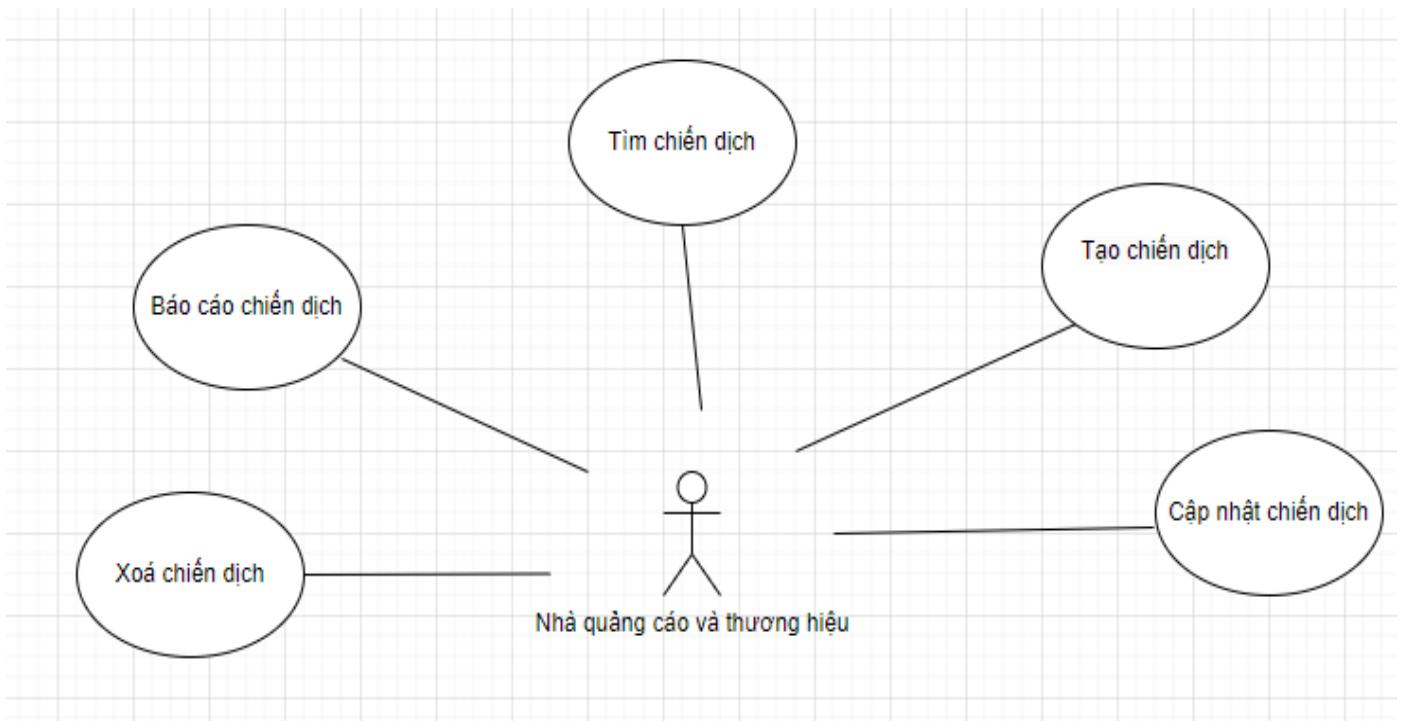
Người vẽ: Nguyễn Thiên Phú

Mã: R4



Người vẽ: Nguyễn Vũ Thế Phương

Mã: R5



Câu 2. Viết chi tiết các Use case.

Người thực hiện: Nguyễn Diệu Linh

Tìm kiếm

Mã Use case	R1.1.1
Tên Use case	Tìm kiếm
Tác nhân (Actor)	Người xem
Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Hệ thống giúp người xem tìm kiếm nội dung liên quan trên nền tảng TikTok, bao gồm video, âm thanh, hashtag, người dùng, hoặc nội dung xu hướng.
Tiền điều kiện (Preconditions)	<ul style="list-style-type: none">Người xem đã truy cập vào hệ thốngHệ thống hoạt động bình thường
Kết quả (Postconditions)	Hệ thống trả về danh sách kết quả liên quan đến từ khóa tìm kiếm. Kết quả bao gồm các video, tài khoản, hashtag, hoặc âm thanh phù hợp.
Điều kiện kích hoạt use case (Triggers – specific business event)	<ul style="list-style-type: none">Người xem nhấp vào biểu tượng tìm kiếm.Người xem nhập từ khóa và nhấp nút "Tìm kiếm".

Luồng sự kiện chính <i>(Main scenario, basic flow)</i>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người xem mở ứng dụng TikTok và chọn biểu tượng Tìm kiếm. 2. Hệ thống hiển thị giao diện tìm kiếm. 3. Người xem nhập từ khóa vào thanh tìm kiếm. 4. Người xem ấn nút Tìm kiếm. 5. Hệ thống xử lý từ khóa và truy xuất kết quả từ cơ sở dữ liệu. 6. Hệ thống hiển thị kết quả liên quan.
Luồng sự kiện phụ <i>(Extensions)</i>	

Soạn thảo nội dung

Mã Use case	R1.1.1
Tên Use case	Soạn thảo nội dung
Tác nhân (Actor)	Người xem
Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Người xem nhập từ khóa tìm kiếm vào thanh tìm kiếm, sử dụng các ký tự hoặc cú pháp để xác định nội dung mong muốn.
Tiền điều kiện <i>(Preconditions)</i>	Phải ấn vào ô nhập nội dung tìm kiếm
Kết quả <i>(Postconditions)</i>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Từ khóa tìm kiếm được ghi nhận và chuyển đến chức năng xử lý tìm kiếm. 2. Hệ thống có thể hiển thị gợi ý từ khóa liên quan trong khi người dùng đang nhập
Điều kiện kích hoạt use case <i>(Triggers – specific business event)</i>	Người xem chạm vào ô nhập nội dung tìm kiếm.
Luồng sự kiện chính <i>(Main scenario, basic flow)</i>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người xem nhấp vào ô nhập nội dung Tìm kiếm. Thanh tìm kiếm được kích hoạt và bàn phím xuất hiện. 2. Người xem nhập nội dung tìm kiếm 3. Hệ thống xử lý các ký tự được nhập vào theo thời gian thực. 4. Hệ thống hiển thị các gợi ý tìm kiếm (nếu có) bên dưới thanh tìm kiếm.

Luồng sự kiện phụ <i>(Extensions)</i>	<p>Tại bước 2:</p> <p>2a. Hủy thao tác soạn thảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người xem nhấn nút "Quay lại" hoặc nhấn nút X (Xóa) để xóa nội dung đã nhập. - Hệ thống xóa nội dung trong thanh tìm kiếm và trả về giao diện chính. <p>Tại bước 4:</p> <p>4a. Không thể gọi ý</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trong lúc nhập từ khóa, hệ thống hiển thị danh sách gợi ý nội dung phù hợp. Nếu hệ thống không thể gợi ý nữa buộc người xem phải nhập đầy đủ và ấn nút tìm kiếm
---	---

Tìm kiếm bằng voice

Mã Use case	R1.1.1.2
Tên Use case	Tìm kiếm bằng voice
Tác nhân (Actor)	Người xem
Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Người xem sử dụng giọng nói để nhập từ khóa tìm kiếm thay vì gõ văn bản. Hệ thống chuyển giọng nói thành văn bản và thực hiện tìm kiếm nội dung liên quan.
Tiền điều kiện <i>(Preconditions)</i>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người xem đã cấp quyền truy cập micro cho ứng dụng TikTok. 2. Thiết bị phải hỗ trợ nhận diện giọng nói.
Kết quả <i>(Postconditions)</i>	<ul style="list-style-type: none"> • Hệ thống chuyển giọng nói thành văn bản. • Thực hiện tìm kiếm nội dung dựa trên văn bản đã chuyển đổi.
Điều kiện kích hoạt use case <i>(Triggers – specific business event)</i>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người xem nhấn vào biểu tượng micro trên giao diện tìm kiếm. 2. Người xem bắt đầu nói từ khóa cần tìm kiếm.
Luồng sự kiện chính <i>(Main scenario, basic flow)</i>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người xem nhấn vào biểu tượng micro trên thanh tìm kiếm. 2. Hệ thống kích hoạt chức năng nhận diện giọng nói 3. Người xem nói từ khóa tìm kiếm 4. Hệ thống ghi lại giọng nói, phân tích và chuyển đổi thành văn bản. 5. Hệ thống hiển thị từ khóa đã chuyển đổi trên thanh tìm kiếm. 6. Người xem xác nhận từ khóa hoặc chỉnh sửa nếu cần. 7. Hệ thống thực hiện tìm kiếm và trả về kết quả liên quan.

<p>Luồng sự kiện phụ <i>(Extensions)</i></p>	<p>Tại bước 3:</p> <p>3a. Tạm dừng hoặc hủy tìm kiếm bằng giọng nói:</p> <p>3b.1. Tạm dừng</p> <ul style="list-style-type: none"> • Người xem nhấn vào biểu tượng "Dừng" • Hệ thống hủy nhận diện giọng nói. <p>+) Nếu hệ thống đã ghi nhận nội dung trước đó thì hệ thống sẽ tìm kiếm với nội dung trước khi dừng voice.</p> <p>+) Nếu hệ thống chưa ghi nhận được thì hiển thị “Không ghi nhận lời tôi nói”</p> <p>3b.2. Hủy</p> <ul style="list-style-type: none"> • Người xem nhấn vào biểu tượng "X" • Hệ thống hủy chức năng nhận diện giọng nói và trở về giao diện tìm kiếm.
---	--

Bộ lọc

Mã Use case	R1.1.1.3
Tên Use case	Bộ lọc
Tác nhân (Actor)	Người xem
Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Người xem áp dụng các tiêu chí bộ lọc để thu hẹp kết quả tìm kiếm, giúp tìm nội dung phù hợp nhanh hơn, chẳng hạn như video, tài khoản, hashtag, hoặc âm thanh.
Tiền điều kiện <i>(Preconditions)</i>	<ul style="list-style-type: none"> • Người xem đã nhập từ khóa tìm kiếm và hệ thống hiển thị kết quả ban đầu. • Bộ lọc phải được hiển thị và sẵn sàng để sử dụng.
Kết quả <i>(Postconditions)</i>	Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm được thu hẹp dựa trên các tiêu chí bộ lọc mà người dùng chọn.
Điều kiện kích hoạt use case <i>(Triggers – specific business event)</i>	Người xem nhấn vào biểu tượng(...) hoặc tùy chọn các mục video, tài khoản, âm thanh,... bên dưới thanh tìm kiếm.

<p>Luồng sự kiện chính <i>(Main scenario, basic flow)</i></p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người xem thực hiện tìm kiếm từ khóa trên TikTok. 2. Kết quả tìm kiếm ban đầu được hiển thị. 3. Người xem nhấp vào tùy chọn (...) Bộ lọc trên giao diện. 4. Hệ thống hiển thị các tiêu chí lọc, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> +)Sắp xếp theo: Mức độ liên quan, Số lượt thích, Ngày đăng. +)Danh mục video: Tất cả, Chưa xem, Đã xem,... +)Ngày đăng: 24 giờ qua, Tuần này, Tháng này,... 5. Người xem chọn một hoặc nhiều tiêu chí lọc và nhấn nút Áp dụng. 6. Hệ thống xử lý các tiêu chí và hiển thị danh sách kết quả được lọc.
<p>Luồng sự kiện phụ <i>(Extensions)</i></p>	<p>Tại bước 4:</p> <p>4a. Hủy áp dụng bộ lọc:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Người xem nhấn nút "Hủy" thay vì "Áp dụng". • Hệ thống không thay đổi kết quả tìm kiếm và quay lại giao diện tìm kiếm. <p>4b. Không thê "Áp dụng"</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nếu người xem không thay đổi các tiêu chí mặc định trước đó thì không thê ấn "Áp dụng"

Xem video

Mã Use case	R1.1.2
Tên Use case	Xem video
Tác nhân (Actor)	Người xem
Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Người xem có thể xem các video được hiển thị trên hệ thống
Tiền điều kiện <i>(Preconditions)</i>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người xem đã truy cập vào hệ thống và có kết nối internet để tải video 2. Một video được phát sẵn
Kết quả <i>(Postconditions)</i>	<ul style="list-style-type: none"> • Video được phát và hiển thị đầy đủ trên giao diện. • Người xem có thể tương tác (không bao gồm việc thích và bình luận) với video hoặc tiếp tục xem video khác.
Điều kiện kích hoạt use case <i>(Triggers – specific business event)</i>	
<p>Luồng sự kiện chính <i>(Main scenario, basic flow)</i></p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người xem truy cập vào hệ thống 2. Hệ thống hiển thị danh sách video trên luồng Đề xuất. 3. Video đầu tiên trong danh sách được tự động phát.

	<p>4. Người xem xem video và có thể thực hiện các thao tác: Lưu video, chia sẻ, báo cáo,...(không bao gồm thích và bình luận).</p> <p>5. Người xem vuốt lên để chuyển video khác.</p>
Luồng sự kiện phụ <i>(Extensions)</i>	<p>Tại bước 5:</p> <p>5a. Vuốt lên</p> <p>+) Nếu video đang xem là video đầu tiên hiển thị thì khi vuốt lên hệ thống sẽ load lại danh sách video mới.</p> <p>+) Nếu video đã xem không phải video đầu tiên hiển thị thì khi vuốt lên sẽ quay lại video đã xem trước đó</p> <p>5b. Vuốt xuống</p> <p>+) Người xem vuốt xuống để chuyển video mới.</p>

Tạm dừng

Mã Use case	R1.1.2.2
Tên Use case	Tạm dừng
Tác nhân (Actor)	Người xem
Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Người xem có thể tạm dừng video khi đang xem trên hệ thống và tiếp tục phát lại bất cứ lúc nào.
Tiền điều kiện <i>(Preconditions)</i>	
Kết quả <i>(Postconditions)</i>	<ul style="list-style-type: none"> Video dừng phát tại thời điểm hiện tại. Người xem có thể tiếp tục phát video từ điểm đã tạm dừng.
Điều kiện kích hoạt use case <i>(Triggers – specific business event)</i>	Người xem nhấn vào màn hình video để tạm dừng.
Luồng sự kiện chính <i>(Main scenario, basic flow)</i>	<ol style="list-style-type: none"> Người xem đang xem video trên hệ thống. Người xem nhấn vào màn hình video. Hệ thống dừng phát video và hiển thị biểu tượng Play trên màn hình. Khi người xem nhấn vào màn hình một lần nữa, video tiếp tục phát từ thời điểm đã tạm dừng.
Luồng sự kiện phụ <i>(Extensions)</i>	

Tua video

Mã Use case	R1.1.2.3
Tên Use case	Tua video
Tác nhân (Actor)	Người xem
Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Người xem có thể tua nhanh hoặc tua lùi video để xem các phần cụ thể trong video mà không cần phải xem toàn bộ từ đầu.
Tiền điều kiện (Preconditions)	Video hỗ trợ tính năng tua.
Kết quả (Postconditions)	Video phát từ thời điểm mà người dùng đã tua đến.
Điều kiện kích hoạt use case (Triggers – specific business event)	Người xem thao tác tua trên video trên thanh thời gian bên dưới
Luồng sự kiện chính (Main scenario, basic flow)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người xem đang xem video trên hệ thống. 2. Người xem kéo thanh trượt để chọn thời điểm mong muốn trong video. 3. Hệ thống tải phần video tương ứng với thời gian đã chọn. 4. Video tiếp tục phát từ thời điểm đã tua đến.
Luồng sự kiện phụ (Extensions)	<p>Tại bước 1:</p> <p>1.a. Video không có thanh tua (không hỗ trợ tua video)</p> <p>+) Nếu video đang xem không hiện thanh tua (video đó không hỗ trợ tua) thì người xem không thể tua video đó.</p> <p>Tại bước 2:</p> <p>2a. Tua nhanh</p> <p>+) Người xem kéo thanh trượt tiến về phía trước.</p> <p>+) Hệ thống tải đoạn video từ thời điểm đã tua và phát tiếp.</p> <p>2b. Tua lùi</p> <p>+) Người xem kéo thanh trượt lùi về phía sau.</p> <p>+) Hệ thống tải đoạn video trước thời điểm đã tua và phát tiếp.</p>

Lưu video

Mã Use case	R1.1.2.4
Tên Use case	Lưu video
Tác nhân (Actor)	Người xem
Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Người xem có thể lưu video về thiết bị của mình.
Tiền điều kiện (Preconditions)	<ul style="list-style-type: none"> Video không bị giới hạn lưu bởi chủ sở hữu. Thiết bị có đủ dung lượng lưu trữ.
Kết quả (Postconditions)	<ul style="list-style-type: none"> Video dừng phát tại thời điểm hiện tại. Người xem có thể tiếp tục phát video từ điểm đã tạm dừng.
Điều kiện kích hoạt use case (Triggers – specific business event)	Người xem chọn tùy chọn Lưu video từ mục Chia sẻ .
Luồng sự kiện chính (Main scenario, basic flow)	<ol style="list-style-type: none"> Người xem đang xem một video trên hệ thống. Người xem nhấn vào biểu tượng Chia sẻ (hình mũi tên cong). Trong menu chia sẻ, người xem chọn tùy chọn Lưu video. Hệ thống kiểm tra: <ul style="list-style-type: none"> Video có bị giới hạn tải xuống không. Thiết bị có đủ dung lượng để lưu không. Hệ thống bắt đầu tải video xuống. Khi quá trình tải hoàn tất, hệ thống hiển thị thông báo: "Video đã được lưu." Người xem có thể xem video trong thư viện hoặc ứng dụng quản lý tệp của thiết bị.
Luồng sự kiện phụ (Extensions)	<p>Tại bước 2:</p> <p>2a. Nhấn giữ để chọn Lưu video</p> <p>+) Thay vì nhấn vào biểu tượng Chia sẻ thì người xem nhấn giữ màn hình phát video</p> <p>+) Hệ thống hiện lên menu tùy chọn trong đó có tùy chọn Lưu video</p> <p>Tại bước 5:</p>

	<p>5a. Hủy tải xuống:</p> <p>+) Người xem nhấn Hủy trong khi tải xuống, hệ thống dừng quá trình tải và xóa phần dữ liệu đã tải.</p>
--	--

Báo cáo

Mã Use case	R1.1.2.5
Tên Use case	Báo cáo
Tác nhân (Actor)	Người xem
Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Người xem có thể báo cáo một video trên TikTok nếu nội dung của nó vi phạm các nguyên tắc cộng đồng hoặc có nội dung không phù hợp.
Tiền điều kiện (Preconditions)	
Kết quả (Postconditions)	Báo cáo của người dùng được gửi đến hệ thống kiểm duyệt của TikTok để xem xét.
Điều kiện kích hoạt use case (Triggers – specific business event)	Người xem nhấn vào tùy chọn Báo cáo trong menu Chia sẻ hoặc menu Tùy chọn của video.
Luồng sự kiện chính (Main scenario, basic flow)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người xem đang xem một video trên TikTok. 2. Người xem nhấn vào biểu tượng Chia sẻ hoặc nhấn giữ để hiện thanh tùy chọn. 3. Người xem chọn tùy chọn Báo cáo. 4. Hệ thống hiển thị danh sách lý do để báo cáo (ví dụ: Nội dung không phù hợp, Bạo lực, Lừa đảo, Nguy hiểm, v.v.). 5. Người xem chọn lý do phù hợp và nhấn Gửi. 6. Hệ thống xác nhận rằng báo cáo đã được gửi thành công bằng thông báo: "Cảm ơn bạn đã báo cáo. Chúng tôi sẽ xem xét nội dung này." 7. Hệ thống chuyển báo cáo đến đội ngũ kiểm duyệt để xử lý.

<p>Luồng sự kiện phụ <i>(Extensions)</i></p>	<p>Tại bước 4:</p> <p>4a. Hủy báo cáo</p> <ul style="list-style-type: none"> +)> Người xem nhấp vào nút X +)> Hệ thống sẽ quay trở lại giao diện xem video. <p>Tại bước 6:</p> <p>Sau khi người xem ấn Gửi báo cáo. Hệ thống sẽ hiển thị 2 tùy chọn “Xong” và “Xem báo cáo của bạn”</p> <p>6a. Xong (Hoàn tất báo cáo)</p> <ul style="list-style-type: none"> +)> Người xem ấn “Xong” +)> Hệ thống sẽ quay trở lại giao diện xem video. <p>6b. Xem báo cáo của bạn.</p> <ul style="list-style-type: none"> +)> Người xem ấn “Xem báo cáo của bạn” +)> Hệ thống sẽ hiển thị thông tin báo cáo bao gồm: Tình trạng báo cáo, Thời gian gửi b.cáo
---	---

Đăng ký

<p>Mã Use case</p>	R1.1.3
<p>Tên Use case</p>	Đăng ký
<p>Tác nhân (Actor)</p>	Người xem
<p>Level</p>	User Goal
<p>Mô tả ngắn (Brief)</p>	Người xem có thể tạo tài khoản TikTok bằng email, số điện thoại, hoặc các nền tảng mạng xã hội để sử dụng các chức năng của ứng dụng.
<p>Tiền điều kiện <i>(Preconditions)</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> •)> Người xem chưa có tài khoản trong hệ thống hoặc đã đăng xuất khỏi tài khoản hiện tại. •)> Người xem có kết nối internet ổn định.
<p>Kết quả <i>(Postconditions)</i></p>	Người xem sẽ có một tài khoản mới trong hệ thống và có thể sử dụng các tính năng mà hệ thống cung cấp.
<p>Điều kiện kích hoạt use case <i>(Triggers – specific business event)</i></p>	Người xem nhấp vào nút "Đăng ký" từ giao diện hệ thống..
<p>Luồng sự kiện chính <i>(Main scenario, basic flow)</i></p>	<ol style="list-style-type: none"> 1.)> Người xem mở ứng dụng TikTok và chọn Đăng ký 2.)> Hệ thống hiển thị các phương thức đăng ký: <ul style="list-style-type: none"> ○)> Sử dụng email hoặc số điện thoại. ○)> Liên kết tài khoản mạng xã hội (Facebook, Google, Line, ...) 3.)> Người xem chọn một phương thức đăng ký: <ul style="list-style-type: none"> ○)> Email/Số điện thoại: <ul style="list-style-type: none"> ■)> Nhập email/số điện thoại.

	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hệ thống gửi mã xác nhận OTP đến email/số điện thoại. ▪ Người xem nhập mã xác nhận để hoàn tất. <p>○ Liên kết mạng xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Người xem xác thực qua nền tảng mạng xã hội và cấp quyền truy cập cho TikTok. <p>4. Hệ thống yêu cầu người xem nhập thông tin bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Id người dùng. ○ Ngày sinh. <p>5. Sau khi hoàn tất, hệ thống hiển thị thông báo: "Tài khoản của bạn đã được tạo thành công."</p> <p>6. Người xem được chuyển đến màn hình chính của hệ thống..</p>
Luồng sự kiện phụ (Extensions)	<p>Tại bước 3 :</p> <p>3.a. Nếu số điện thoại hoặc email không hợp lệ</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sau khi nhập sdt hoặc email. • Nếu hệ thống kiểm tra thấy sdt hoặc email đã tồn tại thì chỉ cần nhập mã mà hệ thống gửi thì người xem được chuyển đến trang chủ hệ thống (tương tự Đăng nhập) <p>Tại bước 4:</p> <p>4.a.ID đã tồn tại</p> <ul style="list-style-type: none"> • Người xem nhập ID TikTok mong muốn. • Hệ thống kiểm tra ID đó đã tồn tại chưa.. • Nếu ID TikTok đã tồn tại: <ul style="list-style-type: none"> • Hệ thống hiển thị thông báo: "ID TikTok này đã được sử dụng. Vui lòng chọn một ID khác." • Hệ thống đề xuất các ID tương tự nhưng khả dụng • Người xem chọn một ID từ danh sách đề xuất hoặc nhập một ID mới. • Hệ thống kiểm tra ID mới và tiếp tục quy trình đăng ký nếu ID hợp lệ.

Người thực hiện: Đăng Lê Huy

Đăng nhập

Mã Use case	R2.1.1
Tên Use case	Đăng nhập
Tác nhân (Actor)	Người dùng

Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Người dùng có thể đăng nhập vào hệ thống bằng cách cung cấp thông tin tài khoản và mật khẩu
Tiền điều kiện (Preconditions)	Người dùng phải có tài khoản đã đăng ký trong hệ thống.
Kết quả (Postconditions)	Hệ thống xác thực thông tin và đưa người dùng vào giao diện chính sau khi đăng nhập thành công.
Điều kiện kích hoạt use case (Triggers – specific business event)	Người dùng chọn chức năng “Đăng nhập” và nhập thông tin.
Luồng sự kiện chính (Main scenario, basic flow)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng chọn chức năng “Đăng nhập.” 2. Hệ thống hiển thị giao diện đăng nhập. 3. Người dùng chọn nền tảng đăng nhập 4. Người dùng nhập tên tài khoản và mật khẩu, sau đó nhấn “Đăng nhập.” 5. Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập. 6. Nếu thông tin hợp lệ, hệ thống đưa người dùng vào giao diện chính.
Luồng sự kiện phụ (Extensions)	<ul style="list-style-type: none"> • Tại bước 5: <ul style="list-style-type: none"> a. Nếu thông tin không hợp lệ: <ul style="list-style-type: none"> • Người dùng quay lại bước 4 để thử lại.

Quản lý cài đặt tài khoản: đổi mật khẩu, chế độ riêng tư (công khai hoặc riêng tư).

Mã Use case	R2.1.2.1
Tên Use case	Quản lý cài đặt tài khoản
Tác nhân (Actor)	Người dùng
Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Người dùng có thể thay đổi mật khẩu, cài đặt chế độ riêng tư (công khai hoặc riêng tư) của tài khoản thông qua giao diện quản lý cài đặt.
Tiền điều kiện (Preconditions)	Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống.
Kết quả (Postconditions)	Các thay đổi trong cài đặt tài khoản được lưu lại và áp dụng.
Điều kiện kích hoạt use case (Triggers – specific business event)	Người dùng chọn chức năng “Cài đặt tài khoản” từ menu hoặc giao diện chính.

<p>Luồng sự kiện chính <i>(Main scenario, basic flow)</i></p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng chọn chức năng “Cài đặt tài khoản”. 2. Hệ thống hiển thị giao diện cài đặt tài khoản với các tùy chọn. 3. Người dùng chọn một trong các tùy chọn: <ul style="list-style-type: none"> 3a. Đổi mật khẩu: Nhập mật khẩu hiện tại, mật khẩu mới, và xác nhận mật khẩu mới. 3b. Thay đổi chế độ riêng tư: Chọn Công khai hoặc Riêng tư. 4. Hệ thống xử lý: <ul style="list-style-type: none"> 4a. Kiểm tra thông tin hợp lệ. 4b. Lưu cài đặt và hiển thị thông báo thành công. 5. Người dùng quay lại giao diện chính.
<p>Luồng sự kiện phụ <i>(Extensions)</i></p>	<p>Tại bước 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nếu mật khẩu mới không hợp lệ thì sẽ quay lại bước 3

Chỉnh sửa thông tin cá nhân

<p>Mã Use case</p>	R2.1.2.2
<p>Tên Use case</p>	Chỉnh sửa thông tin cá nhân
<p>Tác nhân (Actor)</p>	Người dùng
<p>Level</p>	User Goal
<p>Mô tả ngắn (Brief)</p>	Người dùng có thể Chỉnh sửa thông tin cá nhân: tên, ảnh đại diện, mô tả của bản thân trên trang cá nhân
<p>Tiền điều kiện <i>(Preconditions)</i></p>	Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống.
<p>Kết quả <i>(Postconditions)</i></p>	Các thay đổi trong cài đặt tài khoản được lưu lại và áp dụng.
<p>Điều kiện kích hoạt use case <i>(Triggers – specific business event)</i></p>	Người dùng chọn chức năng “ Cài đặt tài khoản ” từ menu hoặc giao diện chính.
<p>Luồng sự kiện chính <i>(Main scenario, basic flow)</i></p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng chọn chức năng “Chỉnh sửa thông tin cá nhân”. 2. Hệ thống hiển thị giao diện chỉnh sửa. 3. Người dùng cập nhật tên, ảnh đại diện, hoặc mô tả ngắn. 4. Người dùng xác nhận thay đổi. 5. Hệ thống kiểm tra thông tin và lưu lại. 6. Hệ thống thông báo thành công và quay về giao diện cá nhân.
<p>Luồng sự kiện phụ <i>(Extensions)</i></p>	<p>Tại bước 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nếu thông tin không hợp lệ: Hệ thống thông báo lỗi (tên trống, ảnh sai định dạng, mô tả vượt ký tự). Người dùng quay lại bước 3 chỉnh sửa lại.

Nhận thông báo

Mã Use case	R2.1.3
Tên Use case	Nhận thông báo
Tác nhân (Actor)	Người dùng
Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Người dùng có thể nhận thông báo về các hoạt động liên quan đến tài khoản hoặc nội dung họ theo dõi.
Tiền điều kiện (Preconditions)	<ol style="list-style-type: none"> Người dùng đã đăng ký hoặc đăng nhập tài khoản trên hệ thống. Người dùng đã bật tùy chọn nhận thông báo (nếu có). Hệ thống hoạt động bình thường.
Kết quả (Postconditions)	Người dùng nhận được thông báo qua ứng dụng hoặc nền tảng liên quan (ví dụ: thông báo trong ứng dụng, qua web).
Điều kiện kích hoạt use case (Triggers – specific business event)	<ol style="list-style-type: none"> Video của người dùng được thích, bình luận, chia sẻ. Người dùng nhận tin nhắn mới hoặc có người theo dõi mới. Tài khoản mà người dùng theo dõi bắt đầu livestream.
Luồng sự kiện chính (Main scenario, basic flow)	<ol style="list-style-type: none"> Sự kiện kích hoạt thông báo xảy ra (ví dụ: một video được thích). Hệ thống tạo thông báo phù hợp với nội dung sự kiện. Hệ thống gửi thông báo đến người dùng thông qua kênh đã chọn (thông báo ứng dụng, web,...). Người dùng nhận thông báo và có thể tương tác (ví dụ: nhấp vào thông báo để xem chi tiết).
Luồng sự kiện phụ (Extensions)	

Tương tác với video

Mã Use case	R2.2.2
Tên Use case	Tương tác với video
Tác nhân (Actor)	Người dùng
Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Người dùng có thể bình luận, thích, hoặc chia sẻ video trong hệ thống.
Tiền điều kiện (Preconditions)	Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống.
Kết quả	Hành động tương tác được thực hiện thành công.

(Postconditions)	
Điều kiện kích hoạt use case <i>(Triggers – specific business event)</i>	Người dùng chọn một video trong hệ thống.
Luồng sự kiện chính <i>(Main scenario, basic flow)</i>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng chọn một video để tương tác. 2. Hệ thống hiển thị giao diện chi tiết video. 3. Người dùng thực hiện hành động tương tác (thích, bình luận, chia sẻ). 4. Hệ thống xử lý và lưu lại thông tin tương tác.
Luồng sự kiện phụ <i>(Extensions)</i>	<p>Tại bước 3:</p> <p>a. Nếu xảy ra lỗi mạng hoặc hệ thống không lưu được tương tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hệ thống thông báo “Không thể thực hiện hành động, vui lòng thử lại sau.” • Người dùng quay lại bước 3 để thử lại.

Tương tác với tài khoản khác

Mã Use case	R2.2.3
Tên Use case	Tương tác với tài khoản khác
Tác nhân (Actor)	Người dùng
Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Người dùng có thể theo dõi, hủy theo dõi, gửi tin nhắn, hoặc báo cáo tài khoản khác trên nền tảng.
Tiền điều kiện <i>(Preconditions)</i>	<p>Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống.</p> <p>Người dùng có quyền thực hiện các hành động tương tác với tài khoản khác.</p>
Kết quả <i>(Postconditions)</i>	Hành động tương tác được thực hiện thành công và lưu lại trên hệ thống.
Điều kiện kích hoạt use case <i>(Triggers – specific business event)</i>	Người dùng truy cập vào trang hồ sơ của tài khoản khác và chọn thực hiện hành động tương tác.
Luồng sự kiện chính <i>(Main scenario, basic flow)</i>	<ol style="list-style-type: none"> 1.Người dùng truy cập vào hồ sơ tài khoản khác. 2.Hệ thống hiển thị giao diện chi tiết hồ sơ. 3.Người dùng thực hiện hành động tương tác: <ul style="list-style-type: none"> • Theo dõi hoặc hủy theo dõi. • Gửi tin nhắn. • Báo cáo tài khoản. 4.Hệ thống xử lý và lưu lại thông tin tương tác: <ul style="list-style-type: none"> • Nếu theo dõi/hủy theo dõi: Hệ thống cập nhật danh sách bạn bè. • Nếu gửi tin nhắn: Hệ thống gửi tin nhắn và lưu lại lịch sử trò chuyện.

	<ul style="list-style-type: none"> • Nếu báo cáo: Hệ thống ghi nhận báo cáo để xử lý. <p>5. Hệ thống thông báo kết quả cho người dùng.</p>
Luồng sự kiện phụ <i>(Extensions)</i>	<p>Tại bước 4:</p> <p>Nếu xảy ra lỗi mạng hoặc hệ thống không xử lý được yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hệ thống thông báo “Không thể thực hiện hành động, vui lòng thử lại sau.” • Người dùng quay lại bước 3 để thử lại.

Tạo và đăng tải video

Mã Use case	R2.3.1
Tên Use case	Tạo và đăng tải video
Tác nhân (Actor)	Người dùng
Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Người dùng có thể tạo nội dung video mới và đăng tải lên cộng đồng.
Tiền điều kiện <i>(Preconditions)</i>	Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống.
Kết quả <i>(Postconditions)</i>	Video được đăng tải thành công và hiển thị trên cộng đồng.
Điều kiện kích hoạt use case <i>(Triggers – specific business event)</i>	Người dùng chọn chức năng “Tạo và đăng tải video.”
Luồng sự kiện chính <i>(Main scenario, basic flow)</i>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng chọn chức năng “Tạo và đăng tải video.” 2. Hệ thống hiển thị giao diện tạo video. 3. Quay hoặc tải lên video 4. Người dùng nhập thông tin video (tiêu đề, mô tả, gắn thẻ). 5. Hệ thống kiểm tra định dạng và kích thước tệp. 6. Nếu hợp lệ, hệ thống lưu trữ và đăng tải video. 7. Hệ thống hiển thị thông báo thành công, quay về trang chủ
Luồng sự kiện phụ <i>(Extensions)</i>	<p>Tại bước 5:</p> <p>a. Nếu tệp video không hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hệ thống hiển thị thông báo “Tệp video không đúng định dạng hoặc vượt quá dung lượng

	<p>cho phép."</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hệ thống sẽ xử lý và xóa nội dung đăng tải. • Quay lại bước 3
--	--

Người thực hiện: Trần Yên Nhi

Quản lý bình luận

Mã Use case	R3.2.1
Tên Use case	Quản lý bình luận
Tác nhân (Actor)	Người sáng tạo nội dung
Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Người sáng tạo nội dung có thể xem, xóa, hoặc báo cáo các bình luận trên video của mình để quản lý nội dung tương tác hiệu quả.
Tiền điều kiện (Preconditions)	<p>Người sáng tạo nội dung đã có tài khoản trong hệ thống.</p> <p>Người sáng tạo đã đăng tải ít nhất một video có bình luận.</p>
Kết quả (Postconditions)	<ul style="list-style-type: none"> - Bình luận không phù hợp được xóa hoặc báo cáo thành công. - Hệ thống cập nhật lại danh sách bình luận sau mỗi hành động.
Điều kiện kích hoạt use case (Triggers – specific business event)	<p>Người sáng tạo muốn kiểm tra và quản lý bình luận người xem trên video của mình.</p> <p>Kết nối internet ổn định.</p>
Luồng sự kiện chính (Main scenario, basic flow)	<ol style="list-style-type: none"> 2. Người sáng tạo chọn video muốn quản lý bình luận. 3. Hệ thống hiển thị danh sách tất cả các bình luận trên video (gồm tên tài khoản người dùng, nội dung bình luận, thời gian gửi bình luận). 4. Người sáng tạo thực hiện thao tác xem bình luận. 5. Hệ thống cập nhật danh sách bình luận sau mỗi thao tác.
Luồng sự kiện phụ (Extensions)	<p>-3a. Nếu không có bình luận nào trên video được chọn.</p> <p>3a1. Hệ thống hiển thị thông báo: "Hiện tại, video của bạn chưa có bình luận nào."</p>

	<p>3a2. Quay lại bước 2.</p> <p>-4a. Người sáng tạo thực hiện thao tác xóa bình luận.</p> <p>4a1. Hệ thống hiển thị thông báo “Xác nhận xóa bình luận ?”.</p> <p>4a2. Người sáng tạo xác nhận.</p> <p>-4b. Người sáng tạo thực hiện thao tác báo cáo bình luận.</p> <p>4b1. Hệ thống hiển thị thông báo “Chọn lý do báo cáo”.</p> <p>4b2. Người sáng tạo chọn lý do rồi xác nhận.</p> <p>-4c. Người sáng tạo thực hiện thao tác trả lời bình luận.</p> <p>4c1. Người sáng tạo nhập nội dung bình luận vào ô trả lời.</p> <p>4c2. Người sáng tạo ấn nút gửi.</p>
--	--

Xem báo cáo hiệu suất video

Mã Use case	R3.3.1
Tên Use case	Xem báo cáo hiệu suất video
Tác nhân (Actor)	Người sáng tạo nội dung
Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Người sáng tạo nội dung trên TikTok sử dụng tính năng phân tích hiệu suất để xem các số lượng quan trọng của video.
Tiền điều kiện (Preconditions)	<ul style="list-style-type: none"> - Người sáng tạo nội dung đã đăng nhập vào tài khoản TikTok.
Kết quả (Postconditions)	<ul style="list-style-type: none"> - Người sáng tạo nội dung đã nhận được thông tin phân tích chi tiết về hiệu suất của từng video. - Người sáng tạo nắm bắt sở thích và thói quen của người xem để xác định nội dung nào đang được yêu thích để điều chỉnh và cải thiện chiến lược tạo sáng cho phù hợp.
Điều kiện kích hoạt use case (Triggers – specific business event)	<ul style="list-style-type: none"> - Người sáng tạo nội dung truy cập Phân tích (Analytics) trên ứng dụng TikTok để xem thông tin chi tiết về video.

<p>Luồng sự kiện chính <i>(Main scenario, basic flow)</i></p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người sáng tạo chọn video muốn xem phân tích hiệu suất. 2. Người sáng tạo rồi chọn công cụ Analytics . 3. Hệ thống hiển thị thông tin phân tích của video, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> • Chỉ số hiệu suất: lượt xem, tổng thời gian phát hiện, thời gian xem trung bình, tỷ lệ giữ chân giả (Retention Rate). • Chỉ số tương tác: lượt thích, bình luận, chia sẻ, lưu video. • Thông tin trống giả: Độ tuổi, giới tính, khu vực. • Nguồn gốc lưu lượng truy cập: Trang "Dành cho bạn", hồ sơ cá nhân, tìm kiếm. 4. Người sáng tạo xem dữ liệu phân tích hiệu suất của video để có định hướng mới. 5. Kết thúc quy trình.
<p>Luồng sự kiện phụ <i>(Extensions)</i></p>	<p>-2a. Trường hợp không có quyền truy cập Analytics:</p> <p>2a1. Hệ thống hiển thị thông báo: "Vui lòng bật Analytics trong Cài đặt".</p> <p>2a2. Chọn Cài đặt rồi chọn Phân tích. Bật quyền truy cập Analytics.</p> <p>2a3. Quay lại b1</p> <p>-3a. Video không đủ dữ liệu để phân tích:</p> <p>3a1. Hệ thống thông báo: "Dữ liệu chưa có sẵn hoặc video này chưa đủ lượt xem để hiển thị phân tích".</p> <p>3a2. Quy trình kết thúc.</p>

Chức năng Yêu cầu rút tiền

Mã Use case	R3.4.2
Tên Use case	Yêu cầu rút tiền
Tác nhân (Actor)	Người sáng tạo nội dung
Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Người sáng tạo nội dung thực hiện yêu cầu rút tiền từ thu nhập trong hệ thống TikTok, chọn phương thức rút tiền và kiểm tra giao dịch trạng thái.
Tiền điều kiện (Preconditions)	<ul style="list-style-type: none"> - Người sáng tạo đã đăng nhập vào tài khoản TikTok.
Kết quả (Postconditions)	<ul style="list-style-type: none"> - Giao dịch rút tiền được xử lý thành công hoặc hiển thị trạng thái thất bại. - Người sáng tạo có thể kiểm tra trạng thái giao dịch trên giao dịch trang.

Điều kiện kích hoạt use case (Triggers – specific business event)	<ul style="list-style-type: none"> - Người sáng tạo muốn rút tiền thu nhập của mình trên hệ thống.
Luồng sự kiện chính (Main scenario, basic flow)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người sáng tạo truy cập mục Rút tiền trong ứng dụng TikTok. 2. Hệ thống kiểm tra trạng thái xác minh danh tính và xác nhận danh tính đã được xác minh. 3. Hệ thống kiểm tra số dư của tài khoản Người sáng tạo và xác nhận số dư đáp ứng người tối thiểu để rút tiền. 4. Người sáng tạo nhập số tiền muốn rút và chọn phương thức rút tiền mong muốn(Tài khoản ngân hàng/ PayPal/ ZaloPay). 5. Hệ thống kiểm tra số tiền muốn rút hợp lệ (không vượt quá số dư hiện tại). 6. Hệ thống hiển thị thông tin giao dịch(bao gồm số tiền rút, phương thức rút tiền và các chi tiết liên quan). 7. Người sáng tạo xác nhận giao dịch. 8. Hệ thống xử lý giao dịch và cập nhật trạng thái giao dịch là "Thành công". 9. Hệ thống thông báo giao dịch hoàn tất cho người sáng tạo.
Luồng sự kiện phụ (Extensions)	<p>-2a. Người sáng tạo chưa xác minh danh tính:</p> <ul style="list-style-type: none"> 2a1. Hệ thống thông báo: "Vui lòng xác minh danh tính trước khi thực hiện giao dịch." 2a2. Quy trình kết thúc. <p>-3a. Hệ thống kiểm tra thấy số dư trong tài khoản không đạt người tối thiểu.</p> <ul style="list-style-type: none"> 3a1. Hệ thống thông báo: "Số dư không đủ để thực hiện rút tiền". 3a2. Quy trình kết thúc. <p>-5a. Người sáng tạo nhập số tiền vượt quá số dư hiện tại.</p> <ul style="list-style-type: none"> 5a1. Hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại số tiền hợp lệ. 5a2. Quay lại bước 4. <p>-8a. Giao dịch rút tiền không được xử lý thành công do lỗi kỹ thuật hoặc lý do khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> 8a1. Hệ thống cập nhật trạng thái giao dịch là "Thất bại" và thông báo lỗi cho người sáng tạo. 8a2. Kết thúc.

Người thực hiện: Nguyễn Thiên Phú

Quản lý người dùng

Mã Use case	R4.1.1
Tên Use case	Quản lý người dùng
Tác nhân (Actor)	Người quản lý
Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Quản lý thêm, sửa, xóa, cập nhật danh sách người dùng
Tiền điều kiện (Preconditions)	<ul style="list-style-type: none"> Người quản lý truy cập bằng tài khoản admin Truy cập vào chức năng quản lý người dùng
Kết quả (Postconditions)	Hệ thống trả về thông báo thành công và cập nhật trên hệ thống
Điều kiện kích hoạt use case (Triggers – specific business event)	<ul style="list-style-type: none"> Cần thêm hoặc thay đổi thông tin của danh sách tài khoản
Luồng sự kiện chính (Main scenario, basic flow)	<ol style="list-style-type: none"> Người quản lý truy cập vào quản lý người dùng. Người quản lý click vào “thêm tài khoản” và điền thông tin Người quản lý click vào nút “Xác nhận” Hệ thống tiếp nhận dữ liệu và lưu trữ trên hệ thống. Hệ thống trả về thông báo thành công.
Luồng sự kiện phụ (Extensions)	<p>Tại bước 2:</p> <p>2a) Người quản lý click vào “Sửa tài khoản” và điền thông tin</p> <p>2b) Người quản lý click chọn vào tài khoản cần xóa</p> <p>Tại bước 5:</p> <p>5a) Thông tin trùng số điện thoại, username: Hệ thống hiển thị thông báo và quay về bước 3.</p>

Thiết lập và quản lý chính sách nội dung

Mã Use case	R4.1.2
Tên Use case	Thiết lập và quản lý chính sách nội dung
Tác nhân (Actor)	Người quản lý

Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Tinh chỉnh, định nghĩa tiêu chuẩn cộng đồng ngăn chặn các từ khóa hoặc các hành vi về hành động ngôn ngữ thiếu chuẩn mực
Tiền điều kiện (Preconditions)	<ul style="list-style-type: none"> Có điều khoản mới hoặc tinh chỉnh điều khoản
Kết quả (Postconditions)	Điều khoản mới được cập nhật trên hệ thống
Điều kiện kích hoạt use case (Triggers – specific business event)	<ul style="list-style-type: none"> Người quản lý nhập hoặc tinh chỉnh điều khoản mới Người quản lý ấn Cập nhật
Luồng sự kiện chính (Main scenario, basic flow)	<ol style="list-style-type: none"> Người quản lý truy cập vào Điều khoản, chính sách Người quản lý ấn “thêm điều khoản và chính sách”, và điền thông tin Người quản lý ấn xác nhận Hệ thống cập nhật điều khoản mới trên hệ thống Hệ thống thông báo thành công
Luồng sự kiện phụ (Extensions)	<p>Tại bước 2:</p> <p>2a) Người quản lý click vào “Sửa điều khoản” và điền thông tin</p> <p>2b) Người quản lý click chọn vào tài khoản cần xóa</p>

Xử lý tố cáo và khiếu nại

Mã Use case	R4.2.1
Tên Use case	Xử lý tố cáo và khiếu nại
Tác nhân (Actor)	Người quản lý
Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Xử lý các khiếu nại và tố cáo của người dùng gửi lên
Tiền điều kiện (Preconditions)	<ul style="list-style-type: none"> Người dùng gửi khiếu nại hoặc tố cáo
Kết quả (Postconditions)	Hệ thống trả về thông báo thành công và cập nhật thông tin lên hệ thống

Điều kiện kích hoạt use case <i>(Triggers – specific business event)</i>	<ul style="list-style-type: none"> Người quản lý chọn một khiếu nại hoặc tố cáo . Người quản lý xem xét và xử lý theo chính sách.
Luồng sự kiện chính <i>(Main scenario, basic flow)</i>	<ol style="list-style-type: none"> Người quản lý truy cập vào Khiếu nại, tố cáo Người quản lý chọn khiếu nại cần xử lý Người quản lý xem xét vào xử lý theo chính sách Hệ thống thông báo xác nhận Hệ thống cập nhật thông tin
Luồng sự kiện phụ <i>(Extensions)</i>	<p>Tại bước 3:</p> <p>3a) Người quản lý chọn tố cáo cần xử lý</p>

Quản lý báo cáo

Mã Use case	R4.3.1
Tên Use case	Quản lý báo cáo
Tác nhân (Actor)	Người quản lý
Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Người quản lý sử dụng hệ thống để tạo, phê duyệt, lưu trữ và phân phối các báo cáo.
Tiền điều kiện <i>(Preconditions)</i>	<ul style="list-style-type: none"> Người quản lý đã đăng nhập vào hệ thống. Dữ liệu cần thiết đã được thu thập và lưu trữ trong cơ sở dữ liệu.
Kết quả <i>(Postconditions)</i>	Báo cáo được lưu trữ thành công và sẵn sàng để phân phối hoặc xem xét.
Điều kiện kích hoạt use case <i>(Triggers – specific business event)</i>	<ul style="list-style-type: none"> Người quản lý cần tạo hoặc phê duyệt một báo cáo mới. Yêu cầu từ các phòng ban hoặc bên liên quan.
Luồng sự kiện chính <i>(Main scenario, basic flow)</i>	<ol style="list-style-type: none"> Người quản lý mở ứng dụng TikTok và đăng nhập với tài khoản admin . Người quản lý chọn chức năng "Quản lý báo cáo". Hệ thống hiển thị danh sách các báo cáo đã có và tùy chọn tạo mới. Người quản lý nhập thông tin hoặc chỉnh sửa báo cáo. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin. Người quản lý phê duyệt hoặc lên lịch phân phối báo cáo. Hệ thống lưu trữ và gửi báo cáo tới các bên liên quan.

Luồng sự kiện phụ <i>(Extensions)</i>	
---	--

Phân tích Dữ liệu

Mã Use case	R4.3.2
Tên Use case	Phân tích Dữ liệu
Tác nhân (Actor)	Người quản lý
Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Use case này mô tả quá trình thu thập và phân tích dữ liệu về doanh thu từ hệ thống cơ sở dữ liệu để tạo báo cáo chi tiết, giúp quản lý hiểu rõ hiệu suất doanh thu và đưa ra quyết định kinh doanh.
Tiền điều kiện (Preconditions)	<ul style="list-style-type: none"> Dữ liệu doanh thu đã được thu thập đầy đủ và cập nhật trong hệ thống cơ sở dữ liệu. Người dùng (Data Analyst) đã đăng nhập vào hệ thống phân tích dữ liệu. Người dùng có quyền truy cập vào các báo cáo doanh thu.
Kết quả (Postconditions)	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo doanh thu được tạo ra và lưu trữ trong hệ thống. Người dùng có thể xem, tải xuống hoặc chia sẻ báo cáo doanh thu. Hệ thống đã gửi thông báo cho các bên liên quan về kết quả phân tích.
Điều kiện kích hoạt use case (Triggers – specific business event)	<ul style="list-style-type: none"> Cập nhật doanh thu hàng tháng hoặc hàng quý. Yêu cầu phân tích doanh thu từ các bộ phận kinh doanh hoặc quản lý cấp cao. Hệ thống tự động phát hiện biến động lớn trong doanh thu và kích hoạt phân tích.
Luồng sự kiện chính (Main scenario, basic flow)	<ol style="list-style-type: none"> Người quản lý phân tích dữ liệu đăng nhập vào hệ thống phân tích. Người quản lý lựa chọn dữ liệu doanh thu cần phân tích (theo tháng, quý, năm). Hệ thống kiểm tra và xác nhận dữ liệu đã sẵn sàng. Người quản lý chọn các phương pháp phân tích (phân tích tổng hợp, xu hướng, phân khúc khách hàng, v.v.). Hệ thống tiến hành phân tích dữ liệu và tạo báo cáo. Người quản lý xem báo cáo và kiểm tra kết quả phân tích. Hệ thống gửi báo cáo cho các bên liên quan (email, thông báo trong hệ thống).
Luồng sự kiện phụ (Extensions)	

Tìm kiếm chiến dịch

Mã Use case	R5.1.1
Tên Use case	Tìm kiếm chiến dịch
Tác nhân (Actor)	Nhà quảng cáo và thương hiệu
Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Tìm kiếm chiến dịch theo:Mã chiến dịch ,tên chiến dịch,loại chiến dịch ,mô tả chiến dịch.
Tiền điều kiện (Preconditions)	1.Nhà quảng cáo đã truy cập vào hệ thống quản lý chiến dịch 2.Hệ thống hoạt động bình thường 3.Nhà quảng cáo vào trang quản lý chiến dịch
Kết quả (Postconditions)	Hệ thống hiển thị danh sách các chiến dịch tồn tại trong hệ thống tương ứng với nội dung tìm kiếm.
Điều kiện kích hoạt use case (Triggers – specific business event)	Nhà quảng cáo thực hiện tìm kiếm chiến dịch.
Luồng sự kiện chính (Main scenario, basic flow)	1.Nhà quảng cáo vào trang quản lý chiến dịch 2.Người dùng nhập từ khóa vào thanh tìm kiếm và bấm nút Tìm kiếm hoặc nút enter 3.Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm trong bảng chiến dịch .
Luồng sự kiện phụ (Extensions)	<p>Tại bước 3 :</p> <p>a.Không có chiến dịch nào</p> <ul style="list-style-type: none"> • Người xem nhập nội dung tìm kiếm và bấm nút Tìm kiếm hoặc enter mà không có chiến dịch nào • Hệ thống sẽ hiện thông báo không tìm thấy chiến dịch nào

Tạo chiến dịch

Mã Use case	R5.1.2
Tên Use case	Tạo chiến dịch
Tác nhân (Actor)	Nhà quảng cáo, thương hiệu
Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Nhà quảng cáo tạo một chiến dịch , nhập các thông tin bao gồm:Tên chiến dịch,loại,mô tả.

Tiền điều kiện <i>(Preconditions)</i>	1.Nhà quảng cáo đã truy cập vào hệ thống quản lý chiến dịch 2.Hệ thống hoạt động bình thường 3.Nhà quảng cáo vào trang quản lý chiến dịch
Kết quả <i>(Postconditions)</i>	Hệ thống tạo chiến dịch xuất hiện trong bảng chiến dịch
Điều kiện kích hoạt use case <i>(Triggers – specific business event)</i>	Nhà quảng cáo ấn vào nút tạo chiến dịch
Luồng sự kiện chính <i>(Main scenario, basic flow)</i>	1. Nhà quảng cáo vào trang quản lý chiến dịch. 2. Nhà quảng cáo ấn nút tạo chiến dịch mới 3. Nhập thông tin (Tên chiến dịch, video, hình ảnh, mô tả,...) 4. Nhà quảng cáo lưu chiến dịch. 5. Hệ thống kiểm tra và thêm chiến dịch . 6. Hệ thống thông báo thêm chiến dịch thành công
Luồng sự kiện phụ <i>(Extensions)</i>	<p>Tại bước 3:</p> <p>a.Nhập thiếu thông tin bắt buộc hoặc sai</p> <p>a1. Nếu nhà quảng cáo, thương hiệu nhập thiếu thông tin bắt buộc hoặc sai</p> <p>a2. Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại.</p> <p>Tại bước 5:</p> <p>a.Hủy thao tác trước khi lưu</p> <p>a1. Nếu nhà quảng cáo, thương hiệu hủy thao tác trước khi lưu</p> <p>a2. Hệ thống sẽ không thay đổi dữ liệu.</p>

Cập nhật chiến dịch

Mã Use case	R5.1.3
Tên Use case	Cập nhật chiến dịch
Tác nhân (Actor)	Nhà quảng cáo, thương hiệu
Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Nhà quảng cáo cập nhật một chiến dịch, các thông tin bao gồm: Tên chiến dịch, loại, mô tả.
Tiền điều kiện <i>(Preconditions)</i>	1.Nhà quảng cáo đã truy cập vào hệ thống quản lý chiến dịch 2.Hệ thống hoạt động bình thường 3.Nhà quảng cáo vào trang quản lý chiến dịch

Kết quả <i>(Postconditions)</i>	Hệ thống hiển thị thông báo cập nhật chiến dịch thành công và thông tin chiến dịch được cập nhật
Điều kiện kích hoạt use case <i>(Triggers – specific business event)</i>	Nhà quảng cáo ấn vào nút cập nhật chiến dịch
Luồng sự kiện chính <i>(Main scenario, basic flow)</i>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhà quảng cáo vào trang quản lý chiến dịch. 2. Nhà quảng cáo chọn chiến dịch cần cập nhật 3. Nhà quảng cáo ấn nút cập nhật chiến dịch 4. Nhập thông tin (Tên chiến dịch, video, hình ảnh, mô tả,...) 5. Nhà quảng cáo lưu chiến dịch. 6. Hệ thống kiểm tra và cập nhật chiến dịch. 7. Hệ thống thông báo cập nhật chiến dịch thành công
Luồng sự kiện phụ <i>(Extensions)</i>	<p>Tại bước 3:</p> <p>a.Nhập thiếu thông tin bắt buộc hoặc sai</p> <ul style="list-style-type: none"> a1. Nếu nhà quảng cáo, thương hiệu nhập thiếu thông tin bắt buộc hoặc sai a2. Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại. <p>Tại bước 5:</p> <p>a.Hủy thao tác trước khi lưu</p> <ul style="list-style-type: none"> a1. Nếu nhà quảng cáo, thương hiệu hủy thao tác trước khi lưu a2. Hệ thống sẽ không thay đổi dữ liệu.

Xóa chiến dịch

Mã Use case	R5.1.4
Tên Use case	Xóa chiến dịch
Tác nhân (Actor)	Nhà quảng cáo, thương hiệu
Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Nhà quảng cáo xóa một chiến dịch
Tiền điều kiện <i>(Preconditions)</i>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhà quảng cáo đã truy cập vào hệ thống quản lý chiến dịch 2. Hệ thống hoạt động bình thường 3. Nhà quảng cáo vào trang quản lý chiến dịch
Kết quả <i>(Postconditions)</i>	Hệ thống xóa một chiến dịch và thông báo xóa chiến dịch thành công
Điều kiện kích hoạt use case <i>(Triggers – specific business event)</i>	Nhà quảng cáo ấn vào nút xóa chiến dịch

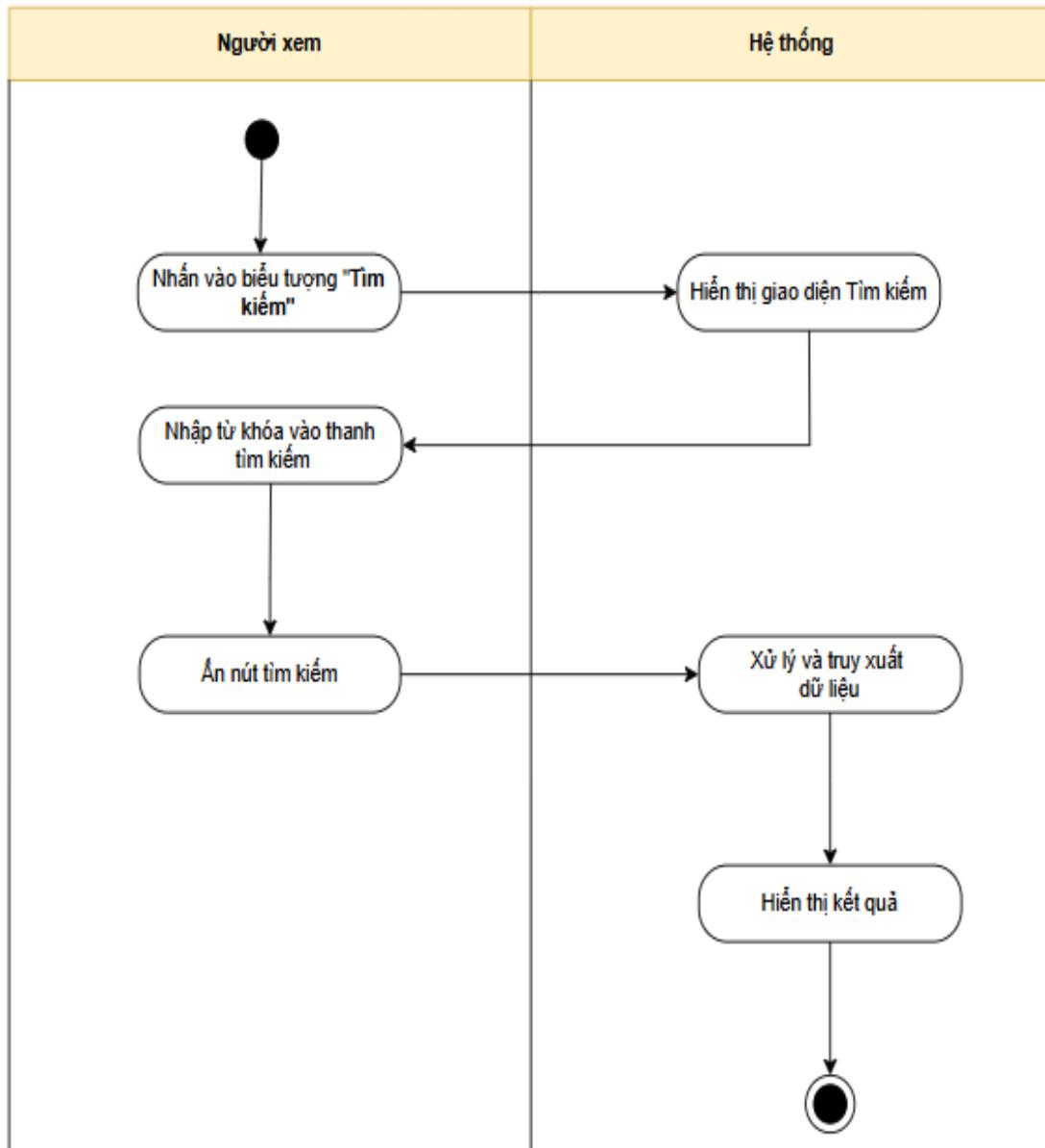
Luồng sự kiện chính <i>(Main scenario, basic flow)</i>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhà quảng cáo vào trang quản lý chiến dịch. 2. Nhà quảng cáo chọn chiến dịch cần xóa 3. Nhà quảng cáo ấn nút xóa chiến dịch 4. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận xóa chiến dịch 5. Nhà quảng cáo nhấn nút xác nhận 6. Hệ thống kiểm tra và xóa chiến dịch. 7. Hệ thống thông báo xóa chiến dịch thành công
Luồng sự kiện phụ <i>(Extensions)</i>	<p>Tại bước 5:</p> <p>a.Nhấn nút huỷ</p> <ol style="list-style-type: none"> a1. Nếu nhà quảng cáo, thương hiệu nhấn nút huỷ a2. Hệ thống sẽ không thay đổi dữ liệu.

Báo cáo chiến dịch

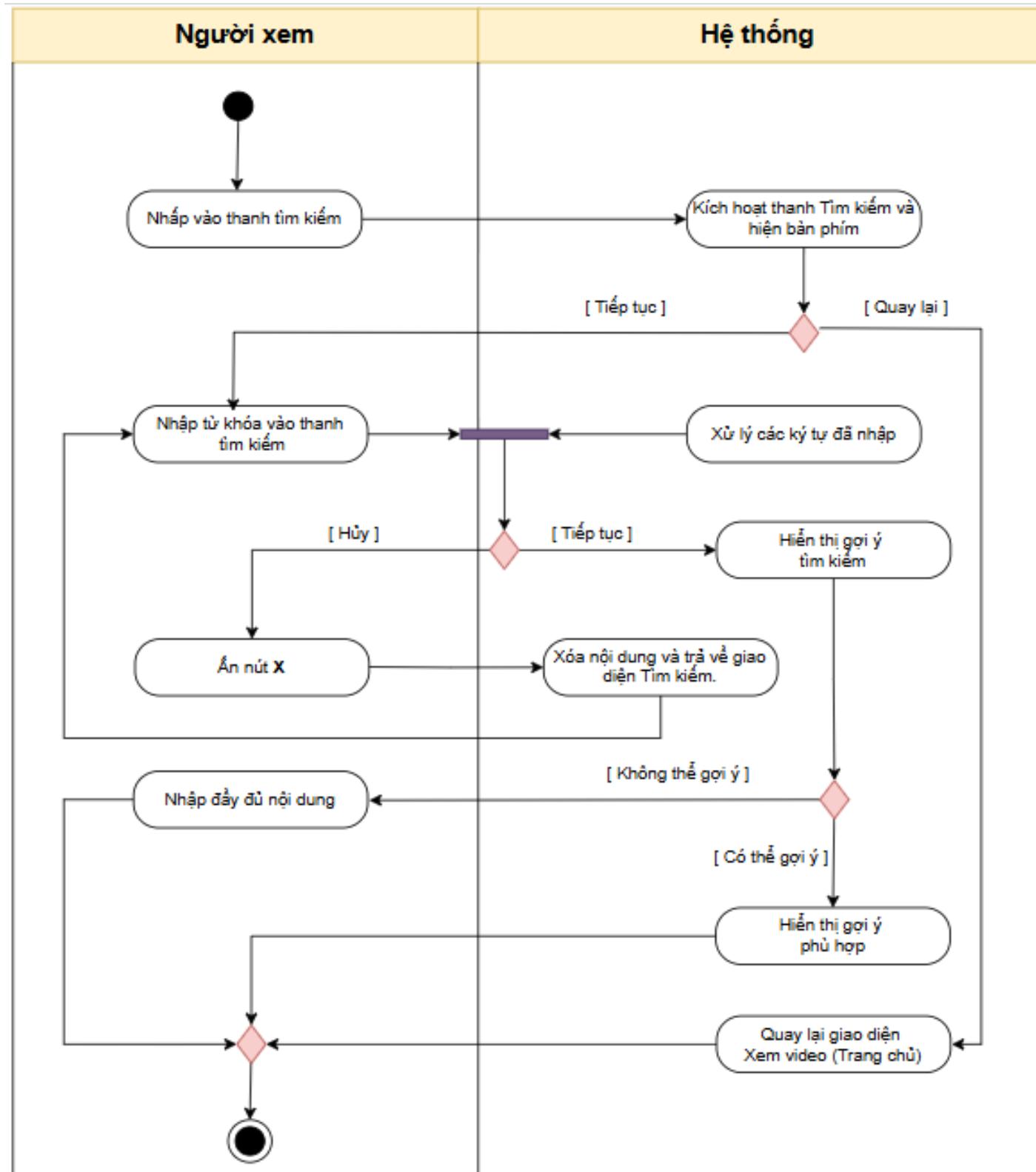
Mã Use case	R5.2.1
Tên Use case	Báo cáo chiến dịch
Tác nhân (Actor)	Nhà quảng cáo, thương hiệu
Level	User Goal
Mô tả ngắn (Brief)	Nhà quảng cáo có thể xem chi tiết thông tin chiến dịch và báo cáo chiến dịch các chỉ số dựa trên dữ liệu thu thập được (số lượt xem, số lượt thích,...)
Tiền điều kiện <i>(Preconditions)</i>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhà quảng cáo đã truy cập vào hệ thống quản lý chiến dịch 2. Hệ thống hoạt động bình thường 3. Nhà quảng cáo vào trang phân tích và báo cáo
Kết quả <i>(Postconditions)</i>	Hệ thống hiển thị báo cáo chi tiết hoặc tổng quan về hiệu suất chiến dịch.
Điều kiện kích hoạt use case <i>(Triggers – specific business event)</i>	Nhà quảng cáo truy cập tính năng phân tích và báo cáo
Luồng sự kiện chính <i>(Main scenario, basic flow)</i>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhà quảng cáo vào trang phân tích và báo cáo 2. Hệ thống hiển thị danh sách chiến dịch trong bảng chiến dịch 3. Chọn chiến dịch. 4. Hệ thống hiển thị bảng báo cáo chi tiết (số lượt xem, số lượt thích,...)
Luồng sự kiện phụ <i>(Extensions)</i>	<p>Tại bước 2:</p> <p>a.Chưa chọn chiến dịch</p> <ol style="list-style-type: none"> a1. Nếu chưa chọn chiến dịch nào a2. Hệ thống hiển thị thông báo: "Vui lòng chọn chiến dịch"

BÀI THỰC HÀNH SỐ 5

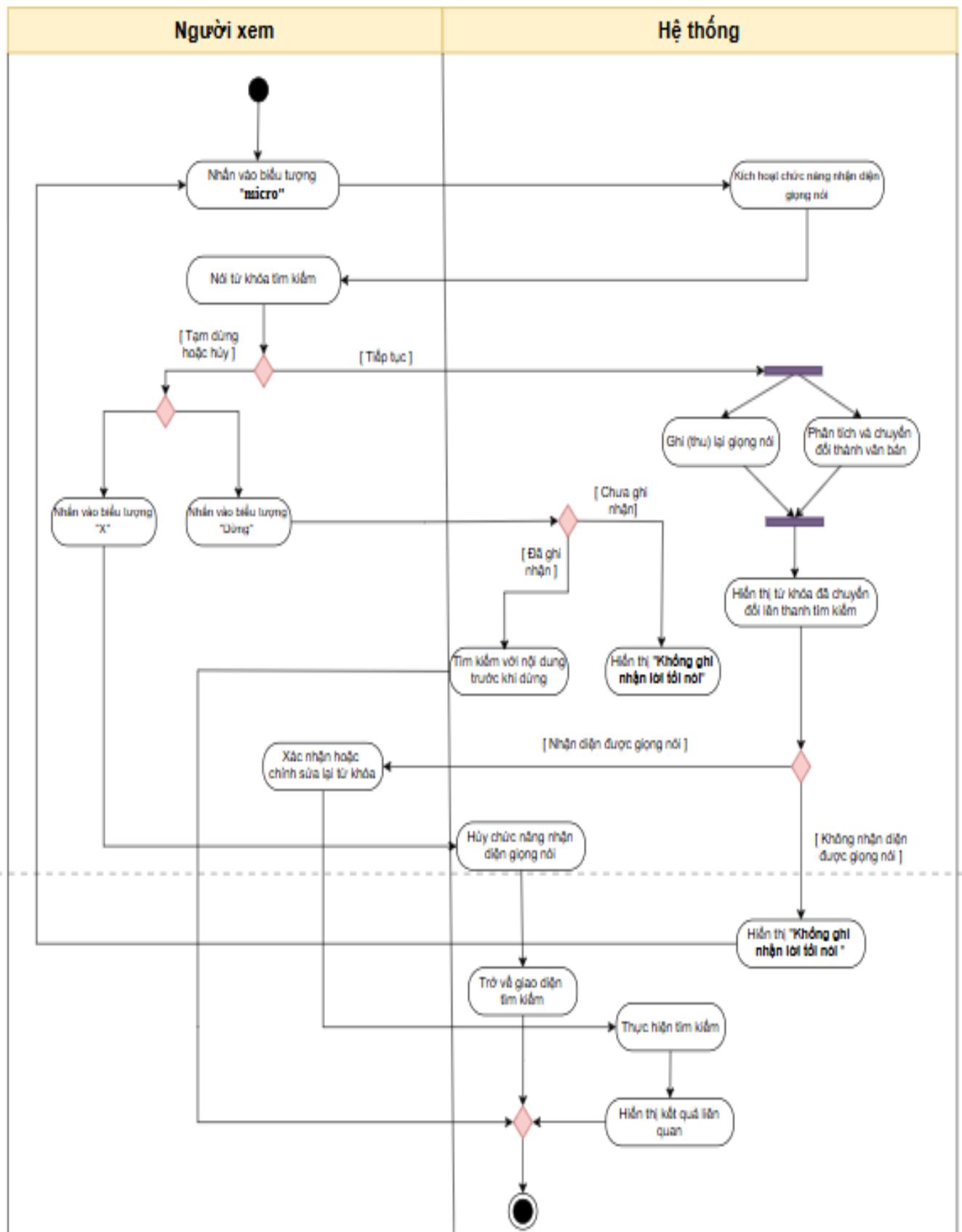
Biểu đồ hoạt động “**Tìm kiếm**” - *Nguyễn Diệu Linh*



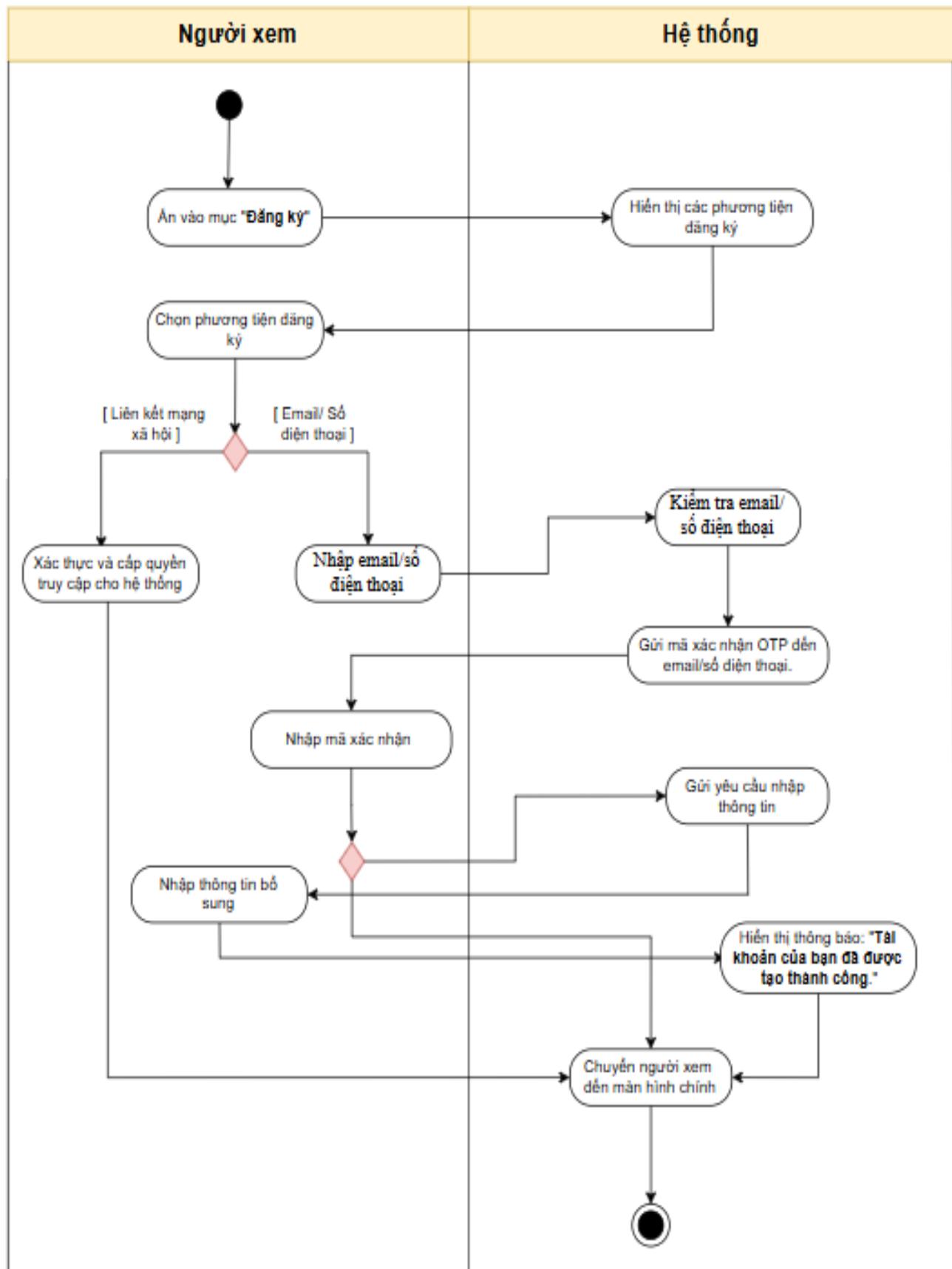
Biểu đồ hoạt động “**Soạn thảo nội dung**” - *Nguyễn Diệu Linh*



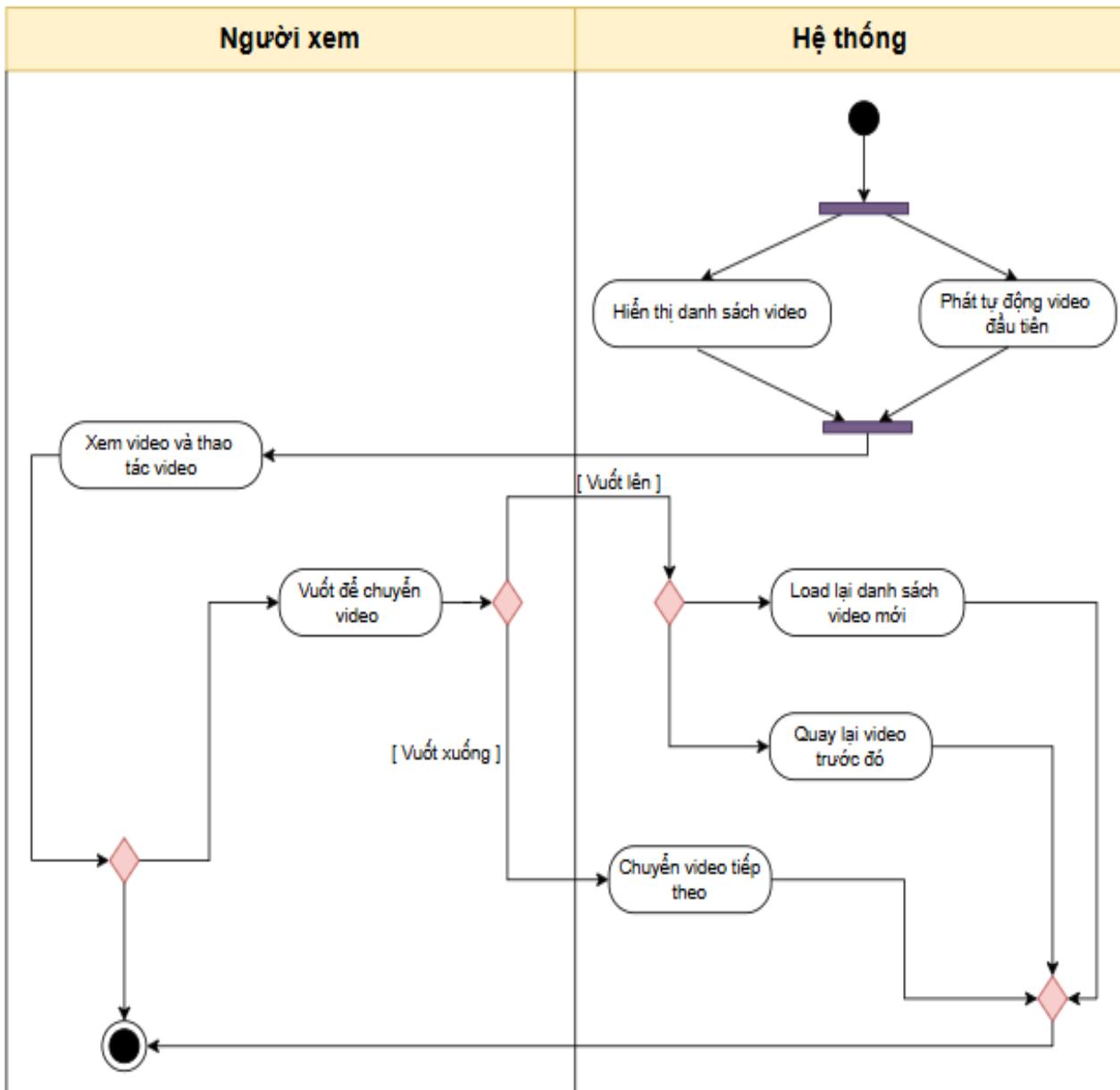
Biểu đồ hoạt động “**Tìm kiếm bằng voice**” - Nguyễn Diệu Linh

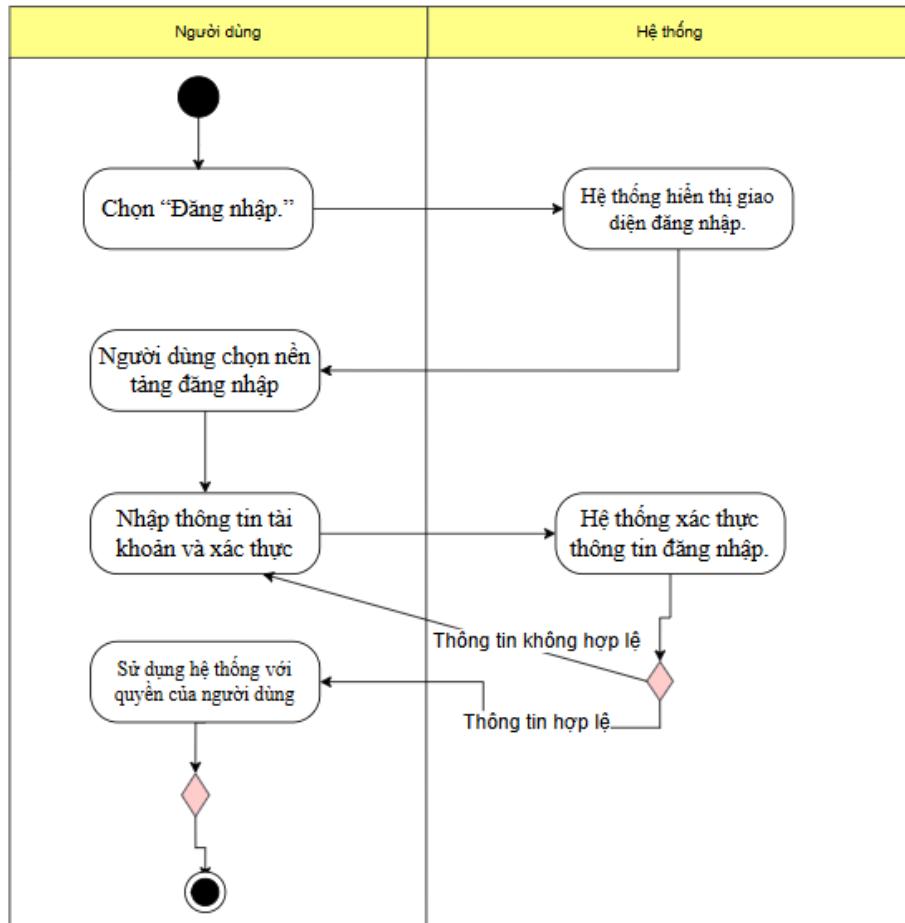


Biểu đồ hoạt động “Đăng ký” - Nguyễn Diệu Linh

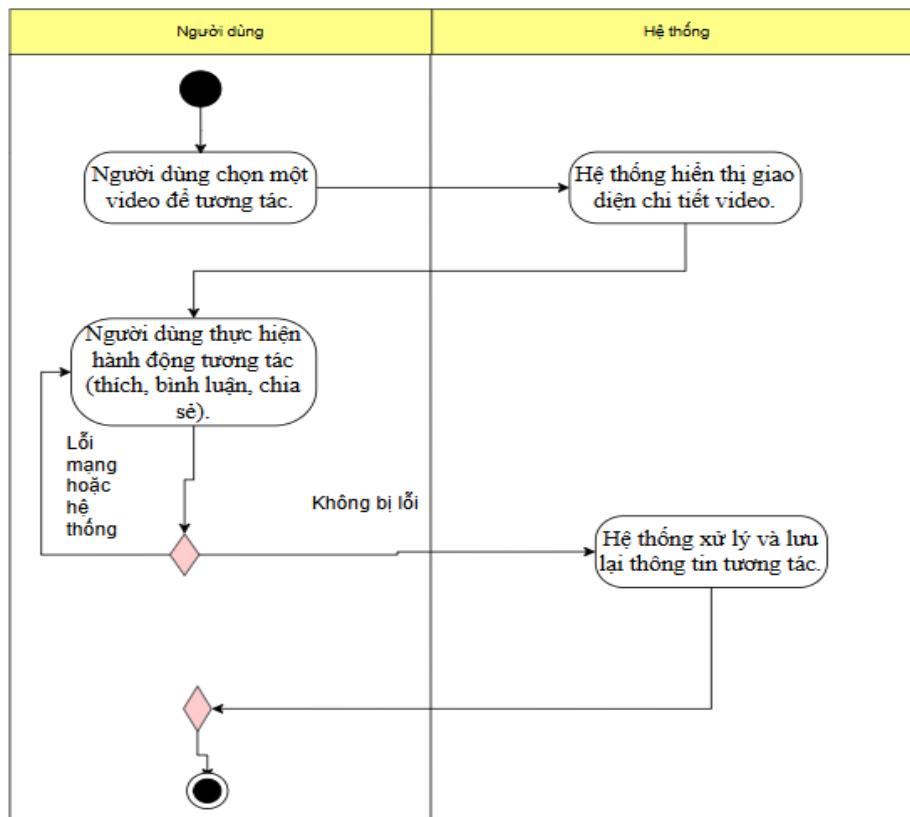


Biểu đồ hoạt động “Xem video” - Nguyễn Diệu Linh

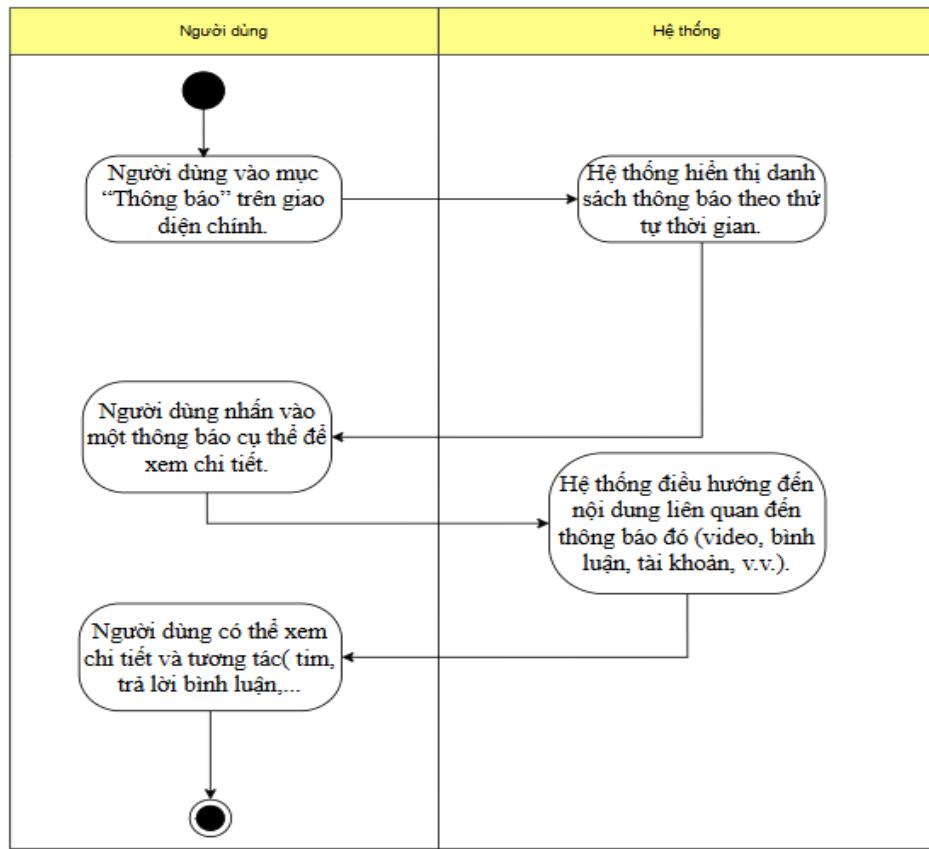




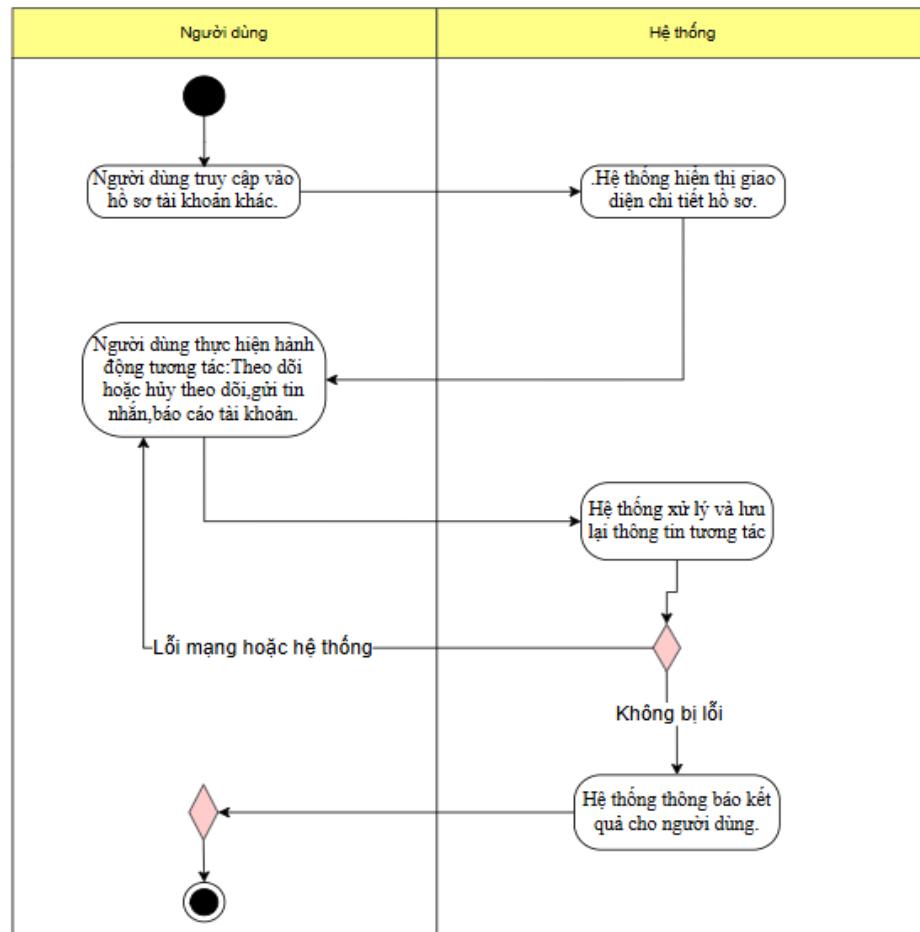
Biểu đồ hoạt động “Tương tác với video” - *Đặng Lê Huy*.



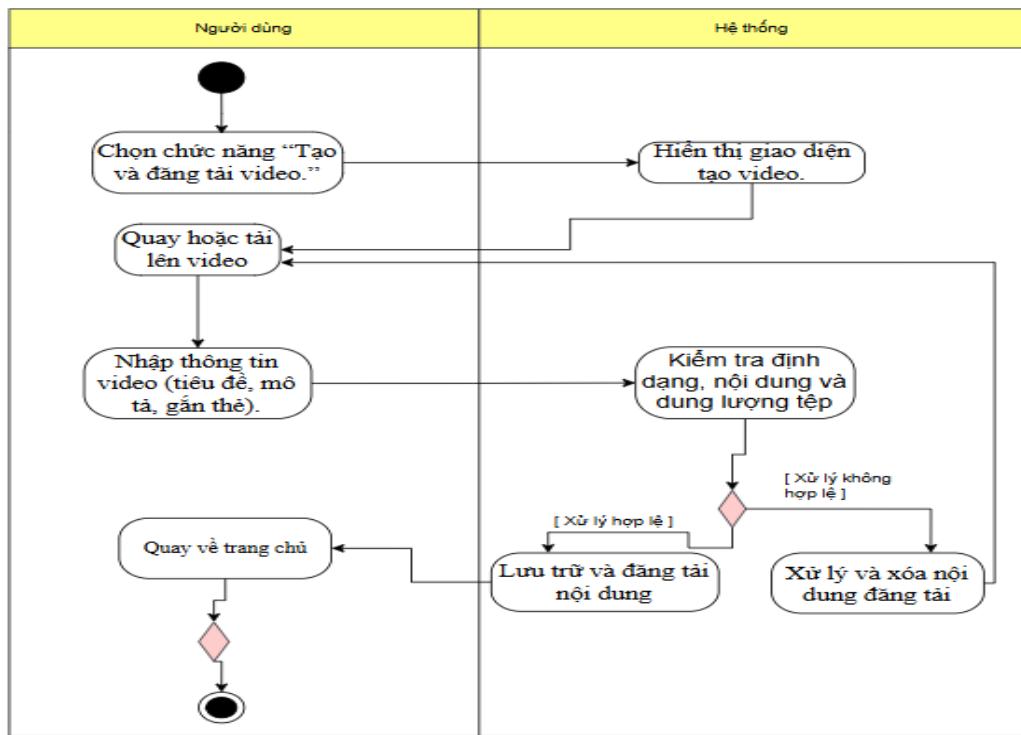
Biểu đồ hoạt động “Nhận thông báo” - *Đặng Lê Huy*



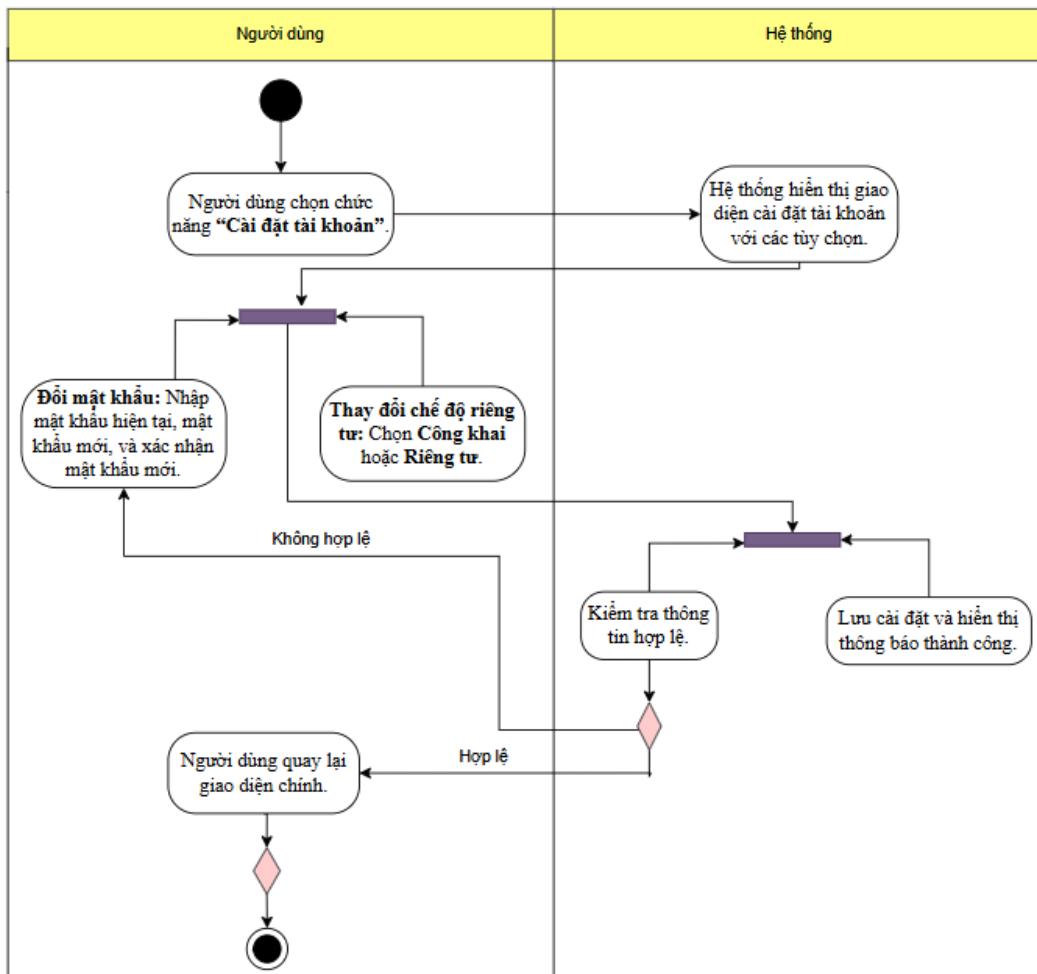
Biểu đồ hoạt động “Tương tác với tài khoản khác” - *Đặng Lê Huy*



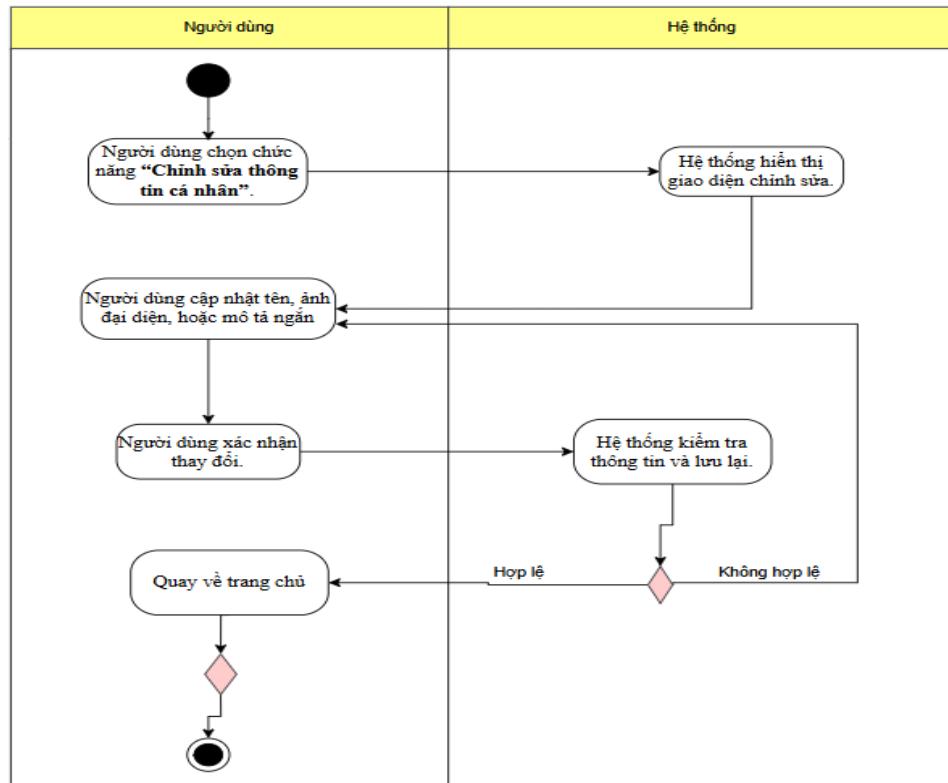
Biểu đồ hoạt động “Tạo và đăng tải video” - *Đặng Lê Huy*



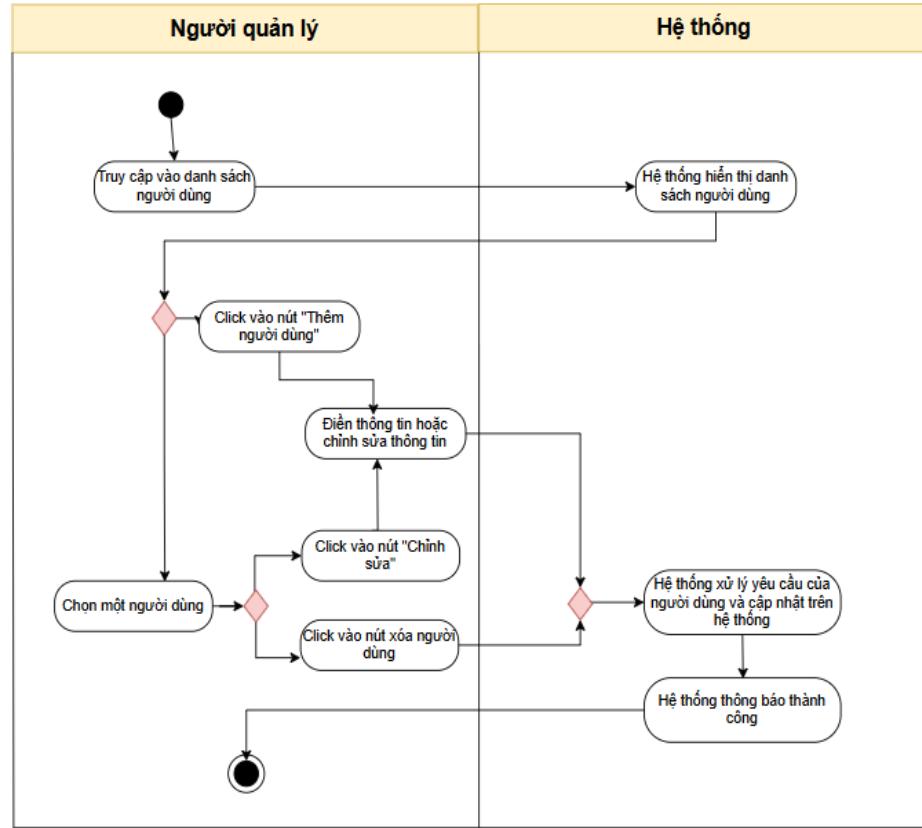
Biểu đồ hoạt động “Quản lý cài đặt tài khoản: đổi mật khẩu, chế độ riêng tư (công khai hoặc riêng tư)” - Đặng Lê Huy



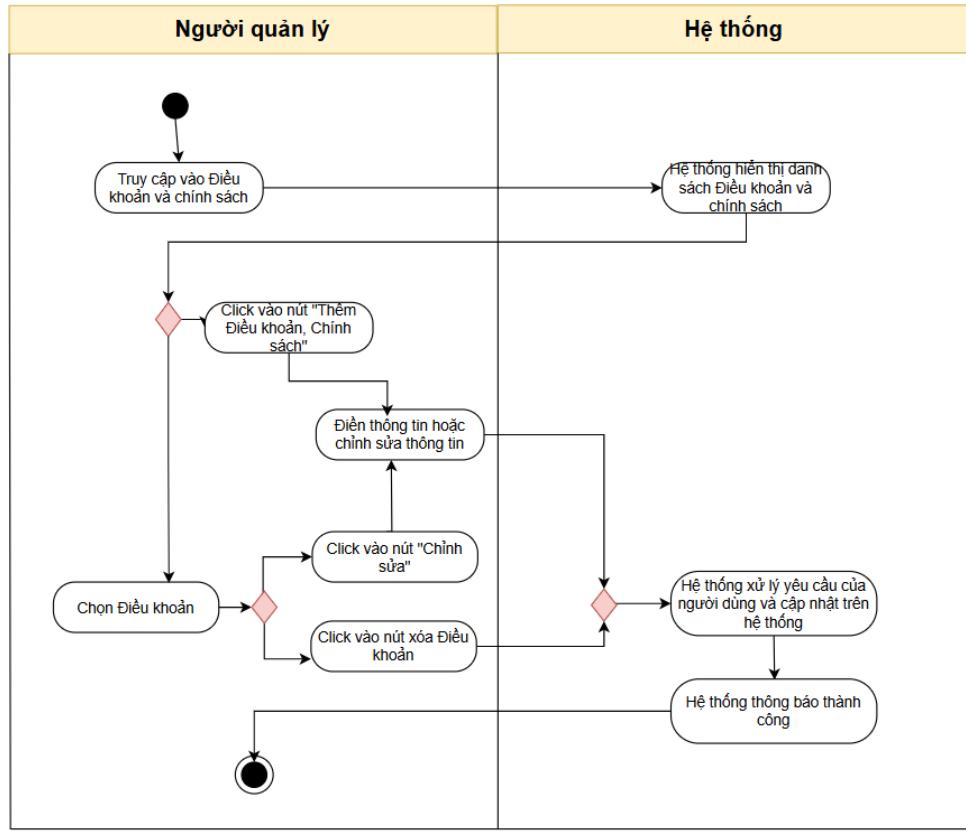
Biểu đồ hoạt động “Chỉnh sửa thông tin cá nhân” – Đặng Lê Huy



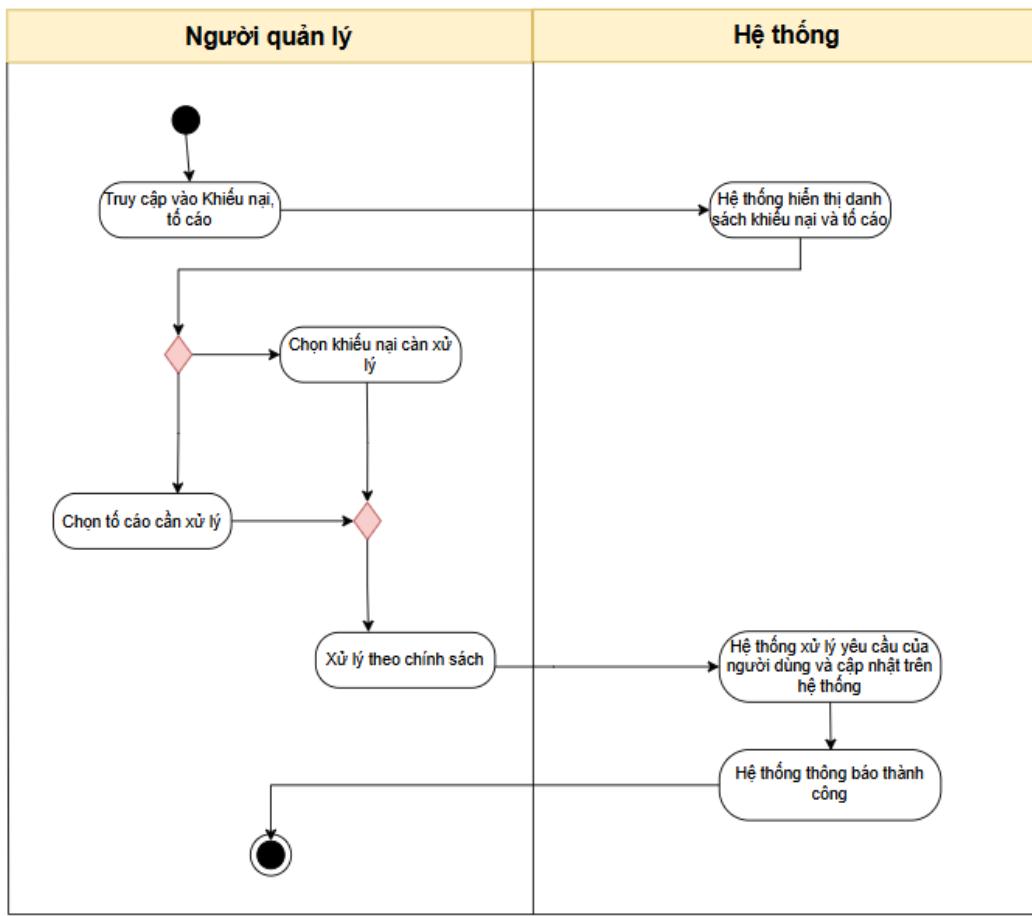
Biểu đồ hoạt động “Quản lý người dùng” - Nguyễn Thiên Phú



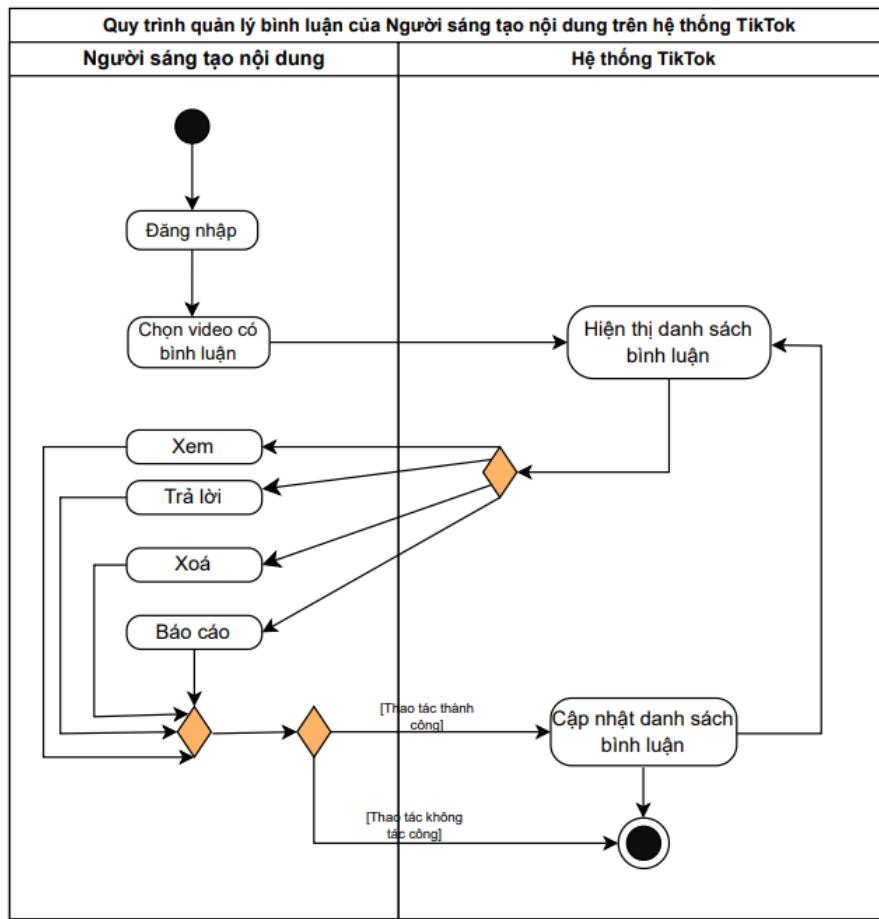
Biểu đồ hoạt động “Thiết lập chính sách và quản lý nội dung” - Nguyễn Thiên Phú



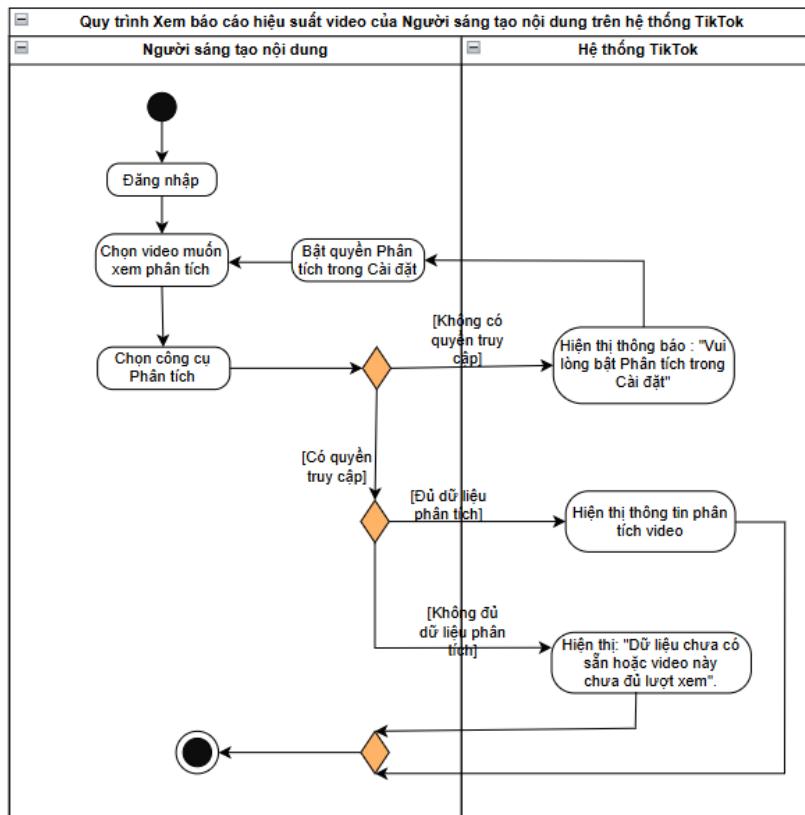
Biểu đồ hoạt động “Thiết lập chính sách và quản lý nội dung” - Nguyễn Thiên Phú



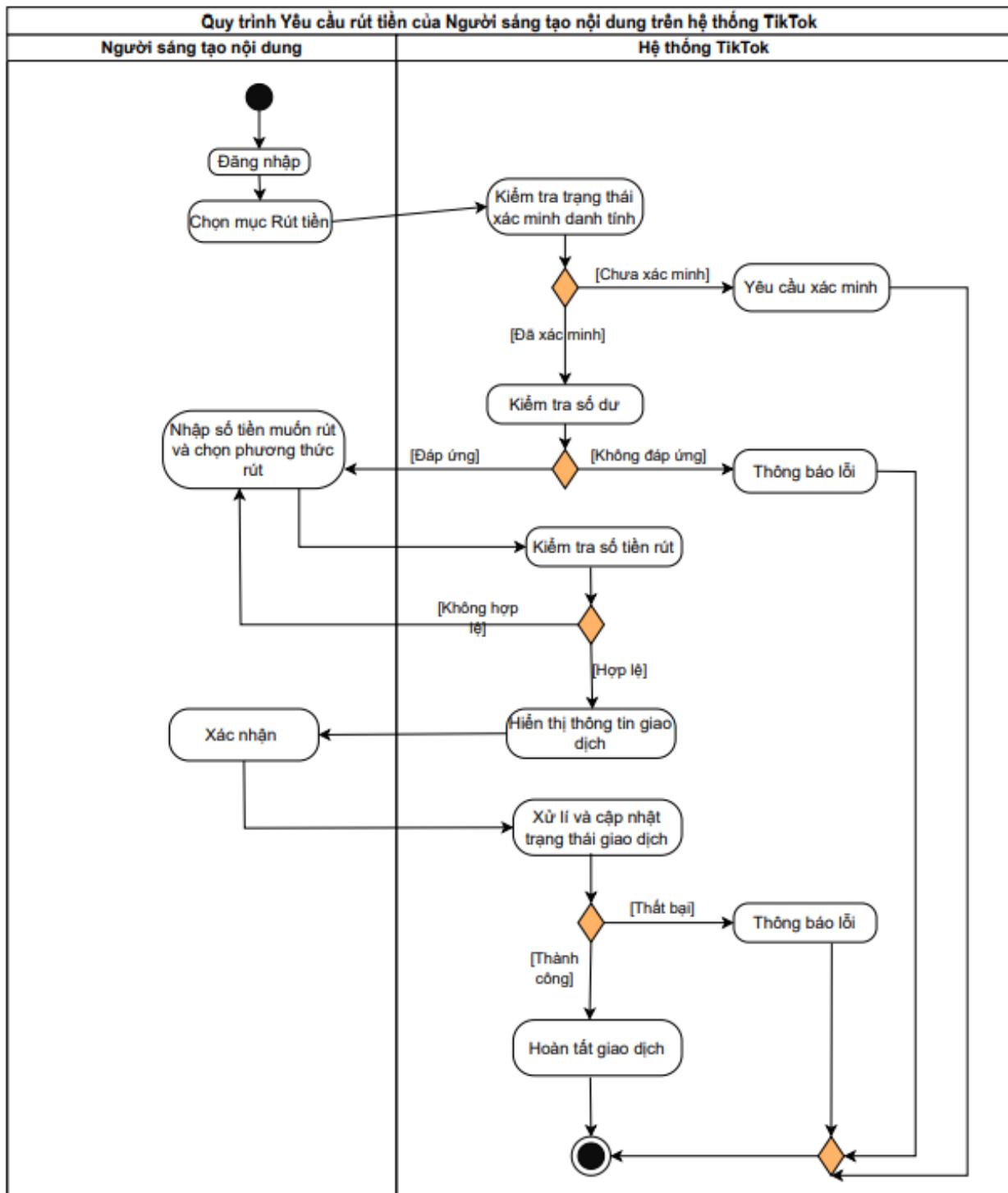
Biểu đồ hoạt động “Quản lý bình luận” - Trần Yến Nhi



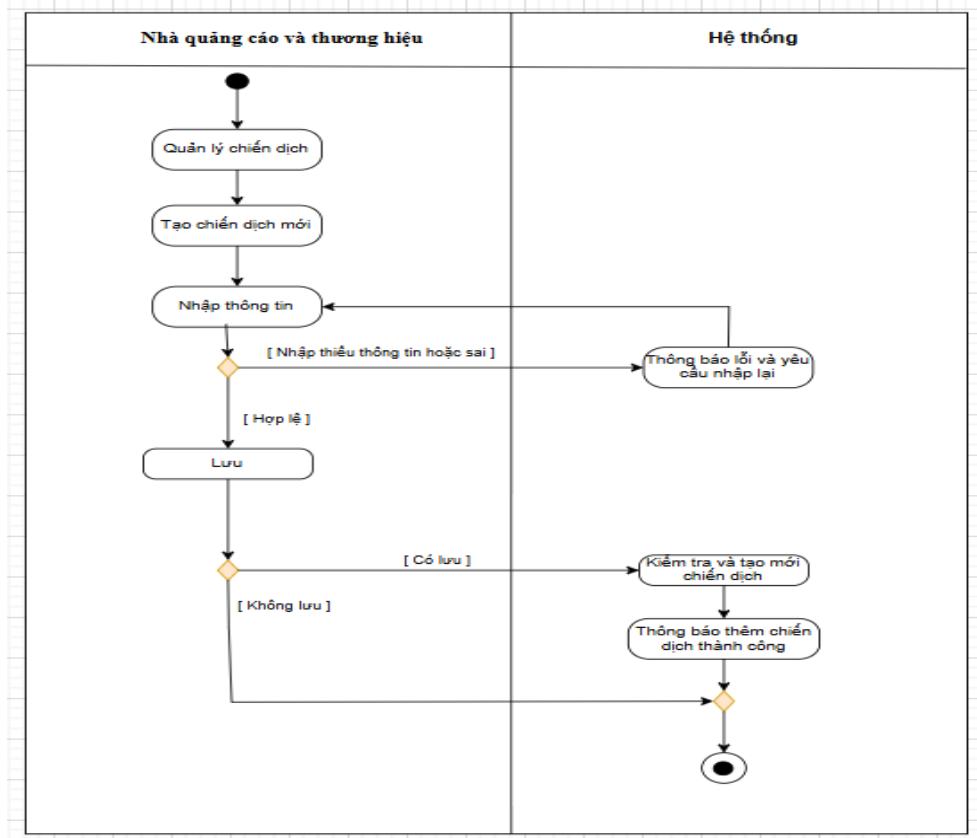
Biểu đồ hoạt động “**Xem báo cáo hiệu suất video**” – Trần Yên Nhi



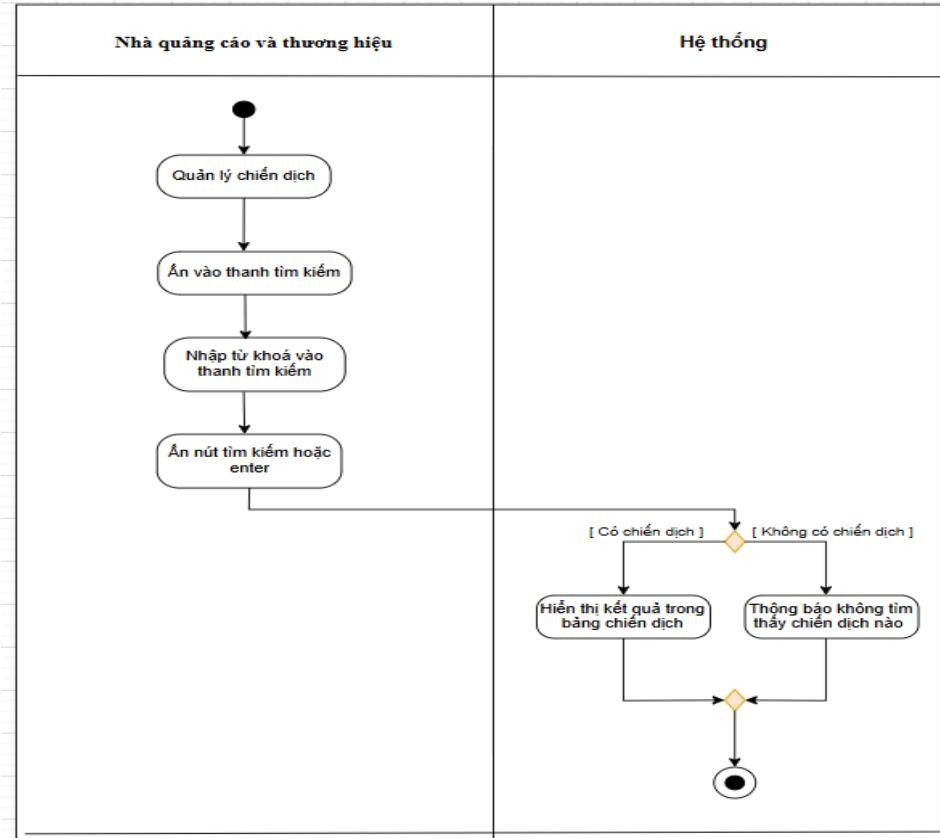
Biểu đồ hoạt động “**Yêu cầu rút tiền**” - Trần Yên Nhi



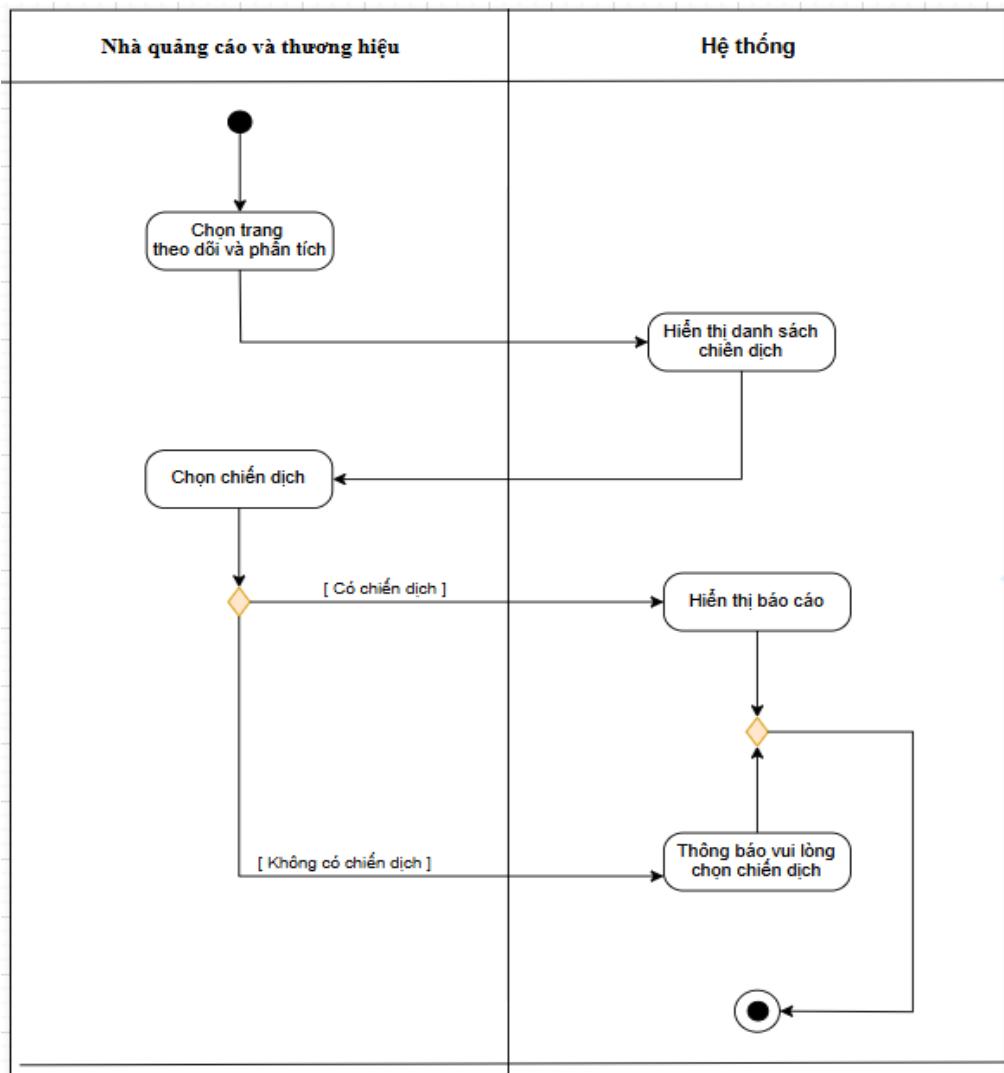
Biểu đồ hoạt động “Tạo chiến dịch” - Nguyễn Võ Thé Phương .



Biểu đồ hoạt động “Tìm kiếm chiến dịch” - Nguyễn Võ Thé Phương



Biểu đồ hoạt động “Báo cáo chiến dịch” - Nguyễn Võ Thé Phương



BÀI THỰC HÀNH SỐ 6

Mã yêu cầu	Mã test cases	Test content					
		Chức năng Feature	Mục đích test Test Objective	Điều kiện test Test precondition	Các bước test Test procedure	Dữ liệu test Test data	Kết quả mong đợi Expected result
UR-1.3.1	TC_01	Đăng ký	Đăng ký tài khoản bằng email/số điện thoại: Thành công	Người xem chưa có tài khoản trên hệ thống	1.Nhấn vào nút "Đăng ký" 2.Nhập email/số điện thoại hợp lệ 3.Nhấn "Tiếp tục"	Email/Số điện thoại đã nhập	Hệ thống hiển thị thông báo "Đăng ký thành công" và chuyển đến màn hình chính.
UR-1.3.1	TC_02	Đăng ký	Đăng ký tài khoản bằng email/số điện thoại: Đã tồn tại	Người xem nhập email đã được đăng ký trước đó	1.Nhấn vào nút "Đăng ký" 2.Nhập địa chỉ email đã tồn tại 3.Nhấn "Tiếp tục"	Email/Số điện thoại đã nhập	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi: "Email/ Số điện thoại đã tồn tại."
UR-1.3.2	TC_03	Đăng ký	Đăng ký qua Google: Đăng ký thành công	Người xem có tài khoản Google hợp lệ	1.Nhấn vào "Đăng ký bằng Google" 2.Chọn tài khoản Google từ danh sách 3.Xác nhận đăng ký	Tài khoản Google đã chọn	Hệ thống hiển thị thông báo "Đăng ký thành công" và chuyển đến màn hình chính.
UR-1.3.2	TC_04	Đăng ký	Đăng ký qua Google: Không cấp quyền	Người xem từ chối quyền truy cập thông tin từ tài khoản Google	1.Nhấn vào "Đăng ký bằng Google" 2.Chọn tài khoản Google từ danh sách 3. Khi hiển thị yêu cầu cấp quyền, nhấn "Từ chối"	Tài khoản Google đã chọn	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi: "Không thể đăng ký. Vui lòng thử lại."
UR-1.3.3	TC_05	Đăng ký	Đăng ký qua Facebook: Đăng ký thành công	Người xem có tài khoản Facebook hợp lệ	1.Nhấn vào "Đăng ký bằng Facebook" 2.Nhập thông tin đăng nhập Facebook (nếu chưa đăng nhập) 3.Cho phép quyền	Tài khoản Facebook đã nhập	Hệ thống hiển thị thông báo "Đăng ký thành công" và chuyển đến màn hình chính.

					truy cập và xác nhận đăng ký		
UR-1.3.3	TC_06	Đăng ký	Đăng ký qua Facebook: Kiểm tra thông báo lỗi	Người xem đã đăng ký tài khoản Facebook này trước	1.Nhấn vào "Đăng ký bằng Facebook" 2.Nhập thông tin tài khoản Facebook đã tồn tại 3.Xác nhận đăng ký	Tài khoản Facebook đã nhập	Hệ thống hiển thị thông báo lỗi: "Tài khoản này đã được liên kết với một tài khoản TikTok."
UR-1.1.1	TC_01	Tìm kiếm	Tìm kiếm: Có kết quả, hiển thị kết quả phù hợp	Người xem nhập từ khóa liên quan đến video, tài khoản, hashtag	1. Mở ứng dụng TikTok 2. Nhập từ khóa vào ô tìm kiếm 3. Nhấn nút "Tìm kiếm"	Từ khóa đã nhập	Hệ thống hiển thị danh sách video, tài khoản hoặc hashtag liên quan đến từ khóa.
UR-1.1.1	TC_02	Tìm kiếm	Tìm kiếm : Xử lý khi không có video phù hợp	Không có video hoặc tài khoản nào phù hợp với từ khóa	1. Mở ứng dụng TikTok 2. Nhập từ khóa không hợp lệ hoặc không tồn tại 3. Nhấn nút "Tìm kiếm"	Từ khóa đã nhập	Hệ thống hiển thị danh sách video, tài khoản hoặc hashtag đang được lên xu hướng.
UR-1.1.2	TC_03	Tìm kiếm	Tìm kiếm: Hiển thị danh sách gợi ý phù hợp	Người xem nhập ký tự vào ô tìm kiếm	1. Mở ứng dụng TikTok 2. Nhập một vài ký tự vào ô tìm kiếm 3. Quan sát danh sách gợi ý	Từ khóa đã nhập (Phổ biến)	Hệ thống hiển thị danh sách gợi ý phù hợp với từ khóa đã nhập
UR-1.1.2	TC_04	Tìm kiếm	Tìm kiếm: Không được gợi ý	Người xem nhập từ khóa không hợp lệ hoặc từ khóa không phổ biến	1. Mở ứng dụng TikTok 2. Nhập một từ khóa không phổ biến vào ô tìm kiếm 3. Quan sát gợi ý	Từ khóa đã nhập (Không phổ biến)	Hệ thống không hiển thị danh sách gợi ý nào.
UR-1.2.1	TC_01	Xem video	Xem video: Tạm dừng -	Người xem đang	1. Mở ứng dụng	Một video có thể phát trên	Video dừng phát, nút "Play"

			Người xem có thể tạm dừng video đang phát	xem video	TikTok 2. Chọn video bất kỳ 3. Nhấn vào màn hình để tạm dừng 4. Quan sát trạng thái video	TikTok.	hiển thị để tiếp tục phát.
UR-1.2.2	TC_02	Xem video	Xem video: Tua video - Người xem có thể tua video tới vị trí mong muốn	Video hỗ trợ tính năng tua	1. Mở ứng dụng TikTok 2. Chọn video hỗ trợ tua 3. Dùng thanh trượt hoặc chạm vào timeline để tua video 4. Quan sát video	Một video có thanh timeline cho phép tua (thường là video có độ dài lớn hơn 15 giây).	
UR-1.2.3	TC_03	Xem video	Xem video: Lưu video - Lưu video về thiết bị	Video được người sáng tạo cho phép lưu về thiết bị	1. Mở ứng dụng TikTok 2. Chọn video có thể lưu về 3. Nhấn vào biểu tượng "Chia sẻ" hoặc bấm giữ màn hình 4. Nhấn vào biểu tượng "Lưu video"	Một video cho phép lưu	Video được thêm vào thiết bị của người xem.
UR-1.2.4	TC_04	Xem video	Xem video: Chia sẻ video - Chia sẻ video với bạn bè hoặc mạng xã hội		1. Mở ứng dụng TikTok 2. Chọn video bất kỳ 3. Nhấn vào biểu tượng "Chia sẻ" 4. Chọn nền tảng chia sẻ (Facebook, Messenger...)	-Một video bất kỳ để chia sẻ. - Các nền tảng hỗ trợ chia sẻ (Facebook, Messenger...).	Video được chia sẻ thành công đến nền tảng đã chọn.

					Messenger, v.v.)		
UR-1.2.5	TC_05	Xem video	Xem video: Báo cáo video	Người dùng đang xem video và cảm thấy nội dung không phù hợp	1. Mở ứng dụng TikTok 2. Chọn video bất kỳ 3. Nhấn vào biểu tượng "Báo cáo" (Report) 4. Chọn lý do báo cáo và gửi báo cáo	<ul style="list-style-type: none"> - Một video bất kỳ để báo cáo. - Lý do báo cáo như: nội dung không phù hợp, spam, vi phạm bản quyền, v.v. 	Hệ thống hiển thị thông báo báo cáo thành công.
UR-2.1.2	TC_01	Đăng nhập	Kiểm tra hệ thống cho phép người dùng đăng nhập bằng email	Người dùng đã liên kết email với tài khoản Tiktok	1. Chọn chức năng "Đăng nhập". 2. Chọn "Đăng nhập bằng email". 3. Nhập địa chỉ email và mật khẩu.	Email và mật khẩu hợp lệ.	Người dùng được đưa vào giao diện chính TikTok.
UR-2.1.2	TC_02	Đăng nhập	Kiểm tra hệ thống cho phép người dùng đăng nhập bằng số điện thoại.	Người dùng đã liên kết số điện thoại với tài khoản TikTok.	1. Chọn chức năng "Đăng nhập". 2. Chọn "Đăng nhập bằng số điện thoại". 3. Nhập số điện thoại. 4. Nhập mã OTP nhận được.	Số điện thoại và mã OTP hợp lệ.	Người dùng được đưa vào giao diện chính TikTok.
UR-2.1.2	TC_03	Đăng nhập	Kiểm tra hệ thống cho phép người	Người dùng có Apple ID hợp	1. Chọn chức năng "Đăng nhập". 2. Chọn "Đăng nhập bằng Apple".	Apple ID.	Người dùng được đưa vào giao diện chính TikTok.

			dùng đăng nhập bằng Apple ID.	lệ.	3. Xác thực bằng Apple ID.		
UR-2.1.2	TC_04	Đăng nhập	Kiểm tra hệ thống cho phép người dùng đăng nhập bằng tài khoản Facebook.	Người dùng có tài khoản Facebook hợp lệ.	1. Chọn chức năng "Đăng nhập". 2. Chọn "Đăng nhập bằng Facebook". 3. Nhập thông tin tài khoản Facebook. 4. Xác nhận đăng nhập.	Tài khoản Facebook.	Người dùng được đưa vào giao diện chính TikTok.
UR-2.1.2	TC_05	Đăng nhập	Kiểm tra hệ thống cho phép người dùng đăng nhập bằng tài khoản Google.	Người dùng có tài khoản Google hợp lệ.	1. Chọn chức năng "Đăng nhập". 2. Chọn "Đăng nhập bằng Google". 3. Chọn tài khoản Google. 4. Xác nhận đăng nhập.	Tài khoản Google.	Người dùng được đưa vào giao diện chính TikTok.
UR-2.1.2	TC_06	Đăng nhập	Kiểm tra hệ thống cho phép người dùng đăng nhập TikTok bằng LINE.	Người dùng có tài khoản LINE hợp lệ và ứng dụng LINE đã cài đặt.	1. Chọn chức năng "Đăng nhập". 2. Chọn "Đăng nhập bằng LINE". 3. Xác nhận thông tin và cấp quyền cho	Tài khoản LINE hợp lệ.	Tài khoản LINE hợp lệ.

					TikTok qua LINE. 4. Hoàn tất quá trình xác thực.		
UR-2.1.2	TC_07	Đăng nhập	Kiểm tra hệ thống cho phép người dùng đăng nhập TikTok bằng KakaoTalk.	Người dùng có tài khoản KakaoTalk hợp lệ và ứng dụng KakaoTalk đã cài đặt.	1. Chọn chức năng "Đăng nhập". 2. Chọn "Đăng nhập bằng KakaoTalk". 3. Xác nhận thông tin và cấp quyền cho TikTok qua KakaoTalk. 4. Hoàn tất quá trình xác thực.	Tài khoản KakaoTalk hợp lệ.	Người dùng được đưa vào giao diện chính của TikTok.
UR-2.2.3	TC_01	Tương tác với video	Kiểm tra hệ thống cho phép người dùng thích video thành công	Người dùng đã đăng nhập và chọn một video.	1. Chọn một video từ danh sách. 2. Nhấn nút "Thích" (biểu tượng trái tim hoặc ngón tay cái).	Video: "Hướng dẫn lập trình cơ bản"	Hệ thống lưu trạng thái "Đã thích" và tăng số lượt thích của video.
UR-2.2.3	TC_02	Tương tác với video	Kiểm tra hệ thống cho phép người dùng bình luận video thành công	Người dùng đã đăng nhập và chọn một video.	1.Chọn 1 video bất kỳ từ new feeds 2.Nhập nội dung bình luận vào textbox bình luận 3.Nhấn vào nút "Gửi"	Bình luận: "Video rất hữu ích, cảm ơn bạn!"	Hệ thống hiển thị bình luận trong danh sách bình luận của video
UR-2.2.3	TC_03	Tương tác với video	Kiểm tra hệ thống cho phép người dùng chia sẻ video thành công	Người dùng đã đăng nhập và chọn một video.	1.Chọn 1 video bất kỳ từ new feeds 2. Nhấn nút "Chia sẻ". 3. Chọn nền tảng chia sẻ (ví dụ: Facebook,	Video: "Học Python cơ bản"	Hệ thống mở cửa sổ chia sẻ của nền tảng được chọn.

					Zalo).		
UR-2.2.3	TC_04	Tương tác với video	Kiểm tra hệ thống xử lý lỗi mạng khi tương tác	Người dùng đã đăng nhập và chọn một video.	<p>1.Chọn 1 video bất kì từ new feeds</p> <p>2. Thực hiện hành động thích, bình luận, hoặc chia sẻ trong tình huống mất kết nối mạng.</p>	Video: "Học Python cơ bản"	Hiển thị thông báo "Không thể thực hiện hành động, vui lòng thử lại sau."
UR-2.2.4	TC_01	Tương tác với tài khoản khác	Kiểm tra: Hệ thống cho phép người dùng theo dõi tài khoản khác thành công	<p>-Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống.</p> <p>-Đang xem trang cá nhân của tài khoản khác.</p>	<p>1.Truy cập trang cá nhân của tài khoản khác, ví dụ: @Amup.</p> <p>2. Nhấn nút theo dõi</p>	<p>Tên tài khoản: @Amup.</p> <p>Trạng thái: Tài khoản đang hoạt động và không bị khóa</p>	<p>Nút "Theo dõi" đổi thành "Đang theo dõi".</p> <p>Tài khoản @Amup nhận được thông báo: "Người dùng [Tên tài khoản của người dùng] đã theo dõi bạn."</p>
UR-2.2.4	TC_02	Tương tác với tài khoản khác	Kiểm tra: Hệ thống cho phép người dùng bỏ theo dõi tài khoản khác thành công	<p>-Người dùng đã Chỉnh sửa thông tin cá nhân vào hệ thống.</p> <p>-Đang xem trang cá nhân của tài khoản khác</p>	<p>1.Truy cập trang cá nhân của tài khoản @NguyenVanA.</p> <p>2.Nhấn nút "Đang theo dõi".</p> <p>3.Xác nhận hành động bỏ theo dõi khi được hệ thống yêu cầu.</p>	<p>Tên tài khoản: @Amup.</p> <p>Tài khoản @Amup có trong danh sách theo dõi</p>	<p>-Nút "Đang theo dõi" đổi lại thành "Theo dõi".</p> <p>-Tài khoản @NguyenVanA không còn xuất hiện trong danh sách theo dõi của người dùng.</p>
UR-2.2.4	TC_03	Tương tác với tài khoản khác	Kiểm tra: Hệ thống cho phép người dùng gửi tin nhắn trực tiếp (DM) tới tài khoản khác	<p>-Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống.</p> <p>-Người dùng khác (ví dụ: @Amup) cho phép nhận tin nhắn từ người dùng.</p>	<p>1. Truy cập trang cá nhân của tài khoản @Amup.</p> <p>2. Nhấn nút "Nhắn tin".</p> <p>3.Nhập nội dung tin nhắn vào hộp thoại: "Chào bạn, mình rất thích video của bạn!".</p> <p>4.Nhấn nút "Gửi".</p>	<p>Người dùng đăng nhập thành công</p> <p>Trạng thái tài khoản @Amup: cho phép nhận tin nhắn từ người dùng hiện tại.</p> <p>Chuỗi văn bản: "Chào bạn, mình rất thích video của bạn!".</p>	<p>-Hệ thống gửi tin nhắn thành công và hiển thị trong giao diện hội thoại với @NguyenVanA.</p> <p>-Người nhận nhận được thông báo: "Bạn có một tin nhắn mới từ [Tên tài khoản của bạn]."</p>
UR-2.2.4	TC_08	Tương tác với tài khoản khác	Kiểm tra: Hệ thống xử lý lỗi khi gửi tin nhắn đến tài khoản không cho phép nhận tin nhắn	<p>-Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống.</p> <p>-Tài khoản khác (ví dụ: @Amup) đã tắt tính năng nhận tin nhắn từ người lạ.</p>	<p>1. Truy cập trang cá nhân của tài khoản @Amup.</p> <p>2. Nhấn nút "Nhắn tin".</p> <p>3.Nhập nội dung tin nhắn vào hộp thoại: "Chào bạn!".</p>	<p>Người dùng đăng nhập thành công</p> <p>Trạng thái tài khoản @Amup: không cho phép nhận tin nhắn từ người dùng hiện tại.</p>	<p>Hệ thống hiển thị thông báo: "Không thể gửi tin nhắn. Tài khoản này không cho phép nhận tin nhắn từ bạn."</p>

					4.Nhấn nút "Gửi".	Chuỗi văn bản: "Chào bạn!".	
UR-2.2.4	TC_09	Tương tác với tài khoản khác	Kiểm tra: Hệ thống cho phép người dùng báo cáo tài khoản khác thành công	-Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. -Đang xem trang cá nhân của tài khoản khác	1. Truy cập trang cá nhân của tài khoản @Amup. 2. Nhấn nút chia sẻ ở góc phải trên cùng, bấm vào kí hiệu cây cờ hiệu 3.Chọn "Báo cáo tài khoản". 4. Chọn lý do báo cáo, ví dụ: "Nội dung không phù hợp.". 5.Nhấn nút "Gửi báo cáo".	Người dùng đăng nhập thành công Tài khoản@Amup đang hoạt động và có nội dung cần báo cáo. Lý do: "Nội dung không phù hợp.".	Hệ thống hiển thị thông báo: "Báo cáo của bạn đã được gửi. Chúng tôi sẽ xem xét trong thời gian sớm nhất.".
UR-3.2.1	TC_01	Quản lý bình luận	Xem danh sách bình luận: Không thể xem bình luận	- Đăng nhập với tài khoản là Người sáng tạo nội dung. - Video không có bình luận	1.Ở trang danh sách video đã đăng tải chọn video muốn xem bình luận. 2.Bấm vào icon bình luận ở bên phải giữa màn hình để xem bình luận.		Hiển thị trên màn hình “Video chưa có bình luận”
UR-3.2.1	TC_02	Quản lý bình luận	Xem danh sách bình luận: Hiển thị đầy đủ thông tin của bình luận	- Đăng nhập với tài khoản là Người sáng tạo nội dung. - Video có bình luận	1.Ở trang danh sách video đã đăng tải chọn video muốn xem bình luận. 2.Bấm vào icon bình luận ở bên phải giữa màn hình để xem bình luận.		.Hiển thị danh sách bình luận gồm: avatar, tên, thời gian của người bình luận; button “Trả lời”; button “Xem n câu trả lời”(xuất hiện khi có các bình luận trả lời cho 1 bình luận đó), button tym bình luận, số lượng đã tym bình luận đó, button dislike, số lượng dislike bình luận đó.
UR-3.2.1	TC_03	Quản lý bình luận	Xem danh sách bình luận với số lượng lớn	- Đăng nhập với tài khoản là Người sáng tạo nội dung. - Video có bình luận	1.Ở trang danh sách video đã đăng tải chọn video muốn xem bình luận. 2.Bấm vào icon bình luận ở bên phải giữa màn hình để xem bình luận. 3.Cuộn xuống để tải thêm bình luận.		Danh sách bình luận tải thêm không bị trùng lặp hoặc thiếu sót, và các bình luận mới hiển thị chính xác.

UR-3.2.1	TC_04	Quản lý bình luận	Xóa bình luận-Xóa thành công	Đăng nhập với tài khoản là Người sáng tạo nội dung. -Xem bình luận video của mình đăng tải và có bình luận.	1.Chạm giữ bình luận muốn xóa. 2.Xuất hiện Bottom Sheet. Chọn “Xóa”.		Hệ thống hiển thị “Bình luận đã xóa”. Hệ thống cập nhật danh sách bình luận
UR-3.2.1	TC_05	Quản lý bình luận	Xóa bình luận-Không thẻ xóa	- Đăng nhập với tài khoản là Người sáng tạo nội dung. -Xem bình luận video không do mình đăng tải và có bình luận.	1.Chạm giữ bình luận muốn xóa. 2.Xuất hiện Bottom Sheet. Chọn “Xóa”.		Hệ thống không hiển thị button “Xóa”.
UR-3.2.1	TC_06	Quản lý bình luận	Xóa bình luận-Xóa không thành công	Đăng nhập với tài khoản là Người sáng tạo nội dung. -Xem danh sách bình luận. -Mất kết nối mạng	1.Mở danh sách bình luận. 2.Ngắt kết nối mạng. 3.Chạm giữ bình luận muốn xóa. 4..Xuất hiện Bottom Sheet. Chọn “Xóa”.		Hiển thị thông báo lỗi “Không thể xóa bình luận do mất kết nối mạng”.
UR-3.2.1	TC_07	Quản lý bình luận	Báo cáo bình luận- Báo cáo thành công	-Đăng nhập với tài khoản là Người sáng tạo nội dung. -Xem bình luận video của mình hoặc người khác đăng tải.	1.Chạm giữ bình luận muốn xóa. 2. Xuất hiện Context menu. Chọn button “Báo cáo”. 3. Xuất hiện Bottom Sheet “Chọn lí do báo cáo”. Chọn lí do báo cáo bất kì. 4.Chọn “Gửi”		Hệ thống hiển thị xác nhận “báo cáo thành công”.
UR-3.2.1	TC_08	Quản lý bình luận	Trả lời bình luận- Thành công	-Đăng nhập với tài khoản là Người sáng tạo nội dung. -Vào danh sách bình luận video	1.Chọn button “Trả lời” cho bình luận muốn trả lời. 2. Nhập nội dung trả lời bình luận.		Hệ thống cập nhật danh sách bình luận, hiển thị nội dung trả lời bình luận vừa gửi.

				của mình hoặc người khác đăng tải.	3. Chọn button "Gửi".		
UR-3.2.1	TC_09	Quản lý bình luận	Trả lời bình luận với nội dung trùng lặp-Hệ thống chấp nhận	<ul style="list-style-type: none"> -Đăng nhập với tài khoản là Người sáng tạo nội dung. -Vào danh sách bình luận video của mình hoặc người khác đăng tải. 	<ol style="list-style-type: none"> 1.Chọn button “Trả lời” cho bình luận muốn trả lời. 2. Nhập nội dung trả lời bình luận. 3. Chọn button “Gửi”. 		Hệ thống chấp nhận trả lời trùng lặp.Hệ thống cập nhật danh sách bình luận.
UR-3.2.1	TC_10	Quản lý bình luận	Trả lời bình luận với ký tự đặc biệt-Hệ thống chấp nhận	<ul style="list-style-type: none"> -Đăng nhập với tài khoản là Người sáng tạo nội dung. -Vào danh sách bình luận video của mình hoặc người khác đăng tải. 	<ol style="list-style-type: none"> 1.Chọn button “Trả lời” cho bình luận muốn trả lời. 2. Nhập nội dung trả lời bình luận. 3. Chọn button “Gửi”. 	ví dụ: emoji @`~ hoặc ký tự unicode	Câu trả lời hiển thị chính xác với đầy đủ ký tự đặc biệt.
UR-3.3.1	TC_01	Xem báo cáo hiệu suất video	Kiểm tra quyền phân tích chưa được bật	<ul style="list-style-type: none"> -Đăng nhập với tài khoản là Người sáng tạo nội dung. -Vào 1 video bất kì do mình đăng tải. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chọn button mở rộng(...). 2.Xuất hiện Bottom Sheet. 		Hệ thống không hiển thị nội dung Phân tích trong Bottom Sheet.
UR-3.3.1	TC_02	Xem báo cáo hiệu suất video	Kiểm tra quyền phân tích đã bật	<ul style="list-style-type: none"> -Đăng nhập với tài khoản là Người sáng tạo nội dung. -Vào 1 video bất kì do mình đăng tải. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chọn button mở rộng(...). 2.Xuất hiện Bottom Sheet. 		Hệ thống hiển thị nội dung Phân tích trong Bottom Sheet.
UR-3.3.1	TC_03	Xem báo cáo hiệu suất video	Kiểm tra không có quyền phân tích video	<ul style="list-style-type: none"> -Đăng nhập với tài khoản là Người sáng tạo nội dung. -Vào 1 video bất kì do người khác đăng tải. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chọn button mở rộng(...). 2.Xuất hiện Bottom Sheet. 		Hệ thống không hiển thị nội dung Phân tích trong Bottom Sheet.
UR-3.3.1	TC_04	Xem báo cáo hiệu suất video	Kiểm tra hiển thị thông báo khi không có đủ dữ liệu phân tích	<ul style="list-style-type: none"> -Đăng nhập với tài khoản là Người sáng tạo nội dung. -Vào 1 video bất kì do mình đăng 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chọn button mở rộng(...). 		Hệ thống hiển thị: "Dữ liệu chưa có sẵn hoặc video này chưa đủ lượt xem".

				tải. -Quyền phân tích đã được bật. -Video chưa đạt số lượt xem tối thiểu để phân tích hiệu suất.	2.Xuất hiện Bottom Sheet. Chọn button “Phân tích”.		
UR-3.3.1	TC_05	Xem báo cáo hiệu suất video	Kiểm tra hiển thị khi đủ dữ liệu phân tích	-Đăng nhập với tài khoản là Người sáng tạo nội dung. -Vào 1 video bất kỳ do mình đăng tại. -Quyền phân tích đã được bật. -Video có đủ dữ liệu phân tích (đã đạt số lượt xem tối thiểu).	1. Chọn button mở rộng(...). 2.Xuất hiện Bottom Sheet. Chọn button “Phân tích”.		Hệ thống hiển thị thông tin phân tích của video..
UR-3.4.2	TC_01	Yêu cầu rút tiền	Kiểm tra Trạng thái xác minh danh nhận trước khi thực hiện giao dịch.- Tài khoản đã xác minh	Đăng nhập với tài khoản là Người sáng tạo nội dung.	1. Chọn icon danh mục ở phía trên bên phải màn hình 2. Chọn Rút tiền		Hệ thống hiển thị trạng thái đã xác minh tài khoản. Tiếp tục quá trình giao dịch.
UR-3.4.2	TC_02	Yêu cầu rút tiền	Kiểm tra Trạng thái xác minh danh tính trước khi thực hiện giao dịch.- Chưa xác minh	Đăng nhập với tài khoản là Người sáng tạo nội dung.	1. Chọn icon danh mục ở phía trên bên phải màn hình 2. Chọn Rút tiền		-Hệ thống hiển thị trạng thái chưa xác minh tài khoản. -Quá trình giao dịch ngừng.
UR-3.4.2	TC_03	Yêu cầu rút tiền	Đăng nhập với tài khoản là Người sáng tạo nội dung. -Tài khoản đã xác minh danh tính		1.Hệ thống kiểm tra số dư.	Số dư trong tài khoản $\geq 100K$	Hệ thống cho nhập số tiền rút và chọn phương thức rút.
UR-3.4.2	TC_04	Yêu cầu rút tiền	Kiểm tra số dư trong tài khoản - Số dư	-Đăng nhập với tài khoản là Người sáng tạo	1.Hệ thống kiểm tra số dư.	Số dư trong tài khoản $< 100K$	-Hệ thống hiển thị “Bạn không đủ số dư để thực hiện

			tài khoản không đủ để thực hiện giao dịch	nội dung. -Tài khoản đã xác minh danh tính			giao dịch". -Quá trình giao dịch ngừng.
UR-3.4.2	TC_05	Yêu cầu rút tiền	Kiểm tra số tiền nhập- Hợp lệ	Đăng nhập với tài khoản là Người sáng tạo nội dung. -Tài khoản đã xác minh danh tính - Số dư tài khoản đủ	1.Nhập số tiền rút 2.Hệ thống kiểm tra số tiền nhập.	Số tiền rút <= số dư	Quá trình giao dịch tiếp tục.
UR-3.4.2	TC_06	Yêu cầu rút tiền	Kiểm tra số tiền nhập- Không hợp lệ	-Đăng nhập với tài khoản là Người sáng tạo nội dung. -Tài khoản đã xác minh danh tính - Số dư tài khoản đủ	1.Nhập số tiền rút 2.Hệ thống kiểm tra số tiền nhập.	số tiền rút< số dư hoặc nhập số tiền rút không phải là số	Hệ thống yêu cầu nhập lại số tiền hợp lệ.
UR-3.4.2	TC_07	Yêu cầu rút tiền	Kiểm tra xử lý giao dịch- Thành công	-Đăng nhập với tài khoản là Người sáng tạo nội dung. -Tài khoản đã xác minh danh tính - Số dư tài khoản đủ -Nhập số tiền rút và phương thức rút hợp lệ. -Mã pin nhập khớp với lúc xác thực danh tính	1.Hệ thống hiển thị chi tiết thông tin giao dịch. 2. Người sáng tạo chọn "Xác nhận". 3.Hệ thống hiển thị Nhập mã pin. 4. Người sáng tạo nhập mã pin.		-Hệ thống cập nhật trạng thái giao dịch thành "Thành công".
UR-3.4.2	TC_08	Yêu cầu rút tiền	Kiểm tra xử lý giao dịch- Nhập sai mã pin dưới 3 lần	Đăng nhập với tài khoản là Người sáng tạo nội dung. -Tài khoản đã xác minh danh tính - Số dư tài khoản đủ -Nhập số tiền rút và phương thức rút hợp lệ. -Mã pin nhập không khớp với lúc xác thực danh	1.Hệ thống hiển thị chi tiết thông tin giao dịch. 2. Người sáng tạo chọn "Xác nhận". 3.Hệ thống hiển thị Nhập mã pin. 4. Người sáng tạo nhập mã pin. 1.Hệ thống hiển thị Nhập lại mã pin.		Hệ thống hiển thị Nhập lại mã pin

				tính.		
UR-3.4.2	TC_09	Yêu cầu rút tiền	Kiểm tra xử lý giao dịch-Nhập sai mã pin ở lần 3.	<p>Đăng nhập với tài khoản là Người sáng tạo nội dung.</p> <p>-Tài khoản đã xác minh danh tính</p> <p>- Số dư tài khoản đủ</p> <p>-Nhập số tiền rút và phương thức rút hợp lệ.</p> <p>-Mã pin nhập không khớp với lúc xác thực danh tính đến 2 lần.</p>	<p>2. Người sáng tạo nhập mã pin sai ở lần 3</p>	Hệ thống hiển thị “ Giao dịch thất bại. Không thể giao dịch trong vòng 24h”.
UR-4.1.2	TC_01	Thiết lập quản lý chính sách nội dung	Kiểm tra: Hệ thống cho phép thêm chính sách: Thành công	Người dùng đăng nhập với tài khoản admin	<p>1.Chọn chức năng “Quản lý chính sách”</p> <p>2.Nhấn nút “Thêm chính sách”</p> <p>3.Nhập nội dung chính sách</p> <p>4.Nhấn nút “xác nhận”</p>	<p>Hệ thống hiển thị thông báo thành công</p> <p>Nội dung chính sách được cập nhật trên hệ thống</p>
UR-4.1.2	TC_02	Thiết lập quản lý nội dung chính sách	Kiểm tra: Hệ thống cho phép thêm chính sách: Không thành công	Người dùng đăng nhập với tài khoản admin	<p>1.Chọn chức năng “Quản lý chính sách”</p> <p>2.Nhấn nút “Thêm chính sách”</p> <p>3.Nhập nội dung chính sách</p> <p>4.Nhấn nút “xác nhận”</p>	<p>Hệ thống trả về giao diện quản lý chính sách</p>
UR-4.1.2	TC_03	Thiết lập quản lý chính sách nội dung	Kiểm tra: Hệ thống cho phép chỉnh sửa chính sách: Thành công	Người dùng đăng nhập với tài khoản admin	<p>1.Chọn chức năng “Quản lý chính sách”</p> <p>2.Chọn chính sách cần chỉnh sửa và nhấn nút “Chỉnh sửa”</p> <p>3.Nhập nội dung chính sách mới</p> <p>4.Nhấn nút “Cập nhật”</p>	<p>Hệ thống hiển thị thông báo thành công</p> <p>Nội dung chính sách được cập nhật trên hệ thống</p>
UR-4.1.2	TC-04	Thiết lập quản lý nội dung	Kiểm tra: Hệ thống cho	Người dùng đăng nhập với tài khoản	1.Chọn chức năng “Quản lý chính sách”	Hệ thống thông báo không thành công

		chính sách	phép chỉnh sửa chính sách: Không thành công	admin	2.Chọn chính sách cần chỉnh sửa và nhấn nút “Chỉnh sửa” 3.Nhập nội dung chính sách mới 4.Nhấn nút “Cập nhật”		Hệ thống trả về giao diện quản lý chính sách
UR-4.1.2	TC_05	Thiết lập quản lý chính sách nội dung	Kiểm tra: Hệ thống cho phép xóa chính sách: Thành công	Người dùng đăng nhập với tài khoản admin	1.Chọn chức năng “Quản lý chính sách” 2.Chọn nội dung chính sách cần xóa 3.Nhấn nút “Xác nhận”		Hệ thống hiển thị thông báo thành công Nội dung chính sách được xóa trên hệ thống
UR-4.1.2	TC-06	Thiết lập quản lý nội dung chính sách	Kiểm tra: Hệ thống cho phép xóa chính sách: Không thành công	Người dùng đăng nhập với tài khoản admin	1.Chọn chức năng “Quản lý chính sách” 2. Chọn nội dung chính sách cần xóa 3.Nhấn nút “Xác nhận”		Hệ thống thông báo không thành công Hệ thống trả về giao diện quản lý chính sách
UR-4.1.1	TC_01	Quản lý người dùng	Kiểm tra: Hệ thống cho phép thêm người dùng: Thành công	Người dùng đăng nhập với tài khoản admin	1.Chọn chức năng “Quản lý chính sách” 2.Nhấn nút “Thêm người dùng” 3.Nhập thông tin người dùng 4.Nhấn nút “xác nhận”		Hệ thống hiển thị thông báo thành công Người dùng mới được thêm trên hệ thống
UR-4.1.1	TC_02	Quản lý người dùng	Kiểm tra: Hệ thống cho phép thêm người dùng: Không thành công	Người dùng đăng nhập với tài khoản admin	1.Chọn chức năng “Quản lý chính sách” 2.Nhấn nút “Thêm người dùng” 3.Nhập thông tin người dùng 4.Nhấn nút “xác nhận” 2.Chọn người dùng cần chỉnh sửa và nhấn nút “Chỉnh sửa” 3.Nhập thông tin người dùng mới 4.Nhấn nút “Cập nhật”		Hệ thống hiển thị thông báo không thành công Hệ thống trả về giao diện quản lý chính sách

UR-4.1.1	TC_03	Quản lý người dùng	Kiểm tra: Hệ thống cho phép chỉnh sửa thông tin người dùng: Thành công	Người dùng đăng nhập với tài khoản admin	1. Chọn chức năng “Quản lý người dùng” 2. Chọn người dùng cần chỉnh sửa và nhấn nút “Chỉnh sửa” 3. Nhập thông tin người dùng mới 4. Nhấn nút “Cập nhật”		Hệ thống hiển thị thông báo thành công Thông tin người dùng mới được cập nhật trên hệ thống
UR-4.1.1	TC_04	Quản lý người dùng	Kiểm tra: Hệ thống cho phép chỉnh sửa thông tin người dùng: Không thành công	Người dùng đăng nhập với tài khoản admin	1.Chọn chức năng “Quản lý người dùng” 2.Chọn người dùng cần chỉnh sửa và nhấn nút “Chỉnh sửa” 3.Nhập thông tin người dùng mới		Hệ thống hiển thị thông báo không thành công Hệ thống trả về giao diện quản lý người dùng
UR-4.1.1	TC_05	Quản lý người dùng	Kiểm tra: Hệ thống cho phép xóa người dùng: Thành công	Người dùng đăng nhập với tài khoản admin	4.Nhấn nút “Cập nhật” 1. Chọn chức năng “Quản lý người dùng” 2. Chọn người dùng cần xóa 3. Nhấn nút “Xác nhận”		Hệ thống hiển thị thông báo thành công Người dùng bị xóa trên hệ thống
UR-4.1.1	TC_06	Quản lý người dùng	Kiểm tra: Hệ thống cho phép xóa người dùng: Không thành công	Người dùng đăng nhập với tài khoản admin	1.Chọn chức năng “Quản lý người dùng” 2.Chọn người dùng cần xóa 3.Nhấn nút “Xác nhận”		Hệ thống hiển thị thông báo không thành công Hệ thống trả về giao diện quản lý người dùng
UR-4.2.1	TC_01	Xử lý tố cáo và khiếu nại	Kiểm tra: Hệ thống cho phép xử lý khiếu nại: Thành công	Người dùng đăng nhập với tài khoản admin	1.Chọn chức năng “Tố cáo, khiếu nại” 2.Chọn khiếu nại cần xử lý 3.Xử lý theo chính sách 4.Nhấn nút “Xác nhận”		Hệ thống hiển thị thông báo thành công Khiếu nại được giải quyết được cập nhật trên hệ thống
UR-4.2.1	TC_02	Xử lý tố cáo và khiếu nại	Kiểm tra: Hệ thống cho phép xử lý khiếu nại: Không thành		1.Chọn chức năng “Tố cáo, khiếu nại” 2.Chọn khiếu nại cần xử lý		Hệ thống hiển thị thông báo không thành công Hệ thống trả về giao diện Tố cáo, khiếu nại

			công		3.Xử lý theo chính sách 4.Nhấn nút “Xác nhận”		
UR-4.2.1	TC_03	Xử lý tố cáo và khiếu nại	Kiểm tra: Hệ thống cho phép xử lý tố cáo: Thành công	Người dùng đăng nhập với tài khoản admin	1.Chọn chức năng “Tố cáo, khiếu nại” 2.Chọn tố cáo cần xử lý 3.Xử lý theo chính sách 4.Nhấn nút “Xác nhận”		Hệ thống hiển thị thông báo thành công Tố cáo được giải quyết được cập nhật trên hệ thống
UR-4.2.1	TC_04	Xử lý tố cáo và khiếu nại	Kiểm tra: Hệ thống cho phép xử lý tố cáo: Không thành công	Người dùng đăng nhập với tài khoản admin	1.Chọn chức năng “Tố cáo, khiếu nại” 2.Chọn tố cáo cần xử lý 3.Xử lý theo chính sách 4.Nhấn nút “Xác nhận”		Hệ thống hiển thị thông báo không thành công Hệ thống trả về giao diện Tố cáo, khiếu nại
UR-5.1.1	TC_01	Tìm kiếm chiến dịch	Tìm theo mã chiến dịch:Tìm thấy chiến dịch	1.Nhà quảng cáo đã truy cập vào hệ thống quản lý chiến dịch 2.Hệ thống hoạt động bình thường 3.Nhà quảng cáo vào trang quản lý chiến dịch	1.Nhập mã chiến dịch vào thanh tìm kiếm 2.Bấm nút tìm kiếm hoặc enter	Mã chiến dịch có trong hệ thống	Tìm thấy chiến dịch trong bảng chiến dịch
UR-5.1.1	TC_02	Tìm kiếm chiến dịch	Tìm theo mã chiến dịch:không tìm thấy kết quả	1.Nhà quảng cáo đã truy cập vào hệ thống quản lý chiến dịch 2.Hệ thống hoạt động bình thường 3.Nhà quảng cáo vào trang quản lý chiến dịch	1.Nhập mã chiến dịch vào thanh tìm kiếm 2.Bấm nút tìm kiếm hoặc enter	Mã chiến dịch không có trong hệ thống	không tìm thấy chiến dịch trong bảng chiến dịch
UR-5.1.1	TC_03	Tìm kiếm chiến dịch	Tìm theo tên chiến dịch:Tìm thấy chiến dịch	1.Nhà quảng cáo đã truy cập vào hệ thống quản lý chiến dịch 2.Hệ thống hoạt động bình thường	1.Nhập tên chiến dịch vào thanh tìm kiếm	Tên chiến dịch có trong hệ thống	Tìm thấy chiến dịch trong bảng chiến dịch

				3.Nhà quảng cáo vào trang quản lý chiến dịch	2.Bấm nút tìm kiếm hoặc enter		
UR-5.1.1	TC_04	Tìm kiếm chiến dịch	Tìm theo tên chiến dịch:không tìm thấy kết quả	1.Nhà quảng cáo đã truy cập vào hệ thống quản lý chiến dịch 2.Hệ thống hoạt động bình thường 3.Nhà quảng cáo vào trang quản lý chiến dịch	1.Nhập mã chiến dịch vào thanh tìm kiếm 2.Bấm nút tìm kiếm hoặc enter	Mã chiến dịch không có trong hệ thống	không tìm thấy chiến dịch trong bảng chiến dịch
UR-5.1.1	TC_05	Tìm kiếm chiến dịch	Tìm theo loại chiến dịch:Tìm thấy chiến dịch	1.Nhà quảng cáo đã truy cập vào hệ thống quản lý chiến dịch 2.Hệ thống hoạt động bình thường 3.Nhà quảng cáo vào trang quản lý chiến dịch	1.Nhập loại chiến dịch vào thanh tìm kiếm 2.Bấm nút tìm kiếm hoặc enter	Loại chiến dịch có trong hệ thống	Tìm thấy chiến dịch trong bảng chiến dịch
UR-5.1.1	TC_06	Tìm kiếm chiến dịch	Tìm theo loại chiến dịch:không tìm thấy kết quả	1.Nhà quảng cáo đã truy cập vào hệ thống quản lý chiến dịch 2.Hệ thống hoạt động bình thường 3.Nhà quảng cáo vào trang quản lý chiến dịch	1.Nhập loại chiến dịch vào thanh tìm kiếm 2.Bấm nút tìm kiếm hoặc enter	Loại chiến dịch không có trong hệ thống	không tìm thấy chiến dịch trong bảng chiến dịch
UR-5.1.1	TC_07	Tìm kiếm chiến dịch	Tìm theo mô tả chiến dịch:Tìm thấy chiến dịch	1.Nhà quảng cáo đã truy cập vào hệ thống quản lý chiến dịch 2.Hệ thống hoạt động bình thường 3.Nhà quảng cáo vào trang quản lý chiến dịch	1.Nhập mô tả chiến dịch vào thanh tìm kiếm 2.Bấm nút tìm kiếm hoặc enter	Mô tả chiến dịch có trong hệ thống	Tìm thấy chiến dịch trong bảng chiến dịch

UR-5.1.1	TC_08	Tìm kiếm chiến dịch	Tìm theo mô tả chiến dịch:không tìm thấy kết quả	1.Nhà quảng cáo đã truy cập vào hệ thống quản lý chiến dịch 2.Hệ thống hoạt động bình thường 3.Nhà quảng cáo vào trang quản lý chiến dịch	1.Nhập mô tả chiến dịch vào thanh tìm kiếm 2.Bấm nút tìm kiếm hoặc enter	Mô tái chiến dịch không có trong hệ thống	không tìm thấy chiến dịch trong bảng chiến dịch
UR-5.1.2	TC_01	Tạo chiến dịch	Tạo chiến dịch thành công	1.Nhà quảng cáo đã truy cập vào hệ thống quản lý chiến dịch 2.Hệ thống hoạt động bình thường 3.Nhà quảng cáo vào trang quản lý chiến dịch	1.Ấn nút tạo chiến dịch 2.Nhập thông tin chiến dịch 3.Nhấn nút lưu	Nhập đầy đủ và hợp lệ các thông tin	Chiến dịch sẽ thêm vào hệ thống và hiển thị thông báo thêm chiến dịch thành công
UR-5.1.2	TC_02	Tạo chiến dịch	Tạo chiến dịch thất bại	1.Nhà quảng cáo đã truy cập vào hệ thống quản lý chiến dịch 2.Hệ thống hoạt động bình thường 3.Nhà quảng cáo vào trang quản lý chiến dịch	1.Ấn nút tạo chiến dịch 2.Nhập thông tin chiến dịch 3.Nhấn nút lưu	Nhập thiếu hoặc sai các thông tin	Hệ thống sẽ thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại
UR-5.2.1	TC_01	Báo cáo chiến dịch	Báo cáo chiến dịch thành công	1.Nhà quảng cáo đã truy cập vào hệ thống quản lý chiến dịch 2.Hệ thống hoạt động bình thường 3.Nhà quảng cáo vào trang phân tích và báo cáo	1.chọn chiến dịch 2.Ấn nút báo cáo chiến dịch	Có chiến dịch trong hệ thống	Hiển thị báo cáo chiến dịch
UR-5.2.1	TC_02	Báo cáo chiến dịch	Báo cáo chiến dịch thất bại	1.Nhà quảng cáo đã truy cập vào hệ thống quản lý chiến dịch 2.Hệ thống hoạt động bình thường 3.Nhà quảng cáo vào trang phân tích và báo cáo	1.không chọn chiến dịch 2.Ấn nút báo cáo chiến dịch	Có chiến dịch trong hệ thống	Hiển thị thông báo vui lòng chọn chiến dịch

				tích và báo cáo		
--	--	--	--	-----------------	--	--

BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ

MSSV	Họ và tên	Trang	Đã thực hiện	Đánh giá (0-5)
4551050113	Nguyễn Diệu Linh	Bài 1: 4 Bài 2: 6 Bài 3: 12 -21 Bài 4: 39, 41 – 51 Bài 5: 68 – 72 Bài 6: 82 – 85	Bài 1: Làm chung Bài 2: Số yêu cầu đã phát biểu: 3 Bài 3: Số màn hình đã vẽ: 4 Bài 4: Số use case đã phát biểu: 11 Bài 5: Số activity diagram đã vẽ: 5 Bài 6: Số test case đã làm: 15 – 3 chức năng	5
4551050072	Đặng Lê Huy	Bài 1: 4 Bài 2: 6 - 8 Bài 3: 21 – 23 Bài 4: 39, 51 – 56 Bài 5: 73 – 76 Bài 6: 85 - 89	Bài 1: Làm chung Bài 2: Số yêu cầu đã phát biểu: 5 Bài 3: Số màn hình đã vẽ: 1 Bài 4: Số use case đã phát biểu: 7 Bài 5: Số activity diagram đã vẽ: 7 Bài 6: Số test case đã làm: 16 – 3 chức năng	5
4551050152	Trần Yên Nhi	Bài 1: 5 Bài 2: 9 – 10 Bài 3: 33 - 38 Bài 4: 40, 57 – 60 Bài 5: 78- 79 Bài 6: 89 – 94	Bài 1: Làm chung Bài 2: Số yêu cầu đã phát biểu: 5 Bài 3: Số màn hình đã vẽ: 3 Bài 4: Số use case đã phát biểu: 3 Bài 5: Số activity diagram đã vẽ: 3 Bài 6: Số test case đã làm: 24 – 3 chức năng	5
4551050164	Nguyễn Thiên Phú	Bài 1: 5 Bài 2: 10 -11 Bài 3: 24 – 27 Bài 4: 40, 60 – 64 Bài 5: 76 – 77 Bài 6: 94 – 97	Bài 1: Làm chung Bài 2: Số yêu cầu đã phát biểu: 5 Bài 3: Số màn hình đã vẽ: 2 Bài 4: Số use case đã phát biểu: 5 Bài 5: Số activity diagram đã vẽ: 3 Bài 6: Số test case đã làm: 16 – 3 chức năng	5

4551050168	Nguyễn Võ Thé Phương	Bài 1: 6 Bài 2: 11 Bài 3: 27 – 32 Bài 4: 41, 64 – 68 Bài 5: 80 – 81 Bài 6: 97 – 99	Bài 1: Làm chung Bài 2: Số yêu cầu đã phát biểu: 5 Bài 3: Số màn hình đã vẽ: 3 Bài 4: Số use case đã phát biểu: 5 Bài 5: Số activity diagram đã vẽ: 3 Bài 6: Số test case đã làm: 12 – 3 chức năng	5
------------	-------------------------	---	--	---

HẾT
